



BÁO CÁO

Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2020

Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) thông qua Dự án Thúc đẩy cải cách và nâng cao năng lực kết nối của doanh nghiệp nhỏ và vừa (LinkSME). Nội dung của tài liệu này không phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	7
TỔNG QUAN APCI 2020	8
1.CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.....	14
1.1. Giới thiệu.....	14
1.2. Kết quả APCI theo nhóm TTHC	15
1.3. Xu hướng cải cách 2020.....	21
1.4. Thông điệp cải cách từ APCI 2020.....	24
2.HỒ SƠ CÁC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	29
2.1. Nhóm TTHC liên quan đến Đất đai.....	29
2.2. Nhóm TTHC liên quan đến Đầu tư	36
2.3. Nhóm TTHC liên quan đến Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh...44	
2.4. Nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới.....	53
2.5. Nhóm TTHC liên quan đến Khởi sự doanh nghiệp	62
2.6. Nhóm TTHC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành.....	70
2.7. Nhóm TTHC liên quan đến Môi trường	77
2.8. Nhóm TTHC liên quan đến Thuế.....	83
2.9. Nhóm TTHC liên quan đến Xây dựng	89
Phụ lục 1: Cách thức thực hiện và tính toán chỉ số APCI 2020 (cập nhật về phương pháp luận)	97
Phụ lục 2: Danh mục các nhóm TTHC được định hướng cho chỉ số APCI 2020	104
Phụ lục 3: Danh sách các TTHC được khảo sát ở APCI 2020	105
Phụ lục 4: Danh sách các tỉnh thuộc vùng KTTĐ	107

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Kết quả khảo sát APCI 2020 của các nhóm TTHC	16
Bảng 2: Mức độ cải thiện theo từng chỉ số thành phần của các nhóm TTHC.....	20
Bảng 3: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm Đất đai qua các năm	34
Bảng 4: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Đầu tư qua các năm.....	42
Bảng 5: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề và Điều kiện kinh doanh qua các năm	49
Bảng 6: Thời gian thực hiện theo phân luồng hàng hóa (giờ).....	57
Bảng 7: So sánh các chi phí thành phần của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới	59
Bảng 8: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp qua các năm	67
Bảng 9: Chi tiết thời gian thực hiện theo TTHC	72
Bảng 10: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành	75
Bảng 11: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Môi trường.....	81
Bảng 12: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Thuế	86
Bảng 13: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Xây dựng.....	93

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1: Điểm APCI 2020 của các nhóm TTHC so với APCI 2019	19
Hình 2: Điểm CPTT 2020 theo nhóm TTHC và theo vùng	21
Hình 3: Phân bố của các địa phương theo chi phí và thời gian thực hiện TTHC và xu hướng..	22
Hình 4: Thực tiễn tốt nhất trong từng lĩnh vực.....	23
Hình 5: Xếp hạng tạm thời về CPTT của một số địa phương	24
Hình 6: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Đất đai.....	29
Hình 7: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai.....	30
Hình 8: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Đất đai theo vùng	30
Hình 9: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Đất đai.....	31
Hình 10: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai theo vùng	33
Hình 11: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Đất đai	34
Hình 12: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Đầu tư	37
Hình 13: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư	37
Hình 14: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Đầu tư theo vùng	38
Hình 15: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Đầu tư	38
Hình 16: Chi phí trực tiếp trung bình của nhóm TTHC Đầu tư theo vùng	40
Hình 17: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Đầu tư	41
Hình 18: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.....	45
Hình 19: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh	45
Hình 20: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo vùng	46

Hình 21: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.....	46
Hình 22: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo vùng	47
Hình 23: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh qua các năm	49
Hình 24: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới	53
Hình 25: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới	54
Hình 26: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới theo vùng	55
Hình 27: Thời gian thực hiện theo phân luồng hàng hóa	55
Hình 28: Chi phí trực tiếp trung bình của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới theo vùng	58
Hình 29: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới	59
Hình 30: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp	62
Hình 31: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp.....	63
Hình 32: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp theo vùng	63
Hình 33: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp	64
Hình 34: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp theo vùng	66
Hình 35: Điểm APCI của Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp qua các năm.....	67
Hình 36: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành.....	70
Hình 37: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành	71
Hình 38: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành.....	71
Hình 39: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Kiểm tra chuyên ngành.....	72
Hình 40: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành	74
Hình 41: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành	74
Hình 42: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Môi trường	77
Hình 43: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm Môi trường.....	78
Hình 44: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Môi trường theo vùng	78
Hình 45: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC Môi trường	79
Hình 46: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Môi trường theo vùng	80
Hình 47: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Môi trường	81
Hình 48: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Thuế.....	83
Hình 49: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế.....	84
Hình 50: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Thuế theo vùng	84
Hình 51: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Thuế.....	85
Hình 52: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế theo vùng	86

Hình 53: Điểm APCI của Nhóm TTHC Thuế qua các năm.....	86
Hình 54: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Xây dựng	89
Hình 55: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng	90
Hình 56: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Xây dựng theo vùng.....	90
Hình 57: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Xây dựng	91
Hình 58: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng theo vùng.....	92
Hình 59: Điểm APCI của Nhóm TTHC Xây dựng qua các năm	93
Hình 60: Đo lường APCI	98

MỤC LỤC HỘP

Hộp1: Khó khăn trong điện tử hóa TTHC về Đất đai.....	32
Hộp2: <i>Bất cập ở một số quy định về dự án đất Nông nghiệp</i>	32
Hộp 3: Mâu thuẫn trong các quy định về TTHC.....	39
Hộp 4: Chủ trương, chính sách đầu tư không nhất quán	39
Hộp 5: Năng lực của cán bộ hướng dẫn.....	39
Hộp 6: Thực tiễn thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp	50
Hộp 7: Thực tiễn áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trong ngành Y tế tại Nam Định.....	51
Hộp 8: Thực tiễn cung cấp thông tin trong ngành Y tế tại Nam Định	52
Hộp 9: Thời gian xử lý hồ sơ và giải phóng hàng của cơ quan Hải quan	56
Hộp10: Khó khăn vì “Điều lệ doanh nghiệp”	64
Hộp 11: Chi phí không chính thức	66
Hộp 12: Vì sao phải thuê tư vấn?	79

CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ KHÁI NIỆM

APCI	Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CPTT	Chi phí tuân thủ. Chi phí tuân thủ của một thủ tục hành chính là tổng cộng của tất cả các chi phí bao gồm chi phí thời gian và chi phí trực tiếp cần thiết để thực hiện thủ tục hành chính đó.
Chi phí thời gian	Là chi phí quy đổi từ việc đo lường thời gian cần thiết của mỗi doanh nghiệp kể từ khi bắt đầu tìm hiểu về thủ tục hành chính (tìm hiểu thông tin về thủ tục hành chính) cho đến khi hoàn tất việc thực hiện thủ tục hành chính theo quy định hiện hành (nhận kết quả thủ tục hành chính)
Chi phí trực tiếp	Là chi phí mà doanh nghiệp đã phải chi trả bằng tiền trong suốt quá trình thực hiện thủ tục hành chính để nhận được kết quả của thủ tục hành chính (không bao gồm chi phí cơ hội).
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
VNSW	Hệ thống thông tin một cửa quốc gia
KHĐT	Kế hoạch đầu tư
KTTĐ	Kinh tế trọng điểm
PCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Việt Nam.
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TTHC	Thủ tục hành chính
TTTT	Thông tin truyền thông
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

LỜI GIỚI THIỆU

Trong năm 2020, việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân nói riêng tiếp tục là ưu tiên của Chính phủ và được thể hiện xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trên các bảng xếp hạng của các tổ chức quốc tế uy tín, Việt Nam đã có nhiều thành tích đáng ghi nhận: Năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam theo xếp hạng năm 2019 của Diễn đàn kinh tế thế giới tăng 3,5 điểm và tăng 10 bậc; Kết quả cải thiện Môi trường kinh doanh theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB) năm 2020 tăng 1,2 điểm... Tuy vậy, chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Việt Nam vẫn tiếp tục thuộc nhóm thấp và trung bình thấp, chỉ xếp thứ 5 hoặc thứ 6 trong các nước ASEAN; đòi hỏi Việt Nam cần phải tiếp tục nỗ lực cải cách mạnh mẽ và có những đột phá thực sự để đạt mục tiêu vào nhóm 4 nước đứng đầu khu vực.

Tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, Chính phủ đã giao Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ thực hiện khảo sát, đánh giá và công bố thường niên Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI).

Với phương pháp đánh giá dựa trên mô hình chi phí chuẩn (Standard Cost Model - SCM) và được xây dựng dựa trên kết quả phân tích các phiếu khảo sát doanh nghiệp của 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, APCI cho thấy một bức tranh chân thực và sinh động về chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải chi trả để thực hiện TTHC theo quy định của pháp luật hiện hành. Thông qua các số liệu và thông tin thực tế, APCI phản ánh khách quan mức độ cải cách, cải thiện các thủ tục hành chính, quy định của pháp luật về môi trường kinh doanh cũng như quá trình thực thi pháp luật, chính sách của các Bộ, ngành, địa phương.

Báo cáo APCI 2020 được kỳ vọng sẽ giúp cho Chính phủ có được kênh thông tin tham khảo hiệu quả nhằm tiếp tục đưa ra các quyết sách phù hợp để tiếp tục thúc đẩy mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Báo cáo nhận được sự chỉ đạo trực tiếp về nội dung của TS. Mai Tiến Dũng - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách TTHC và TS. Ngô Hải Phan - Cục trưởng Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ - Phó Chủ tịch thường trực kiêm Tổng Thư ký Hội đồng tư vấn cải cách TTHC. Báo cáo do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) hỗ trợ thông qua Dự án Thúc đẩy cải cách và nâng cao năng lực kết nối của doanh nghiệp nhỏ và vừa (LinkSME) và được thực hiện bởi Công ty Tư vấn Quản lý MCG và Văn phòng Luật sư NHQuang và Cộng sự cùng với sự đóng góp ý kiến của Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ, Ban nghiên cứu phát triển kinh tế tư nhân, Hội đồng tư vấn cải cách TTHC và các chuyên gia.

TỔNG QUAN APCI 2020

Bối cảnh

Năm 2020 đã diễn ra với nhiều khó khăn do tác động và diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 trên phạm vi toàn cầu. Khi mà nhiều quốc gia trên thế giới lần lượt công bố các mức tăng trưởng kinh tế âm cùng với số ca tử vong và ca nhiễm COVID-19 tăng vọt trong những ngày cuối năm, thì Chính phủ Việt Nam lạc quan với vị trí thuộc nhóm các quốc gia tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới với mức tăng trưởng dương 2,91%. Sự chèo lái của Chính phủ trong 12 tháng chống chọi với đại dịch COVID-19 vừa qua chính là phép thử khó khăn nhất của bộ máy Trung ương và chính quyền địa phương khi Việt Nam đặt ra mục tiêu “kép” vừa phải khống chế dịch bệnh vừa phải duy trì tăng trưởng kinh tế.

Để có được kết quả tương đối tích cực của ngày hôm nay, không thể không nói đến sự quyết tâm và những hành động cải cách, đổi mới mạnh mẽ của Chính phủ thể hiện trong suốt nhiệm kỳ qua, bắt nguồn từ chính thông điệp mạnh mẽ về Chính phủ kiến tạo của Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ khóa XIV. Ngay từ những ngày đầu nhiệm kỳ, người đứng đầu Chính phủ đã nhấn mạnh bốn nội dung chính trong Chính phủ kiến tạo là i) sự chủ động thiết kế ra một hệ thống pháp luật tốt, những chính sách tốt, thể chế tốt để nuôi dưỡng nền kinh tế phát triển, chứ không phải bị động đối phó với những diễn biến trên thực tế, ii) Nhà nước không làm thay thị trường, những khu vực nào thị trường có thể làm được, doanh nghiệp tư nhân có thể làm được thì Nhà nước không can thiệp, mà thay vào đó là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp làm, iii) kiến thiết được môi trường kinh doanh thuận lợi, không chỉ đứng đầu trong nhóm các nước ASEAN, mà còn phấn đấu vươn lên tiêu chí của các nước nhóm OECD, và iv) phải nói đi đôi với làm, siết chặt kỷ cương, đặc biệt phải thay ngay cán bộ không đáp ứng yêu cầu công việc. Đặc biệt, cần xây dựng chính quyền điện tử, thương mại điện tử đến tòa án điện tử ...

Trong bối cảnh này và cũng là năm cuối cùng của nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV, báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2020 (APCI 2020) của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính (TTHC) của Thủ tướng Chính phủ mang một thông điệp quan trọng – ghi nhận những thành công cũng như tiếp tục phát hiện những điểm cần cải thiện của Chính phủ kiến tạo – qua ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp đã trải nghiệm quá trình giải quyết TTHC/dịch vụ hành chính do các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương cung cấp ở 09 nhóm TTHC quan trọng i) *Đầu tư*; ii) *Giao dịch thương mại qua biên giới*; iii) *Khởi sự doanh nghiệp/Đăng ký kinh doanh*; iv) *Môi trường*; v) *Giấy phép, chứng chỉ hành nghề*; vi) *Đất đai*; vii) *Xây dựng*; viii) *Thuế* và ix) *Kiểm tra chuyên ngành*. Kết quả ghi nhận được từ chính những nhóm TTHC này phần nào phản ánh môi trường kinh doanh của Việt Nam trong năm qua, bởi đây cũng chính là các TTHC đã và đang được các tổ chức quốc tế lựa chọn để đánh giá môi trường kinh doanh quốc gia (Chỉ số Doing Business của Ngân hàng Thế giới) và năng lực cạnh tranh quốc gia (Chỉ số về năng lực cạnh tranh quốc gia của Diễn đàn Kinh tế thế giới - World Economic Forum).

Theo đánh giá gần nhất của các tổ chức quốc tế, Việt Nam được đánh giá thăng hạng cả ở chỉ số Môi trường kinh doanh (Doing Business) và chỉ số Năng lực cạnh tranh quốc gia 4.0 (Global Competitiveness Index 4.0). Chỉ số Môi trường kinh doanh từ vị trí 90 (trên 190 quốc gia) khi

Chính phủ bước vào nhiệm kỳ mới (2016) đã lên vị trí 70 (trên 190 quốc gia) vào năm 2020. Chỉ số Năng lực cạnh tranh quốc gia 4.0, dù không được Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) đánh giá vào năm 2020 do dịch COVID-19, nhưng đã được ghi nhận tăng 10 bậc từ vị trí 77 (trên 140 quốc gia) ở năm 2018 lên vị trí 67 (trên 141 quốc gia) vào năm 2019. Kết quả đánh giá của các tổ chức quốc tế uy tín này là những chỉ dấu tích cực phản ánh kết quả mà Chính phủ kiến tạo đã và đang đạt được thông qua sự chủ động thiết kế ra một hệ thống pháp luật tốt, những chính sách tốt, thể chế tốt để nuôi dưỡng nền kinh tế phát triển, việc kiến thiết được môi trường kinh doanh thuận lợi, và việc xây dựng chính quyền điện tử... Bên cạnh việc chuyển dịch nền kinh tế từ tăng trưởng về lượng sang việc vừa bảo đảm giữa lượng và chất, Chính phủ cũng xác định tầm nhìn dài hạn dựa trên việc nuôi dưỡng, phát huy nội lực của các doanh nghiệp trong nước cùng với quá trình thu hút có chọn lọc đối với các doanh nghiệp quốc tế đầu tư vào Việt Nam. Những chính sách và hành động cải cách của Chính phủ kiến tạo tập trung mạnh mẽ vào doanh nghiệp – động lực phát triển và xây dựng một nền kinh tế tự cường - thể hiện ở những quyết sách đáng lưu ý như tạo lập môi trường và nền tảng kinh doanh thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp, liên tục rà soát, cắt giảm điều kiện kinh doanh, tạo thuận lợi hóa thương mại, cắt giảm và đơn giản hóa nhiều quy định và chi phí tuân thủ, thiết lập các cơ chế đối thoại công - tư liên tục và cởi mở; và nỗ lực đặc biệt lớn trong việc hiện đại hóa cung cấp dịch vụ công, trọng tâm là các dịch vụ công trực tuyến với tinh thần lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Việc Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị đầu tiên của năm 2020, Chỉ thị 01/CT-TTg, hướng vào việc thúc đẩy **phát triển doanh nghiệp công nghệ số** Việt Nam, cho thấy trọng tâm phát triển của Việt Nam phải là chuyển đổi số để Việt Nam có thể đột phá và nhanh chóng bắt kịp các nước phát triển cũng đang bước đầu thực hiện chuyển đổi số. Chỉ thị 01 đã trở thành động lực để hơn 13.000 doanh nghiệp công nghệ số được thành lập mới trong 12 tháng¹ bất chấp những khó khăn và đầy biến động ở cả trong và ngoài nước vừa qua. Mức tăng trưởng này tương đương với mức tăng 28% của giai đoạn suốt 30 năm trở về trước và chỉ riêng ngành CNTT đã sử dụng 1,03 triệu lao động, đóng góp đến 14,3% GDP và 33,7% tỷ trọng xuất khẩu của cả nước². Không chỉ có doanh nghiệp công nghệ số được quan tâm thúc đẩy, những năm trước đó Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo **cải thiện môi trường kinh doanh** tạo điều kiện phát triển cho doanh nghiệp nói chung để thúc đẩy nền kinh tế quốc gia như Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; các Nghị quyết số 19/NQ-CP qua các năm 2015, 2016, 2017 và 2018 với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, và các Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2019 và 2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, với mục tiêu môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của Việt Nam nằm trong nhóm 04 nước đứng đầu ASEAN trong năm 2020.

¹ Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng thông tin tại Diễn đàn Phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam 2020 diễn ra tại Hà Nội sáng 23/12/2020

² 20 năm phát triển công nghệ thông tin và triển vọng đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam; <https://tuoitre.vn/20-nam-phat-trien-cong-nghe-thong-tin-va-trien-vong-doi-moi-mo-hinh-tang-truong-cua-viet-nam-20201225170005992.htm>

Khi mà chuyển đổi số không còn là một lựa chọn mà đã là tất yếu, những cải cách của Chính phủ đều được xây dựng trên một nền tảng số lấy **Chính phủ điện tử** làm trọng tâm và lấy người dân làm trung tâm. Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/05/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 đã đánh dấu **làn sóng cải cách TTHC** thứ ba, với nhiều công cụ cải cách được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại để kích hoạt một chặng đường cải cách mới trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Cải cách không chỉ dừng lại ở nền tảng thể chế mà còn ở cách thức cung cấp dịch vụ tới các đối tượng sử dụng dịch vụ trên cả nước. Một năm chống chọi với đại dịch COVID-19 cho thấy việc đưa dịch vụ công lên nền tảng trực tuyến là tất yếu khi những biến cố tương tự có thể xảy ra bất cứ lúc nào, và những con số ghi nhận được chỉ sau một năm triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, 2.736 TTHC đã được cung cấp trên cổng với 739.416³ hồ sơ trực tuyến thực hiện qua cổng, cho thấy xu hướng sử dụng dịch vụ trực tuyến của người dân và doanh nghiệp trong thời đại số hóa, và tính cấp thiết của việc tiếp tục đẩy mạnh trực tuyến hóa dịch vụ công trong thời gian tới.

Thông điệp từ APCI 2020

Sau những cải cách liên tục, bền bỉ và quyết liệt của Chính phủ hướng tới doanh nghiệp, kết quả APCI 2020 đã phản ánh quyết tâm của Chính phủ, từng cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương trong cải cách TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục thúc đẩy cải cách nền hành chính, chuyển đổi số và cải thiện môi trường kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Khác với những chỉ số đánh giá hoạt động cải cách khác, APCI được thiết kế với kỳ vọng đo lường gánh nặng chi phí thực tế về tuân thủ TTHC và tính sáng tạo, tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các cơ quan trong bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương.

Kết quả APCI 2020 tốt hơn năm 2018 và 2019 phản ánh những nỗ lực cải cách của Chính phủ và các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương trong thời gian qua. Thông tin đầu vào của APCI xuất phát từ những “trải nghiệm thực tế” của các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các TTHC để phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh và hỗ trợ việc định vị 63 địa phương thực thi 09 nhóm TTHC ở trên một ma trận bốn góc riêng biệt⁴. Góc “Hiệu quả” với *chi phí trực tiếp thấp và thời gian thực hiện ngắn* là góc “sáng” là góc gồm 12/63 địa phương có được sự hài lòng của các doanh nghiệp đối với những nỗ lực của các cơ quan nhà nước, cán bộ tại từng ngành, lĩnh vực và địa phương về kết quả giải quyết TTHC cho doanh nghiệp. Các góc “Tốn kém” (*với chi phí trực tiếp cao, thời gian thực hiện ngắn*), “Viết đã” (*với chi phí trực tiếp thấp, thời gian thực hiện dài*) hay “Cần cải thiện” (*với chi phí trực tiếp cao, thời gian thực hiện dài*) là những góc còn “mờ”, “tối” cần phải có thêm ánh sáng của tính sáng tạo, tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính. Bên cạnh những bài học vẫn còn nguyên giá trị từ APCI 2018 và APCI 2019, APCI 2020 tiếp tục cho thấy dư địa cải cách TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ còn rất lớn. Những bài học rút ra từ

³<https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-dich-vu-cong-truc-tuyen.html> (số liệu ngày 29/12/2020)

⁴Xem chi tiết ở hình 4 của báo cáo

khảo sát APCI năm nay được nêu ở dưới đây đặt trong bối cảnh Việt Nam vừa phải thúc đẩy phát triển kinh tế, thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng chuyển dịch và đối mặt với các vấn đề phát sinh do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 để nhận thấy giá các giá trị từ cải cách TTHC.

Bài học thứ nhất, việc thực hiện và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử để cải thiện và tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp không còn là một ưu tiên cần cân nhắc mà đã là một nhiệm vụ cấp bách, được đặt lên hàng đầu của Chính phủ, và các bộ ngành. Điều này đã cho thấy sự đúng đắn trong chỉ đạo, và đã góp phần rất lớn thúc đẩy một môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch và tạo dựng niềm tin để doanh nghiệp yên tâm đầu tư, kinh doanh trong thời kỳ “Khởi đầu mới”. Kết quả APCI qua ba năm 2018, 2019 và 2020 cho thấy những nhóm TTHC nào được các cơ quan nhà nước trong bộ máy hành chính duy trì được nhịp cải thiện liên tục thông qua phương thức điện tử đều được phản ánh ngay vào kết quả điểm APCI hàng năm. Định hướng xây dựng chính quyền điện tử với các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử theo Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 17/NQ-CP năm 2019 của Chính phủ đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp không chỉ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 mà còn phát huy hiệu quả trong bối cảnh dịch COVID-19. Những tín hiệu tốt này cũng đã giữ vững được niềm tin cho doanh nghiệp về khả năng tồn tại và phát triển trong bối cảnh khó khăn do tác động của dịch COVID-19 và ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu. APCI 2019 và APCI 2020 đều cho thấy **những nhóm TTHC có điểm APCI cao và có những tiến bộ đáng kể qua các năm là nhờ vào việc áp dụng công nghệ thông tin** để hỗ trợ cho việc thực hiện TTHC của doanh nghiệp cũng như giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử. Thành công ban đầu của Cổng dịch vụ công quốc gia là một ví dụ thành công đối với việc thực hiện và xử lý TTHC trên môi trường điện tử. Những yếu tố này sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia, đồng thời hạn chế được tiêu cực, nhũng nhiễu và rủi ro về tình huống bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh thường phát sinh ở phương thức truyền thống.

Bài học thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh việc cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, bao gồm chi phí chính thức và không chính thức để tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch và bộ máy công vụ liêm chính, tin cậy, tạo cơ hội cho doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Chi phí không chính thức được phản ánh nhiều ở các nhóm TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh như các nhóm TTHC về Kiểm tra chuyên ngành, Giao dịch thương mại qua biên giới, Đất đai, Xây dựng, Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Chi phí không chính thức không chỉ làm gia tăng chi phí tuân thủ mà còn làm cho môi trường kinh doanh trở nên thiếu lành mạnh, kém cạnh tranh và gây e ngại cho các doanh nghiệp nước ngoài muốn kinh doanh và cạnh tranh công bằng tại Việt Nam và hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam. Chi phí không chính thức trong một số tình huống hoặc TTHC dù không lớn nhưng cũng tạo ra trở ngại khác, như thời gian và tính công bằng và rủi ro pháp lý trong kinh doanh. Hơn nữa, để có thể “tăng liên kết giữa đầu tư nước và đầu tư trong nước”, nâng cao “sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu”, và hỗ trợ được doanh nghiệp trong nước “tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu” theo Nghị quyết 50-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 85/NQ-QH14 của Quốc hội thì môi trường kinh doanh tại Việt Nam phải lành mạnh, minh bạch, công khai nhất quán và có tính cạnh tranh cao. Nếu để khoản chi phí này tiếp tục tồn tại và bao trùm

trên diện rộng thì sẽ “cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong nhân dân, đang là vấn đề thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước” như Nghị quyết số 126/NQ-CP của Chính phủ đã nhận định.

Bài học thứ ba, việc thực hiện các giải pháp để chuyển đổi từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” là cách thức phù hợp để giảm chi phí tuân thủ TTHC. Qua 3 năm, APCI cho thấy ***một phương thức dẫn đến thành công về cải cách của một số nhóm TTHC như thuế, Giao dịch thương mại qua biên giới, đầu tư, khởi sự doanh nghiệp, môi trường là chuyển phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”***. Việc chuyển đổi này không chỉ đơn giản là điều chuyển các điều kiện, yêu cầu chứng minh đối với doanh nghiệp từ giai đoạn trước “cấp phép” sang sau “cấp phép” mà là thay đổi hoàn toàn phương thức quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực cải cách cũng như là thay đổi nhận thức của doanh nghiệp về trách nhiệm kinh doanh của mình. Thực tế, việc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong thực hiện TTHC hải quan đã được cơ quan Hải quan thực hiện từ 2005 thông qua triển khai toàn diện công tác kiểm tra sau thông quan. Khảo sát APCI tại các địa phương cho thấy doanh nghiệp mong mỗi cần có những quy định, khuôn khổ, phương thức cụ thể, rõ ràng và bảo đảm các tiêu chí giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp trong công tác hậu kiểm. ***Doanh nghiệp mong muốn công tác này mang tính khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp tự giác thực hiện đúng pháp luật, cảnh báo sớm nguy cơ vi phạm các quy định pháp luật thay vì cơ quan chức năng tìm soát “lỗi” của doanh nghiệp để xử phạt. Doanh nghiệp cũng mong muốn các quy phạm pháp luật cần rõ ràng, thống nhất và có thể dự đoán được để các doanh nghiệp có thể tự kiểm soát về khả năng tuân thủ pháp luật***. Như vậy, công tác “hậu kiểm” thực sự có ý nghĩa trong việc bảo đảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt ở khu vực tư nhân mà Quyết định 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra.

Bài học thứ tư là APCI 2020 phản ánh một nền hành chính phục vụ, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, sẽ đem lại hiệu quả về tiết kiệm chi phí cho toàn xã hội. Phân tích các chỉ số thành phần của những địa phương đứng đầu về số điểm APCI 2019 và 2020 cho thấy thành công của các địa phương là nhờ các chỉ số về thời gian thực hiện TTHC, chi phí trực tiếp và tổng chi phí thấp. Thực tế này đã phản ánh phần nào thái độ, trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ trong bộ máy hành chính nhà nước tại các địa phương này trong việc giải quyết TTHC cho doanh nghiệp. Như vậy, công tác cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC phụ thuộc vào không chỉ các yếu tố về thể chế và hạ tầng mà còn về chính những con người thực hiện các TTHC đó. Thực vậy, song song với việc thúc đẩy chuyển đổi từ thái độ và trách nhiệm công vụ sang thái độ và trách nhiệm phục vụ người dân của cơ quan và cán bộ nhà nước, việc thực hiện và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử sẽ hỗ trợ cắt giảm áp lực tiếp xúc trực tiếp của các cán bộ của bộ máy hành chính tạo điều kiện cho cán bộ tập trung giải quyết các vấn đề chuyên môn hiệu quả hơn.

Những khuyến nghị cải cách từ APCI 2020

Đẩy mạnh áp dụng chính phủ điện tử trong việc thực hiện các TTHC, thúc đẩy kênh thông tin liên lạc giữa Nhà nước và doanh nghiệp, tăng cường phương thức giải quyết dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp qua môi trường mạng trên nền tảng các hệ thống cơ sở dữ liệu được chia sẻ, liên thông. Tiếp tục hoàn thiện và bổ sung thêm các TTHC, lĩnh vực, dịch vụ trên Cổng dịch vụ công quốc gia để doanh nghiệp có được đầu mối tìm kiếm và thực hiện TTHC trên môi trường

điện tử mà không lo ngại về khoảng cách địa lý hay dịch bệnh. Trong thời gian tới, Chính phủ nên tập trung áp dụng các TTHC điện tử đối với các TTHC đơn giản với số lượng người thực hiện đông, tần suất thực hiện nhiều, ví dụ như TTHC cấp lý lịch tư pháp để đủ điều kiện thực hiện các TTHC khác trong hoạt động kinh doanh. Chính phủ cần có quy định về chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; xây dựng cơ chế phản hồi sớm cho các doanh nghiệp về khả năng vi phạm các quy định pháp luật thay vì kiểm tra, thanh tra mang tính truy cứu về hành vi.

Chú trọng và chỉ đạo đẩy mạnh việc nâng cao trình độ, năng lực và thái độ làm việc của cán bộ trực tiếp thực hiện TTHC, cụ thể là: (1) Giao cơ quan đầu mối về cải cách TTHC tổ chức hoạt động trọng tâm về thực hiện hướng dẫn và đào tạo lại đội ngũ cán bộ trực tiếp tiếp nhận/tư vấn/giải quyết các hồ sơ TTHC; (2) Giao trách nhiệm các Bộ, ngành phối hợp với các địa phương định kỳ hàng tháng, quý tổ chức các chương trình hội thảo, lớp tập huấn nội bộ để phổ biến và làm rõ các quy định liên quan tới TTHC (bao gồm nội dung, lý do cần thiết, ý nghĩa của TTHC mới, các vấn đề về sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC và các hướng dẫn áp dụng, các chế tài liên quan...) kết hợp với việc rà soát và tháo gỡ những vướng mắc khi áp dụng TTHC mới hoặc bãi bỏ TTHC hiện hành, trọng tâm vào đội ngũ cán bộ thực thi TTHC để cập nhật thông tin và giải đáp thắc mắc của doanh nghiệp liên quan đến TTHC; (3) Có chế tài quyết liệt và rõ ràng hơn đối với những hành vi những thiếu, tiêu cực của cán bộ giải quyết TTHC, góp phần giảm thiểu các chi phí không chính thức cho doanh nghiệp.

Yêu cầu đổi mới phương thức và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả đối với việc công bố, công khai và giải quyết TTHC (bao gồm cả nội dung quy định cũng như tình trạng giải quyết, kết quả giải quyết TTHC), cụ thể là: (1) thông tin hướng dẫn về quy trình thực hiện TTHC cần được sơ đồ hóa các bước theo hướng đơn giản, dễ hiểu, thống nhất giữa các địa phương và công bố cho người dân thông qua website của cơ quan thực hiện TTHC; (2) tất cả các hồ sơ giải quyết TTHC không đúng thời gian như quy định cần có nhật ký giải trình và được ghi lại để hình thành bộ dữ liệu liên quan, phục vụ giải đáp công khai trên website cho người dân/doanh nghiệp tìm hiểu, rút kinh nghiệm khi thực hiện các TTHC; và (3) bổ sung các chỉ số và thước đo tích hợp trên hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến để phản ánh tương tác thực tế của người dân và doanh nghiệp với các thông tin được công khai nhằm cải thiện liên tục hiệu quả của quá trình này.

Song song với nỗ lực nói trên, Chính phủ cần nhắc nghiên cứu, đẩy mạnh áp dụng các xu hướng cải cách có thể mang lại sự đột phá trong cung cấp dịch vụ hành chính công như: (1) cơ chế bảo lãnh (cơ chế bảo lãnh thông quan đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính xây dựng Đề án thí điểm tại Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26/9/2018) để huy động khu vực tư nhân vào cuộc, san sẻ một phần trách nhiệm cùng các cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện các nỗ lực cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp, người dân; (2) cơ chế xã hội hóa dịch vụ công, một cơ chế đã được Đảng và Nhà nước chỉ đạo nghiên cứu, thực hiện nhiều năm nay và đã áp dụng, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong một số lĩnh vực như giáo dục, y tế hay công chứng tư nhân với các lựa chọn khác nhau về thời gian, mức phí cho người dân, doanh nghiệp.

Sau cùng, tất cả các nỗ lực kể trên phải có quá trình truyền thông những cải cách thực sự hiệu quả đi kèm để lan tỏa tinh thần, nỗ lực cải cách của Chính phủ tới từng người dân, doanh nghiệp và tiếp nhận sự tham gia, cổ vũ và động viên của người dân và doanh nghiệp trong từng hoạt động cải cách đó.

1. CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1.1. Giới thiệu

Về Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI)

Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI) 2020 của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ là báo cáo đánh giá chi phí thực tế mà doanh nghiệp và tổ chức phải chi trả để thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên cả nước theo quy định hiện hành trong khuôn khổ của Đề án xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC (Đề án 383)⁵ và theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 (Nghị quyết số 02/NQ-CP). Chỉ số APCI được công bố lần đầu tiên vào năm 2018 và Báo cáo APCI 2020 là báo cáo được thực hiện lần thứ ba. Trong năm thứ ba này, Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC đã nhận được ý kiến và chia sẻ thông tin thông qua phiếu khảo sát của gần 3.000 doanh nghiệp đã thực hiện các TTHC trên cả nước trong sáu tháng cuối năm 2019 (từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2019) về thời gian và các chi phí cần thiết để thực hiện TTHC. Nhóm tư vấn cũng tiếp nhận các ý kiến trực tiếp thông qua khảo sát chuyên sâu⁶ với các cơ quan quản lý nhà nước thuộc địa phương, Hiệp hội doanh nghiệp, chuyên gia, và các doanh nghiệp tại 7 tỉnh/thành (Lạng Sơn, Nam Định, Hà Nội, Đắk Lắk, Kon Tum, Đồng Nai, và thành phố Hồ Chí Minh).

Báo cáo APCI 2020 được xây dựng nhằm tiếp tục đánh giá chi phí tuân thủ (CPTT) của doanh nghiệp để thực hiện các TTHC do các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giải quyết, qua đó xác định những nhóm TTHC đã và đang là gánh nặng về chi phí của doanh nghiệp. Đồng thời, Báo cáo APCI 2020 có thể được sử dụng như một trong những thước đo về hiệu quả của những nỗ lực cải cách TTHC ở cấp trung ương (cấp ban hành chính sách) và cấp địa phương (cấp thực thi) nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành, chất lượng quản trị công của bộ máy hành chính nhà nước các cấp, và tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Chỉ số APCI gồm hai chỉ số thành phần, phản ánh các loại chi phí chủ yếu mà doanh nghiệp sẽ phải chi trả khi thực hiện TTHC là:

- i) **Chi phí thời gian** thông qua đo lường về thời gian cần thiết của mỗi doanh nghiệp kể từ khi bắt đầu tìm hiểu về TTHC (tìm hiểu thông tin về TTHC) cho đến khi hoàn tất việc thực hiện TTHC theo quy định hiện hành (nhận kết quả TTHC). Chi phí thời gian trung bình cho mỗi nhóm TTHC được tính là trung bình cộng của chi phí của tất cả các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC, không bao gồm các doanh nghiệp thuê trung gian/bên thứ ba để thực hiện TTHC. Điểm chi phí thời gian (*từ 0 đến 100 điểm*) được tính là điểm phần trăm đạt được so với thời gian

⁵Quyết định số 383/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính ngày 07/06/2017 về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

⁶Bao gồm các cuộc phỏng vấn trực tiếp và thảo luận bàn tròn.

thực hiện TTHC ngắn nhất. Trong đó 0 điểm là *thời gian dài nhất* ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát, 100 điểm là *thời gian ngắn nhất* ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát;

- ii) **Chi phí trực tiếp** mà doanh nghiệp đã phải chi trả bằng tiền trong suốt quá trình thực hiện TTHC để nhận được kết quả của TTHC. Chi phí trực tiếp càng thấp càng tốt. Chi phí trực tiếp trung bình cho mỗi nhóm TTHC được tính là trung bình cộng của chi phí của tất cả các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC, không bao gồm các doanh nghiệp thuê trung gian/bên thứ ba để thực hiện TTHC. Điểm chi phí trực tiếp (*từ 0 đến 100 điểm*) được tính là điểm phần trăm đạt được so với chi phí trực tiếp thấp nhất. Trong đó 0 điểm là *Chi phí trực tiếp nhiều nhất* ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát, 100 điểm là *Chi phí trực tiếp thấp nhất* ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát; và

Chi phí tuân thủ (CPTT) bằng Tổng chi phí thực hiện một TTHC, bao gồm chi phí thời gian và chi phí trực tiếp cần thiết để thực hiện TTHC đó, hoặc tổng chi phí thuê bên thứ ba để thực hiện TTHC. Chi phí tuân thủ trung bình cho mỗi nhóm TTHC được tính là trung bình cộng của chi phí của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát, bao gồm doanh nghiệp tự thực hiện TTHC và doanh nghiệp thuê trung gian/bên thứ ba để thực hiện TTHC.

Phạm vi Báo cáo APCI2020

Các TTHC thuộc phạm vi đánh giá của Báo cáo APCI 2020 được lựa chọn dựa trên nguyên tắc là: 1) các nhóm TTHC liên quan đến vòng đời hoạt động của doanh nghiệp, và 2) các nhóm TTHC gắn với ưu tiên cải cách liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của Chính phủ (Chi tiết về Danh sách các TTHC được khảo sát ở APCI 2020 ở Phụ lục 3).

Căn cứ dữ liệu doanh nghiệp thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2019 do các Bộ, địa phương cung cấp và căn cứ thông tin phản hồi từ doanh nghiệp, có 9 nhóm TTHC sau đảm bảo đầy đủ tiêu chí đánh giá của APCI 2020, gồm: i) Khởi sự doanh nghiệp, ii) Thuế, iii) Đầu tư, iv) Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, v) Giao dịch thương mại qua biên giới, vi) Đất đai, vii) Môi trường, viii) Xây dựng, và ix) Kiểm tra chuyên ngành. Thông tin về CPTT các TTHC do doanh nghiệp phản ánh trong APCI được ghi nhận trong khoảng thời gian khảo sát (6 tháng cuối năm 2019) ở các địa phương.

1.2. Kết quả APCI theo nhóm TTHC

1.2.1 Kết quả APCI 2020

Kết quả khảo sát APCI 2020 về CPTT trung bình của các nhóm TTHC được trình bày ở Bảng 1 dưới đây. Lưu ý các nhóm chi phí được xếp thứ tự từ thấp đến cao và không nhằm mục đích so sánh giữa các ngành, các nhóm thủ tục với nhau bởi sự khác nhau về mục tiêu quản lý và các yêu cầu kỹ thuật đối với từng nhóm TTHC.

Bảng 1: Kết quả khảo sát APCI 2020 của các nhóm TTHC

Nhóm TTHC	CPTT trung bình (nghìn đồng)
TAX - Thuế	267
KNG - Khởi sự doanh nghiệp	952
KTN - Kiểm tra chuyên ngành	3,038
DDA - Đất đai	4,304
GTB - Giao dịch thương mại qua biên giới	5,154
DDK - Điều kiện kinh doanh	6,878
DTU - Đầu tư	9,146
XDG - Xây dựng	25,276
MTR - Môi trường	63,317

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Phân phân tích dưới đây tóm tắt các chi phí thành phần của mỗi nhóm, và những khó khăn/thuận lợi tiêu biểu của từng nhóm được ghi nhận từ khảo sát doanh nghiệp và nghiên cứu của chuyên gia.

- Nhóm TTHC Thuế:** Theo báo cáo của Tổng cục Thuế⁷, tính đến tháng 11 năm 2019, 99,9% doanh nghiệp kê khai thuế điện tử; 99,6% doanh nghiệp nộp thuế điện tử, 93,6% doanh nghiệp hoàn thuế điện tử trên toàn quốc. Ngành Thuế đã từng bước hoàn thiện mô hình thủ tục Thuế điện tử và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân. Khảo sát APCI 2020 cho thấy để thực hiện các TTHC trong nhóm Thuế, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 3,8 giờ và 11,6 nghìn đồng chi phí trực tiếp. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói thấp, khoảng 5% với chi phí trung bình 500 nghìn đồng/TTHC.
- Nhóm Khởi sự doanh nghiệp:** Điện tử hóa cách thức thực hiện các TTHC đăng ký doanh nghiệp được Chính phủ, Bộ Kế hoạch - Đầu tư (KHĐT) và Bộ Tài chính ưu tiên triển khai trong thời gian qua. Để thực hiện TTHC trong nhóm Khởi sự doanh nghiệp, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 7,3 giờ và 494 nghìn đồng chi phí trực tiếp. Theo khảo sát, cứ 100

⁷ Tổng cục Thuế, Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, truy cập ngày 29/11/2019; Thời báo Tài chính Việt Nam, Cải cách thủ tục hành chính thuế: Lấy người nộp thuế làm trung tâm, Truy cập ngày 16/1/2019, tại <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thue-voi-cuoc-song/2019-01-16/cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-thue-lay-nguoi-nop-thue-lam-trung-tam-66738.aspx>

doanh nghiệp thì có gần 17 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện các TTHC liên quan đến Khởi sự doanh nghiệp với chi phí trung bình 2 triệu đồng/TTHC.

- **Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành:** Theo khảo sát APCI 2020, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 12,2 giờ và gần 2 triệu đồng chi phí trực tiếp để thực hiện một thủ tục Kiểm tra chuyên ngành. Trong hai nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành được khảo sát của Thông tin và Truyền thông và Bộ Khoa học và Công nghệ thì mới chỉ có nhóm thủ tục của Bộ Khoa học và Công nghệ có thể thực hiện được trực tuyến trên hệ thống thông tin một cửa quốc gia (VNSW), dẫn đến sự khác biệt lớn trong CPTT của hai nhóm thủ tục này. Theo khảo sát, cứ 100 doanh nghiệp thì có khoảng 23 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện các TTHC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành với chi phí trung bình 5,1 triệu đồng/TTHC.
- **Nhóm TTHC Đất đai:** Với bối cảnh khung pháp luật thực hiện các TTHC Đất đai trong năm 2019 vẫn tuân theo các quy định và hướng dẫn từ năm 2017 trở về trước, những nỗ lực của ngành tài nguyên môi trường chủ yếu tập trung vào việc điện tử hóa quy trình làm việc, đưa một số dịch vụ công giải quyết TTHC từ cấp độ 1 lên cấp độ 2⁸ và 3⁹. Để thực hiện TTHC trong nhóm Đất đai, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 20,2 giờ, chi phí trực tiếp là gần 4,3 triệu đồng. Theo khảo sát, cứ 100 doanh nghiệp thì có gần 3 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện các TTHC liên quan đến Đất đai.
- **Nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới:** Năm 2019, nỗ lực trong việc đẩy mạnh hoạt động giao dịch thương mại qua biên giới chủ yếu tập trung vào công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực hải quan và triển khai các giải pháp phát triển dịch vụ logistics theo Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2015. Theo APCI 2020, để thực hiện TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra khoảng 7,3 giờ, chi phí trực tiếp là xấp xỉ ba triệu đồng, trong đó chi phí dịch vụ logistics chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí tuân thủ. Cứ 100 doanh nghiệp thì có đến 51 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới.

⁸ Theo Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

⁹ Theo Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

- **Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh** khảo sát bao gồm bảy TTHC thuộc bốn ngành (công an¹⁰, công thương¹¹, y tế¹², và nông nghiệp và phát triển nông thôn¹³). Trong năm 2019, các Bộ đều có những nỗ lực đáng kể trong việc cải cách TTHC, cắt giảm, bãi bỏ điều kiện kinh doanh. Để thực hiện TTHC, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra xấp xỉ 149,4 giờ, chi phí trực tiếp là 2,5 triệu đồng. Khảo sát doanh nghiệp cho thấy có rất ít doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói để thực hiện những thủ tục này do các yêu cầu về việc khảo sát đánh giá thực tế cơ sở kinh doanh, hoặc yêu cầu về đào tạo chuyên môn trong quá trình cấp phép của cơ quan quản lý.
- **Nhóm TTHC Đầu tư** với các yêu cầu về thủ tục tương chừng như đơn giản nhưng khi thực hiện lại không hề dễ dàng. Khảo sát doanh nghiệp cho thấy sự phức tạp nằm ở các chủ trương, chính sách đầu tư không nhất quán, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ và thực hiện TTHC liên quan. Trong năm 2019, để thực hiện TTHC trong nhóm Đầu tư, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 36,1 giờ, chi phí trực tiếp là khoảng 1,8 triệu đồng cho việc sao chụp, công chứng giấy tờ. Theo khảo sát, cứ 100 doanh nghiệp thì có 9 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện các TTHC liên quan đến Đầu tư, với chi phí trung bình từ hơn 3,3 triệu đồng cho đến 66,3 triệu đồng.
- **Nhóm TTHC Xây dựng:** Bộ Xây dựng đã có nhiều cải cách về quy trình, TTHC về cấp phép xây dựng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện trực tuyến các thủ tục liên quan đến cấp phép xây dựng (bao gồm thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng) để giảm chi phí, nhất là chi phí không chính thức, thực hiện Nghị quyết 19-2018/NQ-CP. Theo APCI 2020, để thực hiện TTHC Xây dựng, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra khoảng 21,2 giờ, chi phí trực tiếp là 4,7 triệu đồng cho các loại chi phí sao chụp, chứng thực hồ sơ, các loại phí và lệ phí theo quy định (bao gồm các loại phí thẩm định và lệ phí cấp phép xây dựng), và một phần chi phí không chính thức. Cứ 100 doanh nghiệp thì có đến gần 16 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện TTHC trong nhóm Xây dựng, với mức chi phí dịch vụ trung bình là hơn 125 triệu đồng/TTHC/doanh nghiệp bao gồm cả các chi phí thiết kế công trình.
- **Nhóm TTHC Môi trường:** Năm 2018, Bộ Tài Nguyên và Môi trường (TNMT) và các địa phương đã có nhiều nỗ lực để các nhà đầu tư đã dễ dàng hơn trong việc tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết 19-2018/NQ-CP¹⁴. Sự thay đổi lớn nhất chính là thay đổi trong phương pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của các cơ quan chức năng đó là chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, và quản lý đúng đối

¹¹ Gồm TTHC i) Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu; ii) Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

¹² Gồm TTHC i) Cấp Giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế; ii) Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, iii) Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc

¹³ Gồm TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

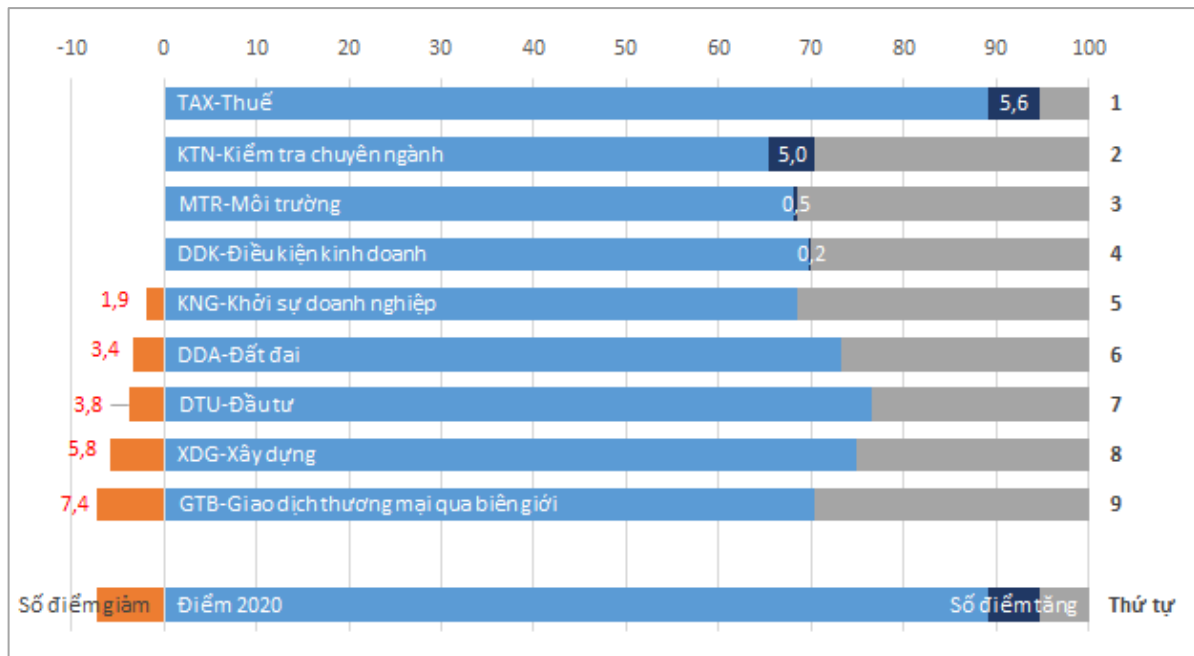
¹⁴ Theo khoản b, c, Mục 13, Phần III của Nghị quyết 19-2018/NQ-CP

tượng. Để thực hiện TTHC trong nhóm Môi trường, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 61,5 giờ, chi phí trực tiếp là 3,1 triệu đồng. Theo khảo sát APCI 2020, cứ 100 doanh nghiệp thì có 52 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện các TTHC liên quan đến Môi trường, đặc biệt là cho thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

1.2.2 Mức độ cải thiện của các nhóm TTHC

So sánh điểm APCI2020 với điểm APCI 2019 cho thấy chỉ có bốn trong số chín nhóm TTHC có cải thiện (Hình 1). Số liệu này phản ánh **thực tế trải nghiệm** của các doanh nghiệp đối với kết quả cải cách TTHC của Chính phủ và các địa phương trên toàn quốc nói chung để giảm chi phí tuân thủ trong thời gian qua. Trong phần phân tích dưới đây, một số kết quả sẽ được so sánh với những kết quả khảo sát khác về cảm nhận của doanh nghiệp đối với chi phí tuân thủ TTHC (như Báo cáo Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2019 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam) hay chi phí tuân thủ pháp luật (chỉ số B1) của Báo cáo Cạnh tranh toàn cầu (GCR) 2019, của Diễn đàn Kinh tế giới (WEF).

Hình 1: Điểm APCI 2020 của các nhóm TTHC so với APCI 2019



Nguồn: Khảo sát APCI 2019 và 2020; Ghi chú: Điểm CPTT phản ánh mức độ dễ dàng trong việc thực hiện một TTHC trên thang điểm từ 0 đến 100, trong đó 0 đại diện cho mức khó khăn nhất và 100 đại diện cho mức dễ dàng nhất trong số mẫu doanh nghiệp thực hiện TTHC được khảo sát. Ví dụ, một TTHC đạt điểm 90 có nghĩa là thủ tục đó cách 10 điểm phần trăm so với mức lý tưởng nhất được xây dựng dựa trên số liệu từ tất cả các TTHC được quan sát và theo thời gian. Một TTHC có số điểm tăng nghĩa là CPTT của TTHC đó năm nay đã giảm và việc thực hiện đã được cải thiện so với năm trước đó, nếu có số điểm giảm đồng nghĩa với việc CPTT tăng và việc thực hiện chưa được cải thiện so với năm trước đó.

Bảng 2: Mức độ cải thiện theo từng chỉ số thành phần của các nhóm TTHC

Nhóm TTHC	Thời gian (giờ)			Chi phí trực tiếp (triệu đồng)			Tổng chi phí (triệu đồng)		
	APCI 2019	APCI 2020	% ↓↑	APCI 2019	APCI 2020	% ↓↑	APCI 2019	APCI 2020	% ↓↑
TAX-Thuế	4,7	3,8	▶ -19%	0,1	0,0	▶ -79%	0,8	0,3	▶ -66%
KTN-Kiểm tra chuyên ngành	13,6	12,2	▶ -10%	3,1	1,9	▶ -38%	5,3	3,0	▶ -42%
MTR-Môi trường	20,4	61,5	▶ 201%	4,3	3,1	▶ -28%	45,4	63,3	▶ 39%
DDK-Điều kiện kinh doanh	39,3	149,9	▶ 281%	2,3	2,5	▶ 8%	3,6	6,9	▶ 91%
KNG-Khởi sự doanh nghiệp	7,1	7,3	▶ 2%	0,3	0,5	▶ 67%	0,9	1,0	▶ 5%
DDA-Đất đai	16,0	20,2	▶ 27%	4,0	2,5	▶ -37%	6,4	4,3	▶ -33%
DTU-Đầu tư	22,6	36,1	▶ 60%	1,1	1,8	▶ 68%	6,6	9,1	▶ 38%
XDG-Xây dựng	18,1	21,2	▶ 17%	6,4	4,7	▶ -26%	19,6	25,3	▶ 29%
GTB-Giao dịch thương mại qua biên giới	6,8	7,3	▶ 8%	2,2	3,1	▶ 44%	4,2	5,9	▶ 41%

Nguồn: Khảo sát APCI 2019 và 2020;

Đứng đầu mức độ cải thiện là nhóm TTHC Thuế, với mức độ cải thiện chung được đánh giá tăng 5,6 điểm so với năm 2019 (Hình 1). Sự cải thiện của nhóm Thuế được là do có sự giảm lớn tất cả các chi phí thành phần là chi phí thời gian và chi phí trực tiếp. Khảo sát cho thấy thành công về cải thiện của nhóm này là nhờ vào việc áp dụng việc xử lý TTHC trên môi trường điện tử và thay đổi phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” được liên tục được duy trì và cải thiện trong những năm gần đây.

Đứng thứ hai về mức độ cải thiện APCI là nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành với mức độ cải thiện chung được đánh giá tăng 5 điểm so với năm 2019 (Hình 1). Sự cải thiện của nhóm Kiểm tra chuyên ngành được phản ánh cả ở Thời gian và Chi phí trực tiếp. Nhóm Kiểm tra chuyên ngành sẽ có thể còn tiếp tục được duy trì nếu đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong xử lý các thủ tục và kết nối với cơ quan hải quan.

Đứng thứ ba về mức độ cải thiện APCI là nhóm TTHC Môi trường, với mức độ cải thiện chung được đánh giá tăng 0,5 điểm so với năm 2019 (Hình 1). Tuy nhiên phân tích các chi phí thành phần cho thấy sự cải thiện của nhóm Môi trường chưa phải thực chất. Trong hai năm gần đây, phương thức quản lý môi trường đã có những đột phá, “từ bị động giải quyết sang chủ động phòng ngừa, từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Phương thức này yêu cầu đối tượng chịu tác động (doanh nghiệp) phải đầu tư nhiều hơn để đảm bảo chất lượng của công tác đánh giá tác động môi trường, nhấn mạnh trách nhiệm của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường.

Đứng thứ tư về mức độ cải thiện APCI là nhóm TTHC Điều kiện kinh doanh, với mức độ cải thiện chung được đánh giá tăng 0,2 điểm so với năm 2019 (Hình 1). Tuy nhiên phân tích các chi phí thành phần cho thấy sự cải thiện này không phải thực chất. Mặc dù thời gian qua, chính phủ đã có nhiều nỗ lực để cắt giảm các điều kiện kinh doanh nhưng kết quả khảo sát doanh nghiệp cho thấy gánh nặng đối với doanh nghiệp không giảm đi mà còn tăng lên một cách đáng kể.

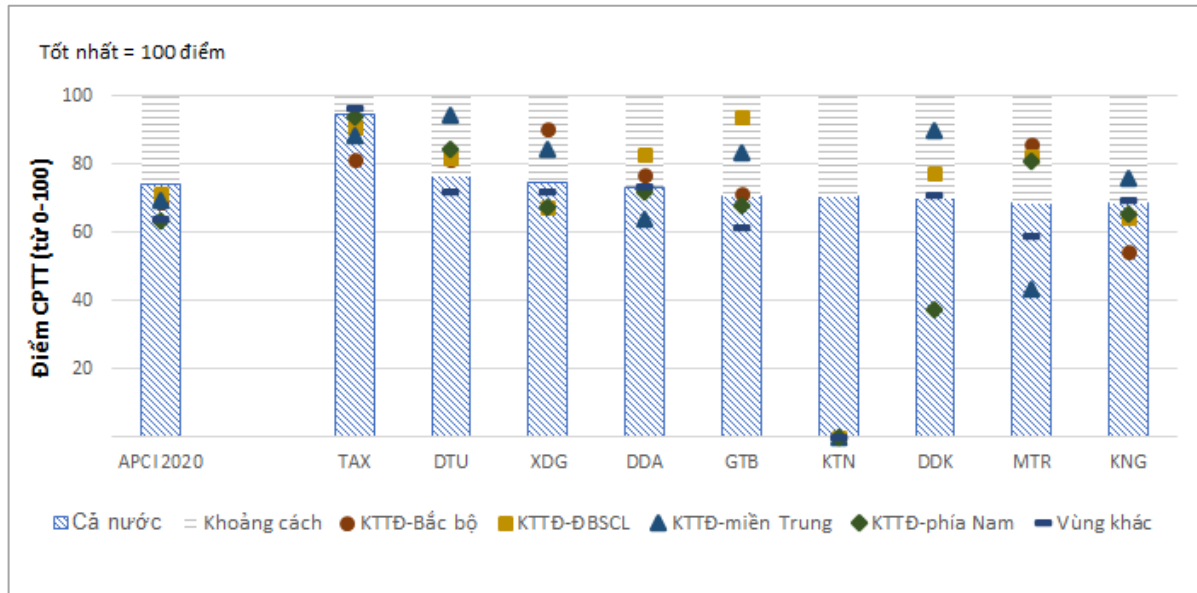
Các nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp, Đầu tư, Xây dựng, Đất đai và Giao dịch thương mại qua biên giới là năm nhóm thủ tục có điểm giảm so với APCI 2019. Mặc dù nhóm TTHC về Đầu tư, Xây dựng, Đất đai và Giao dịch thương mại qua biên giới vẫn là những nhóm có điểm

APCI tốt trong năm 2020 so với các nhóm khác nhưng lại giảm điểm so với chính nhóm đó ở năm 2019. Vấn đề này đặt ra yêu cầu công tác cải cách luôn phải được duy trì bền bỉ.

1.3. Xu hướng cải cách 2020

Kết quả APCI năm 2020 cho thấy điểm CPTT của cả nước là 58,1/100 điểm (Hình 2)

Hình 2: Điểm CPTT 2020 theo nhóm TTHC và theo vùng

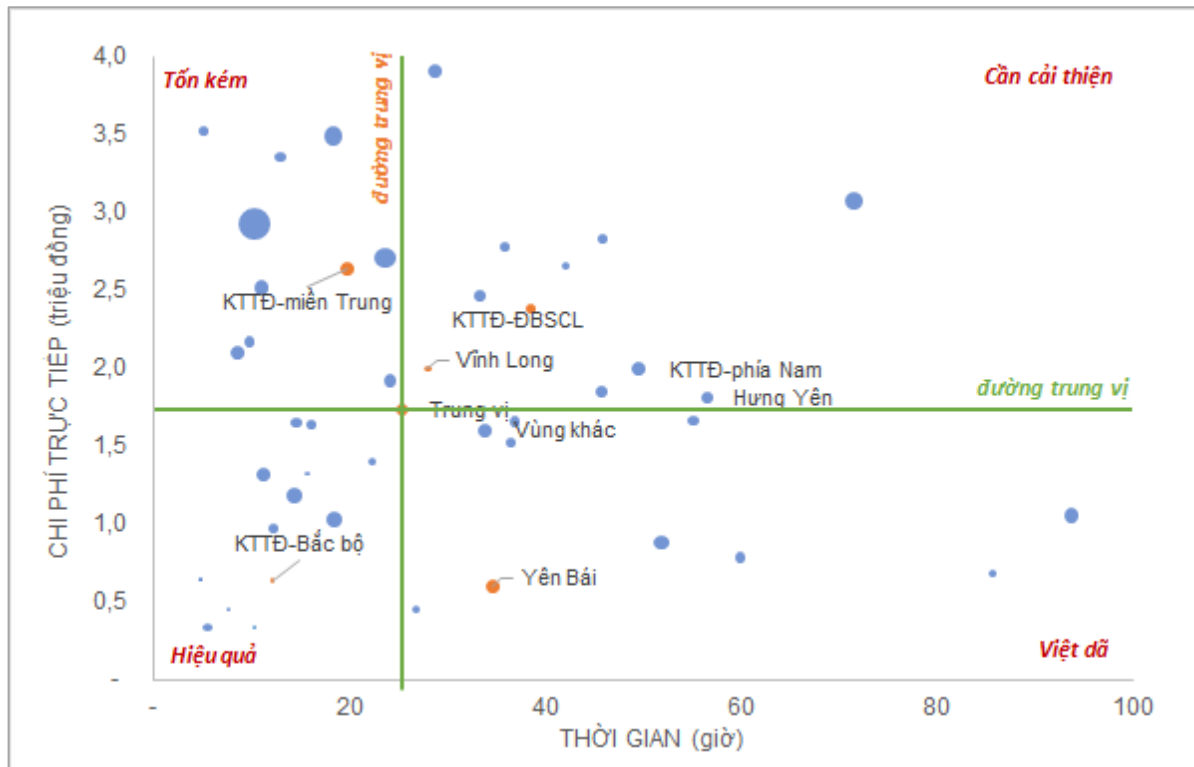


Nguồn: Khảo sát APCI 2020; Ghi chú: Điểm CPTT phản ánh mức độ dễ dàng trong việc thực hiện một TTHC trên thang điểm từ 0 đến 100, trong đó 0 đại diện cho mức khó khăn nhất với CPTT cao nhất và 100 đại diện cho mức dễ dàng nhất với CPTT thấp nhất. Ví dụ, một TTHC đạt điểm 90 có nghĩa là thủ tục đó cách 10 điểm so với mức tốt nhất nhất được xây dựng dựa trên số liệu từ tất cả các TTHC được quan sát. Danh sách các vùng KTTĐ xem phụ lục 4. Khoảng cách = khoảng cách đến điểm tốt nhất = 100 – điểm CPTT

Hình 2 cho thấy điểm số giữa các vùng KTTĐ trong từng nhóm thủ tục tương đối đồng đều, trừ các nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh và Môi trường. Những vùng KTTĐ đứng đầu ở từng nhóm thủ tục thấp hơn trung bình 11,4 điểm so với điểm tốt nhất (100 điểm). Ở nhóm TTHC Thuế, Đầu tư, và Giao dịch thương mại qua biên giới có vùng KTTĐ đạt điểm tiệm cận đến điểm tốt nhất, trong khi vùng KTTĐ tốt nhất ở nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp cách đến 24,0 điểm so với điểm tốt nhất.

Kết quả đánh giá các chi phí thành phần (Hình 3) của từng địa phương được khảo sát được định vị thành bốn nhóm theo tương quan hai chỉ số thành phần (trục X biểu thị chi phí thời gian và trục Y biểu thị chi phí trực tiếp), phân chia bởi hai đường tỉnh trung vị. Xu hướng cho thấy nhiều tỉnh tập trung hoặc ở góc trái dưới cùng của đồ thị (góc Hiệu quả với chi phí trực tiếp thấp và thời gian ngắn) hoặc ở góc phải trên cùng của đồ thị (góc Cần cải thiện với cả hai chỉ số thành phần đều cao). Đối với góc phải dưới cùng của đồ thị (góc Việt dã), các tỉnh tập trung ở đây có mức chi phí trực tiếp thấp tương ứng với các tỉnh ở góc hiệu quả song thời gian lại cần được cải thiện để được kéo về góc Hiệu quả. Tương tự như vậy, các tỉnh ở góc trái trên cùng của đồ thị (góc **Tốn kém**) lại cần tiết kiệm chi phí trực tiếp hơn nữa để tiệm cận với các tỉnh ở góc Hiệu quả.

Hình 3: Phân bố của các địa phương theo chi phí và thời gian thực hiện TTHC và xu hướng



Nguồn: Khảo sát APCI 2020; Ghi chú: Vị trí của các tỉnh (có số doanh nghiệp trả lời ≥ 15) trên bản đồ chi phí và thời gian trung bình thực hiện TTHC. Đường trung vị là giá trị trung vị của tất cả các tỉnh có $n \geq 15$. Đường kính quả bóng là CPTT trung bình của các tỉnh. Quả bóng càng to thì CPTT trung bình càng lớn. Danh sách các vùng KTTĐ xem phụ lục 4.

Biểu đồ cho thấy các tỉnh đang tập trung nhiều vào điểm giao trung vị, với số lượng nhiều các tỉnh đang ở góc *Hiệu quả* và góc *Cần cải thiện*. Góc *Cần cải thiện* ghi nhận một vài tỉnh tách rời khỏi xu hướng tập trung của các tỉnh trong góc đó, là những tỉnh đang có chi phí trực tiếp và chi phí thời gian cao hơn nhiều so với các tỉnh khác. Rõ ràng là, với một nhóm các TTHC tương đồng, được quy định bởi cùng một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, sự khác biệt về chi phí tuân thủ giữa các địa phương chính là kết quả của chất lượng thực thi TTHC ở cấp địa phương. Các địa phương có sự bứt phá về chi phí tuân thủ thường có chi phí thời gian chuẩn bị hồ sơ và sửa đổi hồ sơ ngắn hơn, và doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí trực tiếp do hiểu rõ thủ tục để thực hiện mà không cần phải thuê một bên thứ ba. Điều này nhấn mạnh vào sự cần thiết của những hướng dẫn thực hiện TTHC ở cấp địa phương để các đối tượng thực hiện TTHC hiểu rõ nhằm thực hiện thông suốt và thuận lợi.

Trên hình cũng biểu thị vị trí của nhóm các tỉnh thuộc các vùng KTTĐ Bắc bộ, ĐBSCL, phía Nam và miền Trung. Bốn vùng KTTĐ phân bổ cả bốn góc của đồ thị. Vùng KTTĐ Bắc bộ là nơi có nhiều tỉnh nằm ở góc *Hiệu quả*. Vị trí của các vùng KTTĐ (phía Nam và ĐBSCL) ở góc *Cần cải thiện* thể hiện sự cần thiết phải cải cách để cắt giảm tối đa CPTT của những nhóm TTHC được điều tra. Vị trí của vùng KTTĐ miền Trung trên đồ thị cho thấy giữa chỉ số về thời gian và chi phí

trực tiếp thì cần ưu tiên cải cách chi phí trực tiếp, trong khi vị trí của vùng khác (không thuộc các vùng KTTĐ) chỉ ra rằng cần ưu tiên cải cách rút ngắn thời gian thực hiện, và đó chính là lĩnh vực cần chú trọng cải cách.

Tính riêng cho mỗi nhóm thủ tục được rà soát, các tỉnh và vùng KTTĐ được ghi nhận có chỉ số thành phần hiệu quả nhất, và điểm APCI 2020 cao nhất được thể hiện ở Hình 4. Kết quả cho thấy trong mỗi chỉ số thành phần và điểm APCI 2020 không có mối tương quan giữa địa phương tốt nhất và vùng KTTĐ tốt nhất. Một địa phương làm thật tốt chưa đủ để đưa cả vùng KTTĐ bứt phá nhưng có thể làm hạt nhân và truyền cảm hứng cải cách cho các địa phương trong vùng.

Hình 4: Thực tiễn tốt nhất trong từng lĩnh vực

Nhóm TTHC	Chỉ số thời gian tốt nhất		Chỉ số chi phí trực tiếp tốt nhất		Chỉ số tổng chi phí tốt nhất	
	Địa phương	Vùng KTTĐ	Địa phương	Vùng KTTĐ	Địa phương	Vùng KTTĐ
TAX	Thái Bình	KTTĐ-Bắc bộ	14 địa phương	KTTĐ-miền Trung	Thái Bình	Vùng khác
DTU	Bắc Ninh	KTTĐ-Bắc bộ	Tây Ninh	KTTĐ-miền Trung	Thái Nguyên	KTTĐ-miền Trung
XDG	Thái Bình	KTTĐ-Bắc bộ	Vĩnh Phúc	KTTĐ-ĐBSCL	Vĩnh Phúc	KTTĐ-Bắc bộ
DDA	Hà Nam	KTTĐ-Bắc bộ	Hà Tĩnh	KTTĐ-phía Nam	Hà Tĩnh	KTTĐ-ĐBSCL
KTN	Thủ tục thực hiện tại cấp trung ương					
GTB	Bắc Ninh	KTTĐ-phía Nam	Điện Biên	KTTĐ-ĐBSCL	Bình Định	KTTĐ-ĐBSCL
DDK	Nam Định	KTTĐ-miền Trung	Lai Châu	KTTĐ-miền Trung	Bình Định	KTTĐ-miền Trung
MTR	Bình Thuận	KTTĐ-miền Trung	Vĩnh Phúc	KTTĐ-miền Trung	Vĩnh Phúc	KTTĐ-Bắc bộ
KNG	Nghe An	KTTĐ-Bắc bộ	2 địa phương	KTTĐ-ĐBSCL	Hậu Giang	KTTĐ-miền Trung

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020; Ghi chú: Chỉ lấy các tỉnh số doanh nghiệp trả lời ≥ 15 . Danh sách các vùng KTTĐ xem phụ lục 4.

Hình 5: Xếp hạng tạm thời về CPTT của một số địa phương

#	Tỉnh/ TP	Điểm APCI	
1	Trà Vinh	90,09	
2	Bà Rịa Vũng Tàu	86,29	
3	Hà Nam	84,75	
4	Hà Nội	84,12	
5	Vĩnh Phúc	82,23	
6	Bắc Giang	81,26	
7	Hải Dương	78,97	
8	Thừa Thiên Huế	77,96	
9	Tuyên Quang	77,56	
10	Lạng Sơn	74,50	
11	Hà Tĩnh	74,42	
12	Vĩnh Long	72,70	
13	Cà Mau	71,84	
14	Bình Dương	71,48	
15	Nghệ An	71,43	
16	Ninh Bình	70,27	
17	Điện Biên	70,21	
18	Hồ Chí Minh	68,24	
19	Kiên Giang	67,18	
20	Đồng Tháp	65,03	
21	Hưng Yên	64,43	
22	Bình Thuận	48,23	
23	Sóc Trăng	46,32	

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020; *Ghi chú: Chỉ lấy các tỉnh có số doanh nghiệp trả lời $\geq 25^{15}$, và có từ hai nhóm TTHC trở lên.*

1.4. Thông điệp cải cách từ APCI 2020

Sau những cải cách liên tục, bền bỉ và quyết liệt của Chính phủ đối với các TTHC cho người dân và doanh nghiệp, APCI 2020 đã thể hiện được quyết tâm của Chính phủ, từng cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương trong cải cách TTHC, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục thúc đẩy cải cách nền hành chính, phòng chống tham nhũng và cải thiện môi trường kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh. Khác với những chỉ số đánh giá hoạt động cải cách khác, APCI được thiết kế với kỳ vọng đo lường gánh nặng chi phí thực tế về tuân thủ TTHC và tính sáng tạo, tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các cơ quan trong bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương. Thông tin từ khảo sát APCI xuất phát từ những “trải nghiệm thực tế” của các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các TTHC để phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh. Kết

¹⁵Phương pháp lấy mẫu: Phân tích nhân tố khám phá EFA, công thức $n=5*m$. Dựa theo nghiên cứu của Hair, Anderson, Tatham và Black (1998) cho tham khảo về kích thước mẫu dự kiến. Theo đó kích thước mẫu tối thiểu là gấp 5 lần tổng số biến quan sát. Đây là cỡ mẫu phù hợp cho nghiên cứu có sử dụng phân tích nhân tố (Comrey, 1973; Roger, 2006). Trong so sánh tỉnh $m=5$, là 5 bước tiêu chuẩn để thực hiện TTHC.

quả của 09 nhóm TTHC tại 63 địa phương được định vị trên một ma trận bốn góc riêng biệt. Góc “Hiệu quả” với *chi phí trực tiếp thấp và thời gian thực hiện ngắn* là góc “sáng”, có 12/63 địa phương, phản ánh sự hài lòng của các doanh nghiệp đối với những nỗ lực của các cơ quan nhà nước, cán bộ tại từng ngành, lĩnh vực và địa phương về kết quả giải quyết TTHC cho doanh nghiệp. Các góc “Tồn kém” (với *chi phí trực tiếp cao, thời gian thực hiện ngắn*), “Việt dã” (với *chi phí trực tiếp thấp, thời gian thực hiện dài*) hay “Cần cải thiện” (với *chi phí trực tiếp cao, thời gian thực hiện dài*) là những góc còn “mờ”, “tối” cần phải có thêm ánh sáng của tính sáng tạo, tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ trong bộ máy hành chính.

So sánh kết quả APCI trong ba năm (2018, 2019 và 2020) cho thấy kết quả APCI 2020 nhìn chung tốt hơn hai năm trước, phần lớn các nhóm TTHC đều có điểm số tốt hơn. Kết quả tích cực này phản ánh những nỗ lực cải cách của Chính phủ và các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương trong thời gian qua. Trong số chín nhóm TTHC được đánh giá, nhóm TTHC về Thuế vẫn tiếp tục là nhóm TTHC dẫn đầu với điểm số cao, và mức phí tuân thủ thấp.

Kết quả điểm APCI 2020 tốt hơn với kết quả điểm APCI 2018 và 2019 tại phần lớn các nhóm TTHC là nhờ vào nhiều biện pháp, hành động của các cơ quan nhà nước ở trung ương đến địa phương, trong đó bao gồm việc sử dụng các thước đo dựa trên các chỉ số độc lập của thế giới và Việt Nam hay nói cách khác là sử dụng ý kiến của người dân, doanh nghiệp để đánh giá hiệu quả làm việc theo chuỗi Nghị quyết 19 trước đây và các Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ trong năm 2019 và 2020. Các nhóm TTHC về Thuế và Khởi sự doanh nghiệp, hai nhóm dẫn đầu trong APCI 2018, APCI 2019 và 2020 với mức chi phí tuân thủ thấp, là những chỉ dấu tốt thúc đẩy người dân, doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Mặc dù có những cải thiện đáng kể về điểm APCI (bao gồm thời gian và chi phí tuân thủ) trong năm 2020, Báo cáo 2020 cho thấy còn có nhiều cơ hội cải cách TTHC để giúp cho doanh nghiệp có thể phát triển trong bối cảnh Việt Nam vừa phải thúc đẩy phát triển kinh tế, thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng chuyển dịch và đối mặt các vấn đề phát sinh từ đại dịch COVID-19 để nhận thấy giá các giá trị từ cải cách TTHC.

Việc thực hiện và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử để cải thiện và tiết kiệm chi phí thực hiện TTHC cho doanh nghiệp không còn là một ưu tiên cần cân nhắc mà đã là một nhiệm vụ cấp bách và ưu tiên hàng đầu của Chính phủ, và các bộ ngành. Điều này đã cho thấy sự đúng đắn trong chỉ đạo, và đã góp phần rất lớn thúc đẩy một môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch và tạo dựng niềm tin để doanh nghiệp yên tâm đầu tư, kinh doanh trong thời kỳ “Khởi đầu mới”. Kết quả nghiên cứu APCI qua ba năm 2018, 2019 và 2020 cho thấy những nhóm TTHC nào được các cơ quan nhà nước trong bộ máy hành chính duy trì được nhịp cải thiện liên tục bất kỳ yếu tố nào (thời gian, chi phí tuân thủ hay sự thuận tiện thông qua phương thức điện tử) đều được phản ánh ngay vào kết quả điểm APCI hàng năm. Định hướng xây dựng chính quyền điện tử với các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện

từ theo các Nghị quyết số 50/NQ-CP năm 2020 của Chính phủ¹⁶, Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị¹⁷, Nghị quyết số 17/NQ-CP năm 2019 của Chính phủ¹⁸ đã không chỉ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 mà còn góp phần giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Những tín hiệu tốt này cũng đã giữ vững được niềm tin cho doanh nghiệp về khả năng tồn tại và phát triển trong bối cảnh khó khăn của đại dịch COVID-19 và biến đổi khí hậu. APCI 2019 và APCI 2020 đều cho thấy những nhóm TTHC có điểm APCI cao và có những tiến bộ đáng kể trong 2019 là nhờ vào việc áp dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc thực hiện TTHC của doanh nghiệp cũng như giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử. Thành công ban đầu của Cổng dịch vụ công quốc gia là một ví dụ thành công đối với việc thực hiện và xử lý TTHC trên môi trường điện tử. Những yếu tố này sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia, đồng thời hạn chế được tiêu cực, nhũng nhiễu và rủi ro về tình huống bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh thường phát sinh ở phương thức truyền thống.

Tiếp tục đẩy mạnh việc cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, bao gồm chi phí chính thức và không chính thức để thúc đẩy một môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch và bộ máy công vụ liêm chính, tin cậy, tạo cơ hội cho doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Bên cạnh các thông tin về chi phí tuân thủ TTHC, APCI 2019 và 2020 đã cung cấp thêm thông tin về chi phí không chính thức khi doanh nghiệp phải thực hiện TTHC. Nghiên cứu cho thấy, chi phí không chính thức có ở tất cả các nhóm TTHC, các công đoạn khi thực hiện TTHC và ở nhiều địa phương, đặc biệt là ở các nhóm TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh như các nhóm TTHC về Kiểm tra chuyên ngành, Giao dịch thương mại qua biên giới, Đất đai, Xây dựng, Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Chi phí không chính thức không chỉ làm gia tăng chi phí tuân thủ mà đang làm cho môi trường kinh doanh trở nên thiếu lành mạnh, kém cạnh tranh và gây e ngại cho các doanh nghiệp nước ngoài muốn kinh doanh và cạnh tranh công bằng tại Việt Nam và hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam. Chi phí không chính thức trong một số tình huống hoặc TTHC dù không lớn nhưng cũng tạo ra trở ngại khác, như thời gian, tính công bằng và rủi ro pháp lý trong kinh doanh. Hơn nữa, để có thể “*tăng liên kết giữa đầu tư nước và đầu tư trong nước*”, nâng cao “*sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu*”, và hỗ trợ được doanh nghiệp trong nước “*tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu*” theo Nghị quyết 50-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 85/NQ-QH14 của Quốc Hội thì môi trường kinh doanh tại Việt Nam phải lành mạnh, minh bạch, công khai nhất quán và có tính cạnh tranh cao¹⁹. Nếu để khoản chi phí này tồn tại và lan trên diện rộng thì sẽ

¹⁶Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

¹⁷Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

¹⁸Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ ngày 07/03/2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.

¹⁹Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 20/08/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; Nghị quyết số 85/NQ-QH14 của Quốc Hội ngày 11 tháng 11 năm 2019 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

“cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong nhân dân, đang là vấn đề thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước” như Nghị quyết số 126/NQ-CP của Chính phủ đã nhận định²⁰.

APCI cho thấy việc thực hiện các giải pháp để chuyển đổi từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” là cách thức phù hợp để giảm chi phí tuân thủ TTHC. Cùng với những số liệu thực chứng đã được phân tích nêu trên, qua 3 năm nghiên cứu, APCI 2018, 2019 và 2020 cho thấy một phương thức dẫn đến thành công về cải cách của một số nhóm TTHC như Thuế, Giao dịch thương mại qua biên giới, Đầu tư, Khởi sự doanh nghiệp, Môi trường là chuyển phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” (kiểm tra trong giai đoạn thực hiện TTHC cấp phép) sang “hậu kiểm” (kiểm tra, thanh tra sau khi cấp phép). Thực tế, việc chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong thực hiện TTHC hải quan đã được cơ quan Hải quan thực hiện từ 2005 thông qua triển khai toàn diện công tác kiểm tra sau thông quan. Việc chuyển đổi này không chỉ đơn giản là điều chuyển các điều kiện, yêu cầu chứng minh đối với doanh nghiệp từ giai đoạn trước “cấp phép” sang sau “cấp phép” mà là thay đổi hoàn toàn phương thức quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực cải cách cũng như là thay đổi nhận thức của doanh nghiệp về trách nhiệm kinh doanh của mình. Khảo sát APCI 2020 qua phỏng vấn sâu tại các địa phương cho thấy doanh nghiệp mong mỗi cần có những quy định, khuôn khổ, phương thức cụ thể, rõ ràng và bảo đảm các tiêu chí giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp trong công tác hậu kiểm. Phản ánh của doanh nghiệp là có quá nhiều đợt kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau, làm cho doanh nghiệp cảm thấy “bất an” trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp mong muốn công tác này thân thiện và có tính khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp tự giác thực hiện đúng pháp luật, cảnh báo sớm nguy cơ vi phạm các quy định pháp luật thay vì cơ quan chức năng “tìm soát lỗi” của doanh nghiệp để xử phạt. Doanh nghiệp cũng mong muốn các quy phạm pháp luật cần rõ ràng, thống nhất và có thể dự đoán được để các doanh nghiệp có thể tự kiểm soát về khả năng tuân thủ pháp luật. Như vậy, công tác “hậu kiểm” thực sự có ý nghĩa trong việc bảo đảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, đặc biệt ở khu vực tư nhân mà Quyết định 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra²¹.

APCI phản ánh một nền hành chính phục vụ sẽ đem lại hiệu quả về cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC và tạo nên môi trường kinh doanh công bằng và có tính cạnh tranh. So sánh điểm APCI 2019 và 2020 cho thấy không có sự tương quan giữa kết quả kinh tế và xã hội và chi phí tuân thủ TTHC thấp. Phân tích các chỉ số thành phần của những địa phương đứng đầu về số điểm APCI 2019 và 2020 cao cho thấy thành công của các địa phương là nhờ các chỉ số về thời gian thực hiện TTHC, chi phí trực tiếp và tổng chi phí thấp. Thực tế này đã phản ánh phần nào về thái độ, trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ trong bộ máy hành chính nhà nước tại các địa phương này trong việc giải quyết TTHC cho doanh nghiệp. Như vậy, công tác cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC phụ thuộc vào nhiều yếu tố như (i) thay đổi quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh, TTHC như quy định đổi từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, (ii) phát triển cơ sở hạ tầng công

²⁰Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020.

²¹Quyết định 1362/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/10/2019 phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

nghe thông tin để áp dụng việc thực hiện TTHC của doanh nghiệp và xử lý TTHC của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử và (iii) sự chuyển đổi từ thái độ và trách nhiệm công vụ sang thái độ và trách nhiệm phục vụ người dân của cơ quan và cán bộ nhà nước. Các nghiên cứu APCI 2019 và 2020 là những minh chứng cho những yêu cầu về cải cách hành chính nhà nước mà Nghị quyết số 30c/NQ-CP và các nghị quyết khác của Chính phủ đã đặt ra.

2. HỒ SƠ CÁC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Phân phân tích chi tiết kết quả của 09 nhóm TTHC tiếp theo đây được sắp xếp theo thứ tự ABC.

2.1. Nhóm TTHC liên quan đến Đất đai

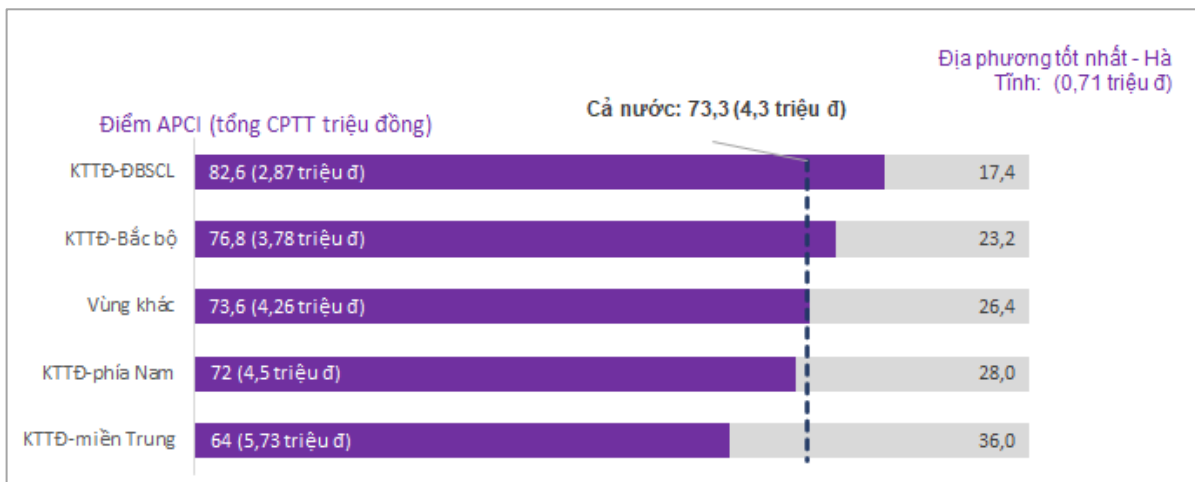
Nhóm TTHC Đất đai khảo sát trong năm 2020 bao gồm 03 TTHC: i) Đăng ký và Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu; ii) Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; và iii) Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức

Phân phân tích nhóm TTHC Đất đai gồm hai phần: (i) Phân tích tổng hợp phân tích theo số liệu khảo sát năm 2020 và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...); và (ii) So sánh với kết quả của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện và đưa ra xu hướng cải thiện.

2.1.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC Đất đai

Kết quả chung: Điểm APCI trung bình của nhóm TTHC Đất đai đạt 73,3 điểm, với tổng CPTT trung bình là 4,3 triệu đồng/TTHC. Nhóm TTHC Đất đai nằm trong nhóm chi phí trung bình trong số bốn nhóm chi phí (thấp, trung bình, cao, và rất cao) điểm APCI của các vùng KTTĐ ĐBSCL, KTTĐ Bắc bộ và vùng khác (không thuộc các vùng KTTĐ) đạt cao hơn trung bình cả nước. Vùng KTTĐ ĐBSCL dẫn đầu với 82,6 điểm với CPTT trung bình là gần 2,9 triệu đồng/TTHC. Vùng KTTĐ miền Trung có điểm số APCI thấp nhất là 64,0 điểm với CPTT trung bình là hơn 5,7 triệu đồng/TTHC. CPTT trung bình của các doanh nghiệp tại Hà Tĩnh là thấp nhất cả nước với 710 nghìn đồng/TTHC.

Hình 6: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Đất đai

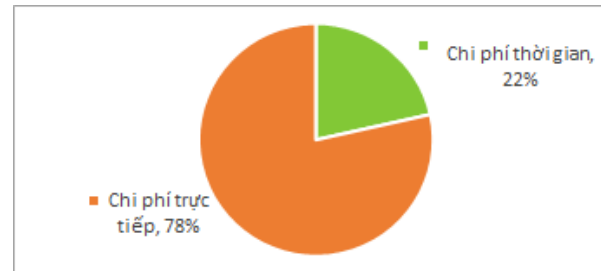


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, Tổng chi phí tuân thủ (triệu đồng) là trung bình cộng chi phí tuân thủ của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm các doanh nghiệp tự làm, thuê tư vấn một phần và thuê tư vấn trọn gói

Kết quả các chỉ số thành phần:

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Đất đai được thể hiện tại Hình 7. Theo đó, chi phí thời gian chỉ chiếm 22% trong tổng CPTT, còn lại 78% là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các TTHC về Đất đai. Dưới đây là phần phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Đất đai.

Hình 7: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai

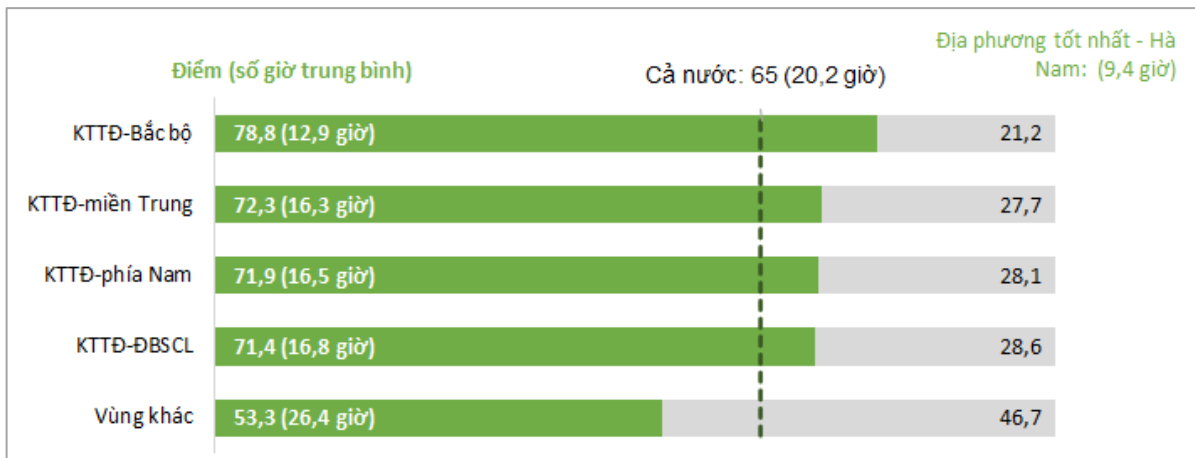


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Đất đai có thời gian thực hiện trung bình trong các nhóm TTHC được điều tra, với số giờ làm việc bình quân mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 20,2 giờ. Hà Nam là địa phương có thực tiễn tốt nhất với thời gian trung bình chỉ bằng ½ trung bình cả nước (9,4 giờ). Xét về điểm thành phần thời gian, vùng KTTĐ Bắc bộ (12,9 giờ) dẫn đầu và đạt 78,8/100 điểm. Vùng khác (không thuộc các vùng KTTĐ) ở vị trí thấp nhất, có thời gian dài gấp đôi vùng tốt nhất và chỉ đạt 53,3/100 điểm (Hình 8).

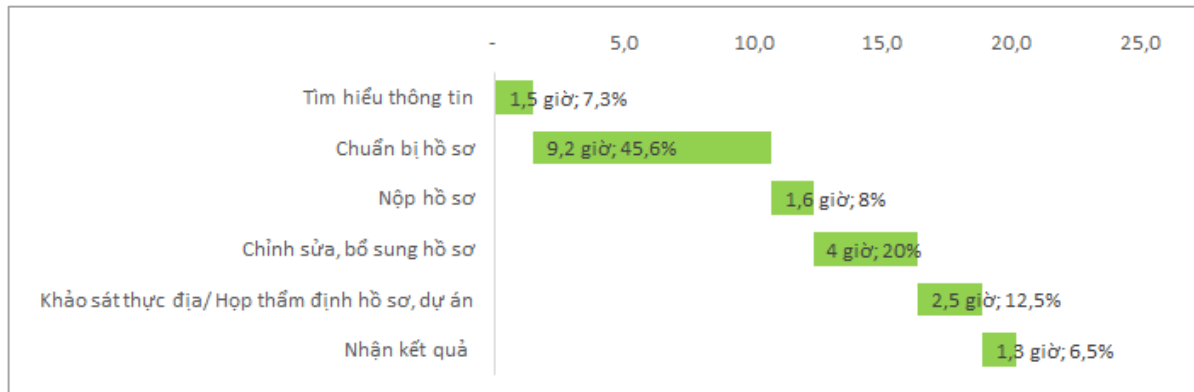
Hình 8: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Đất đai theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Chuẩn bị hồ sơ là khâu chiếm tỷ trọng thời gian thực hiện cao nhất. Trong 20,2 giờ làm việc sử dụng để thực hiện TTHC Đất đai, doanh nghiệp dành tới gần ½ tổng thời gian (49,8%) để Chuẩn bị hồ sơ. Sau khi nộp hồ sơ, doanh nghiệp vẫn phải mất đến 4,8 giờ để tham gia Khảo sát thực địa/Hợp thẩm định hồ sơ và Chính sửa, bổ sung hồ sơ.

Hình 9: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Đất đai



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, số thời gian ở từng bước là trung bình cộng thời gian của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát

Theo phản ánh từ nhiều doanh nghiệp được khảo sát, bộ hồ sơ thực hiện TTHC Đất đai còn phức tạp, cần thu thập và công chứng nhiều giấy tờ. Một số doanh nghiệp thực hiện thủ tục lần đầu và chưa nhận được nhiều hỗ trợ từ trung tâm hành chính công/bộ phận một cửa nên thời gian chuẩn bị hồ sơ kéo dài, rải rác vài ngày đến vài tuần. Cá biệt có doanh nghiệp mất đến 2 ngày làm việc (tương đương 16 giờ) để tìm hiểu thông tin, và 14,2 ngày làm việc (tương đương 113,6 giờ) để chuẩn bị hồ sơ bao gồm cả thời gian làm việc với UBND cấp xã nơi có đất, và thực hiện đo đạc địa chính. Có khoảng 15% số doanh nghiệp được khảo sát cho biết có sử dụng internet để tìm hiểu thông tin nhưng thông tin không được đầy đủ mà cần thiết phải tìm hiểu trực tiếp tại cơ quan nhà nước.

Tính đến thời điểm khảo sát, tất cả ba TTHC liên quan đến Đất đai có thể thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3²² ở một số địa phương, tuy nhiên trong tất cả 299 doanh nghiệp được khảo sát, chưa ghi nhận trường hợp doanh nghiệp nào thực hiện việc nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp bằng phương thức điện tử mặc dù số lượng doanh nghiệp thực hiện tìm hiểu thủ tục qua mạng internet có xu hướng tăng. Trao đổi với các doanh nghiệp cho thấy tâm lý bảo mật và cẩn trọng về các giấy tờ sở hữu đất đai là một trong những rào cản để người sở hữu có thể chuyển giao cho bên thứ ba. Hoặc việc nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bằng phương thức điện tử của những thủ tục về đất đai vẫn chưa được dễ dàng đối với người thực hiện TTHC.

²² Theo Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ

Hộp 1: Khó khăn trong điện tử hóa TTHC về Đất đai

- Thiếu dữ liệu chia sẻ giữa các TTHC liên quan đến đăng ký quyền sở hữu tài sản liên kết với đất giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và xây dựng cơ sở quản lý, và với các thủ tục công chứng hoặc chứng thực hợp đồng giao dịch về đất đai
- Thiếu hạ tầng cơ sở để phối hợp và luân chuyển thực hiện nghĩa vụ tài chính trên phần mềm giữa Tài nguyên và Thuế
- Hạ tầng và dịch vụ thanh toán điện tử còn hạn chế. Phần mềm một cửa điện tử và công ty dịch vụ cổng chưa được tích hợp và nhiều tính năng chưa được hoàn thiện.
- Giới hạn về hạ tầng công nghệ thông tin (như máy quét, máy tính, internet, kỹ năng sử dụng tin học...)
- Các TTHC về đất đai còn có quy trình, thành phần hồ sơ, biểu mẫu, chưa có quy định về hồ sơ điện tử.

Nhiều doanh nghiệp phản ánh rằng thời gian xử lý hồ sơ TTHC Đất đai thường kéo dài hơn so với quy định, và doanh nghiệp phải chờ đợi lâu để nhận kết quả. Theo số liệu từ khảo sát cho thấy có khoảng từ 30-40% tổng số doanh nghiệp phải trải qua các bước chỉnh sửa bổ sung hồ sơ, và khảo sát thực địa, và mỗi bước thường mất trung bình một ngày làm việc, cá biệt có doanh nghiệp mất gần 30 ngày làm việc cho cả hai bước này trong đó việc sửa đổi bổ sung hồ sơ phải thực hiện nhiều lần. Trao đổi trực tiếp với các doanh nghiệp và các sở TMNT cho thấy, nguyên nhân rắc rối ở khâu này là do các quy định về quản lý đất đai chưa thực sự rõ ràng, và trong nhiều trường hợp cụ thể sự thiếu chặt chẽ và không đồng nhất giữa các quy định gây khó cho cả người thực hiện và cơ quan thụ lý hồ sơ.

Hộp 2: Bất cập ở một số quy định về dự án đất Nông nghiệp

- Điều 193 Luật Đất đai về Điều kiện nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: quy định không rõ về việc phải lập dự án đối với nên doanh nghiệp thường không lập dự án khi thực hiện TTHC về giao đất, thuê đất, nhưng lại bị cơ quan quản lý yêu cầu phải có dự án trong hồ sơ đất đai
- Khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai yêu cầu Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải “có năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư” nhưng quy định cụ thể về thành phần hồ sơ lại không có nên khó yêu cầu doanh nghiệp thực hiện
- Khoản 2 Điều 9²³ Thông tư 33/2017/TT-BTNMT quy định thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất...thực hiện đồng thời với cấp chủ trương đầu tư, điều này gây khó cho hai cơ quan quản lý đầu tư và đất đai ở địa phương.

²³Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất

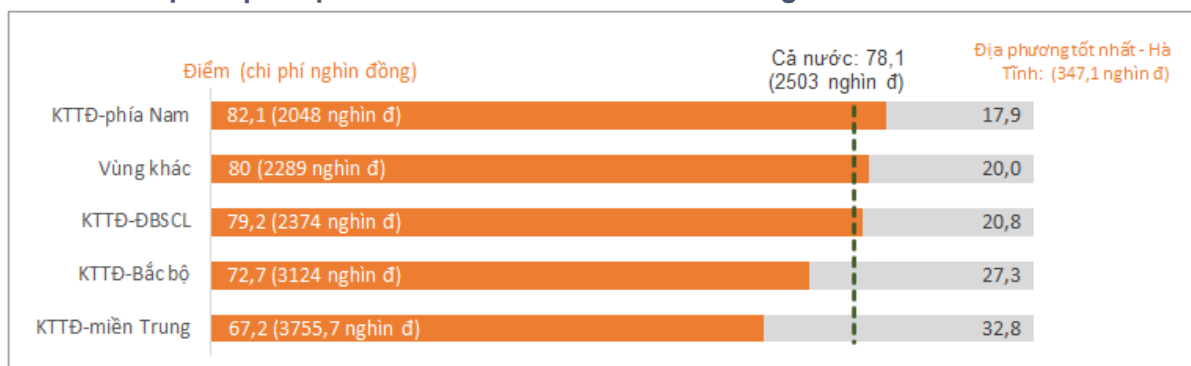
- Nghị định 01/2017/NĐ-CP không rõ về điều kiện góp vốn: cá nhân góp vốn bằng đất với tổ chức để sản xuất kinh doanh; khi góp là đất sản xuất kinh doanh và nông nghiệp, nếu đất hết hạn trên giấy và dự án đang triển khai thì không rõ cá nhân hay tổ chức đi xin gia hạn.

Có sự khác biệt lớn về thời gian giữa việc doanh nghiệp tự thực hiện và doanh nghiệp thuê tư vấn hỗ trợ quá trình thực hiện TTHC. Cụ thể, 50% doanh nghiệp mất 12 giờ nếu tự thực hiện TTHC nhưng chỉ tốn khoảng 4 giờ nếu thuê đơn vị tư vấn trọn gói, tiết kiệm được gần 60% thời gian. Doanh nghiệp thuê tư vấn thường là các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, và tư vấn được thuê là các công ty luật hoặc nhân viên của văn phòng công chứng. Tuy nhiên việc doanh nghiệp thuê tư vấn hay tự làm đều không có sự khác biệt rõ rệt về việc hồ sơ có phải chỉnh sửa, bổ sung hay không.

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Đất đai có chi phí thực hiện thuộc nhóm trung bình trong số các nhóm TTHC được điều tra, với số tiền bình quân mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện TTHC Đất đai là 2,5 triệu đồng. Hà Tĩnh là địa phương có thực tiễn tốt nhất với chi phí trung bình khá thấp là 347.143 đồng/TTHC. Vùng KTTĐ phía Nam có điểm số tốt nhất trong số các vùng KTTĐ với chi phí là 2,0 triệu đồng/TTHC (Hình 10).

Hình 10: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Đất đai là chủ yếu là phí thẩm định hồ sơ (tối đa 7,5 triệu đồng), lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tối đa 0,5 triệu đồng/giấy chứng nhận), phí công chứng... Mức chi phí trực tiếp tương đối khác nhau do các mức phí được quy định khác nhau giữa các địa phương. Trong đó, doanh nghiệp trả ít nhất là 20 nghìn đồng và trả nhiều nhất là 6,1 triệu đồng.

Chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện TTHC Đất đai được ghi nhận ở 5,2% doanh nghiệp, chủ yếu phát sinh trong quá trình Khảo sát thực địa. Chi phí không chính thức phổ biến ở mức 1 – 2 triệu đồng.

Dịch vụ tư vấn trọn gói: cứ 100 doanh nghiệp thực hiện TTHC Đất đai thì chỉ có khoảng 3 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện thủ tục. Số liệu khảo sát cho thấy với mức chi phí dịch vụ trọn gói trung bình là 36,5 triệu đồng/TTHC, thấp nhất khoảng 10 triệu đồng/TTHC, và mức cao nhất ghi nhận được trong khảo sát là 80 triệu đồng cho thủ tục Đăng ký và Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu.

2.1.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Đất đai

Chỉ số chung của APCI 2020 giảm so với các năm trước, cụ thể giảm 3,5 điểm so với APCI 2019. Gánh nặng về thời gian cho các doanh nghiệp thực hiện thủ tục tăng 27% trong khi chi phí trực tiếp giảm 37%. Giá các dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực đất đai có tăng 40% so với năm liền trước.

Hình 11: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Đất đai



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 3: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm Đất đai qua các năm

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	6.395.953	4.303.692	-33%
Thời gian thực hiện (giờ)	16,0	20,2	27%
Chi phí trực tiếp (đồng)	3.985.972	2.502.626	-37%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	9%	3%	
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	26.038.462	36.527.778	40%

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

2.1.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Những TTHC Đất đai nằm trong chuỗi các thủ tục đầu tư, đất đai và xây dựng vốn là một trong những chuỗi thủ tục được quan tâm và ưu tiên hàng đầu bởi liên quan mật thiết đến khả năng cạnh tranh của quốc gia trong thu hút đầu tư nước ngoài. Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 13/3/2018 về tăng cường các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan. Tuy nhiên, việc đơn giản hóa các thủ tục về đất đai luôn phải gắn liền với chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong lĩnh vực đất đai. Do vậy, nhu cầu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đất đai hoàn thiện và cập nhật là nhu cầu cấp

thiết đã được Chính phủ, Bộ TNMT quan tâm triển khai từ năm 2016²⁴. Bên cạnh việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, việc hoàn thiện khung pháp lý để xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai cũng là những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ, Bộ TNMT và cơ quan ban ngành liên quan trong năm 2018 và 2019. Tại Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP²⁵ của Chính phủ ngày 15/5/2018, Bộ TNMT đã được Chính phủ giao thực hiện kết nối điện tử liên thông trong giải quyết TTHC về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Trong năm 2018, một số địa phương²⁶ đã triển khai dịch vụ công mức độ 3 cho 12 TTHC trong tổng số 95 TTHC của lĩnh vực đất đai, tuy nhiên số lượng vẫn khiêm tốn so với các ngành khác²⁷ và dường như vẫn chưa đạt được hiệu quả mong muốn về số lượng hồ sơ được thực hiện trên môi trường điện tử.

Theo khảo sát doanh nghiệp thực hiện TTHC trong lĩnh vực đất đai, vấn đề lớn đối với doanh nghiệp đó là sự không rõ ràng, không thống nhất giữa nhiều quy định về giao đất, cho thuê đất. Vấn đề quy định không rõ ràng dẫn đến sự áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Điều này dẫn đến những khó khăn trong việc chuẩn bị hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ của TTHC, thời gian xử lý TTHC của cơ quan quản lý kéo dài. Ngoài ra, việc không nắm rõ văn bản quy phạm pháp luật, đưa ra các hướng dẫn sai, đôi khi mâu thuẫn với chính mình của một số bộ phận trong cơ quan quản lý, là lý do khiến doanh nghiệp phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần. Mô hình một cửa trong giải quyết TTHC Đất đai tại nhiều địa phương chưa thực sự hiệu quả vì doanh nghiệp vẫn phải làm việc với nhiều phòng ban, nhiều cấp khác nhau. Việc lưu chuyển hồ sơ giữa văn phòng một cửa với các phòng ban chuyên môn chậm làm kéo dài thời gian xử lý hồ sơ.

Nghiên cứu các nội dung phản ánh bởi doanh nghiệp và phân tích các kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy vẫn còn dư địa cải cách trong nhóm TTHC trong lĩnh vực Đất đai, tập trung vào một số vấn đề sau:

- Công khai và cập nhật thường xuyên: các thông tin, yêu cầu về thành phần hồ sơ, chuẩn hoá thành phần hồ sơ (ban hành biểu mẫu) và quy trình thực hiện TTHC của từng loại giấy tờ thuộc nhóm TTHC Đất đai; đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp tích cực, kịp thời trong quá trình tìm hiểu thông tin, chuẩn bị hồ sơ và chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ...;
- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về đất đai, tránh tình trạng chồng chéo các quy định gây khó khăn cho quá trình đọc hiểu và áp dụng;

²⁴ “Dự án tổng thể về xây dựng hồ sơ địa chính và CSDL quản lý đất đai” tại 58 đơn vị cấp huyện trên tổng số 18 tỉnh/thành phố; “Dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (VLAP)” đầu tư cho 59 huyện thuộc địa bàn 9 tỉnh: Hà Nội, Hưng Yên, Thái Bình, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Bến Tre, Vĩnh Long, Tiền Giang...

²⁵ Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo

²⁶ <https://tracuudvc.dongnai.gov.vn/web/vinhcuu/nhsqm>

²⁷ Quyết định 877/QĐ-TTg 2018 ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện trong các năm 2018-2019

- Xây dựng một cơ chế phản hồi sớm trong môi trường điện tử và bộ dữ liệu những câu hỏi, vướng mắc thường gặp đối với các TTHC Đất đai để doanh nghiệp có thể tự tìm hiểu vấn đề và để áp dụng thống nhất các TTHC Đất đai;
- Xây dựng cơ chế theo dõi tiến trình thực hiện TTHC Đất đai trên môi trường điện tử và công khai cho doanh nghiệp, người dân biết để nắm bắt được quá trình xử lý TTHC. Cơ chế này sẽ tác động tới việc thực hiện nghiêm túc, đúng hạn và đầy đủ các bước trong quy trình giải quyết TTHC Đất đai theo quy định pháp luật; và
- Nâng cao chất lượng, trách nhiệm, và thái độ của đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp nhận hồ sơ, hỗ trợ doanh nghiệp, thẩm định hồ sơ và các công tác liên quan khác.

2.2. Nhóm TTHC liên quan đến Đầu tư

Nhóm TTHC Đầu tư khảo sát trong năm 2020 bao gồm 5 TTHC, trong đó có 3 TTHC là các thủ tục cấp mới: i) Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư); (ii) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư; (iii) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư; và hai thủ tục là các thủ tục cấp lại, điều chỉnh: (iv) Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư); và (v) Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

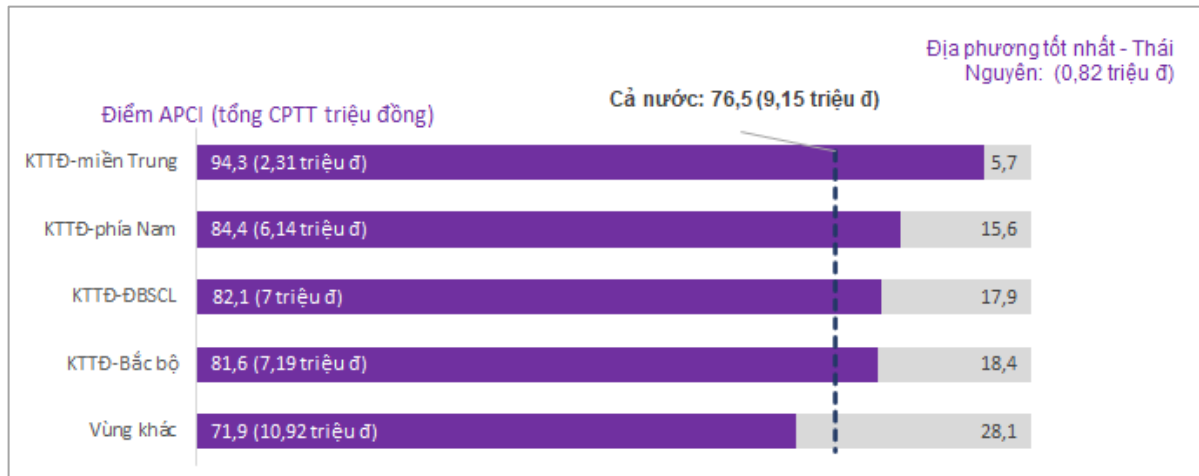
Phân phân tích nhóm TTHC Đầu tư sẽ được chia làm 2 phần: i) Phân tích tổng hợp theo số liệu khảo sát năm 2020 của 05 TTHC Đầu tư và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...) và ii) so sánh với kết quả của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này.

2.2.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC Đầu tư

Kết quả chung: Kết quả khảo sát APCI 2020 của 5 TTHC Đầu tư được trình bày tại Hình 12 dưới đây. Điểm APCI trung bình của nhóm TTHC Đầu tư đạt 76,5/100 điểm. Với tổng CPTT trung bình là 9,15 triệu đồng/TTHC, nhóm TTHC Đầu tư nằm trong nhóm có chi phí CPTT cao trong số bốn nhóm chi phí²⁸. Trong số các vùng kinh tế, vùng KTTĐ miền Trung có điểm số cao nhất, với 94,3 điểm, tương ứng với CPTT là 2,3 triệu đồng/TTHC. Vùng khác (không thuộc vùng KTTĐ) có điểm APCI thấp nhất, đạt 69,1/100 điểm, tương ứng với CPTT là 10,9 triệu đồng/TTHC, cao gấp 4,7 lần so với CPTT trung bình của vùng KTTĐ miền Trung. CPTT trung bình của các doanh nghiệp tại Thái Nguyên được ghi nhận thấp nhất cả nước với 0,815 triệu đồng/TTHC.

²⁸Nhóm CPTT thấp có giá trị từ 0 – 2,9 triệu đồng/TTHC, Nhóm CPTT trung bình có giá trị từ 2,9 – 5 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT cao có giá trị từ 5 - 10 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT rất cao có giá trị từ trên 10 triệu đồng/TTHC

Hình 12: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Đầu tư

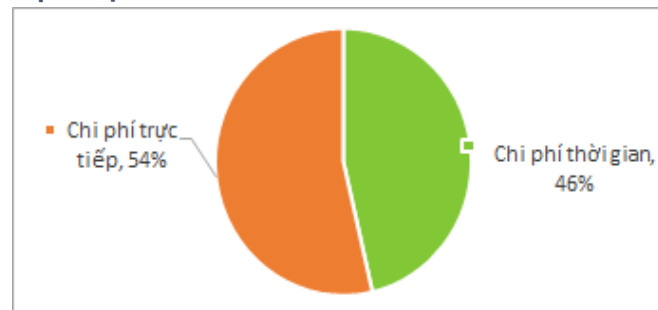


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, Tổng chi phí tuân thủ (triệu đồng) là trung bình cộng chi phí tuân thủ của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm các doanh nghiệp tự làm, thuê tư vấn một phần và thuê tư vấn trọn gói.

Kết quả các chỉ số thành phần:

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Đầu tư khá cân bằng như được phản ánh tại Hình 13. Theo đó, chi phí thời gian chỉ chiếm 46% trong tổng CPTT, còn lại 54% là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các TTHC về Đầu tư. Dưới đây là phân phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Đầu tư.

Hình 13: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư

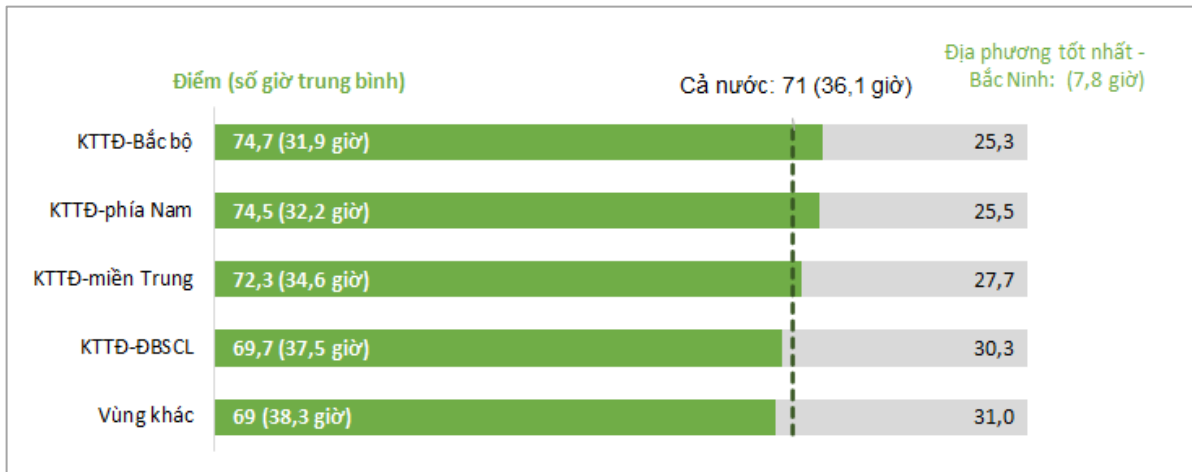


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Đầu tư có thời gian thực hiện dài trong số các nhóm TTHC được khảo sát, với số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 36,1 giờ. Bắc Ninh là địa phương có thời gian thực tế thực hiện thủ tục tốt nhất với trung bình 7,8 giờ chỉ bằng 21% thời gian thực hiện trung bình của cả nước (Hình 14). Xét về điểm thành phần thời gian, vùng KTTĐ phía Nam dẫn đầu đạt 74,7/100 điểm, với thời gian trung bình 31,9 giờ để hoàn thành mỗi TTHC về Đầu tư. Vùng khác (không thuộc vùng KTTĐ) ở vị trí thấp nhất, có thời gian dài hơn khoảng 6,4 giờ so với vùng tốt nhất và đạt 69,0/100 điểm.

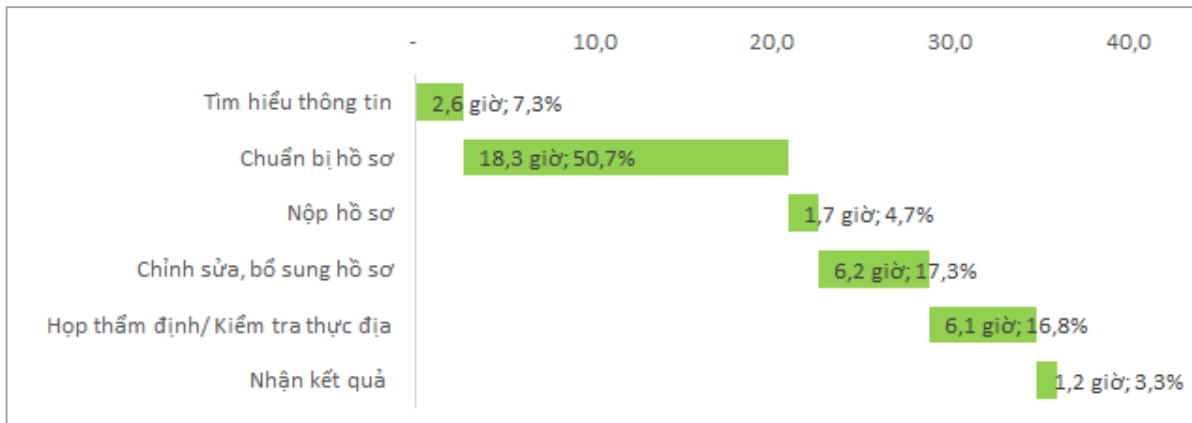
Hình 14: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Đầu tư theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Trong số các bước thực hiện TTHC về Đầu tư, bước chuẩn bị hồ sơ là các bước mất nhiều thời gian nhất, chiếm 50,7% tổng thời gian thực hiện. Cụ thể, trong 33,8 giờ của doanh nghiệp thực hiện mỗi TTHC Đầu tư, doanh nghiệp dành đến 18,3 giờ để chuẩn bị hồ sơ (Hình 15). Điều này cũng phản ánh đặc thù về mức độ phức tạp của hồ sơ về đầu tư, đặc biệt là các hồ sơ liên quan đến tính pháp lý của đất đai và báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xin cấp phép đầu tư.

Hình 15: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Đầu tư



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Các chủ trương, chính sách đầu tư không nhất quán, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC liên quan đến đầu tư. Chia sẻ của các doanh nghiệp cho biết thủ tục này liên quan đến việc thẩm định của nhiều sở, ngành nhưng các đơn vị không có sự thống nhất trong quá trình thực hiện thủ tục, mỗi sở yêu cầu một khác và có khi chồng chéo nhau dẫn đến thời gian chuẩn bị hồ sơ kéo dài nhưng vẫn không thỏa mãn yêu cầu của tất cả các bên (Hộp 3).

Hộp 3: Mâu thuẫn trong các quy định về TTHC

“Theo Nghị định 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Nhà ở, ngoài thẩm định theo Luật Đầu tư thì phải thẩm định theo Luật Nhà ở. Nghị định hướng dẫn Luật đất đai cũng yêu cầu nếu có thẩm định giao/thuê đất thì làm cùng luôn thẩm định chủ trương đầu tư. Trong khi thẩm định chủ trương là bước sơ khai, còn thẩm định về nhà ở đã có thiết kế chi tiết 1/500 và thẩm định về thủ tục giao/thuê đất cũng là bước chi tiết. Như vậy Sở Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) muốn thẩm định thì Sở Xây dựng và Sở Tài nguyên và Môi trường (TNMT) phải làm trước; nhưng Sở TNMT lại bảo cần thẩm định vốn nên phải Sở KHĐT làm trước, Sở Xây dựng cũng bảo Sở KHĐT cần làm trước nên quy trình lòng vòng phức tạp thêm ...” – chia sẻ của cán bộ các cơ quan quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, các chính sách về đầu tư của địa phương có thay đổi rất nhiều nhưng lại không được công khai rộng rãi nên doanh nghiệp gặp khó trong việc chuẩn bị hồ sơ (Hộp 4). Những phản ánh liên quan đến chính sách đầu tư, và sự khác biệt (mâu thuẫn) trong các quy định về TTHC cũng được xác nhận khi trao đổi chuyên sâu với cán bộ công tác tại các Sở KHĐT.

Hộp 4: Chủ trương, chính sách đầu tư không nhất quán

“Chính phủ có chủ trương hạn chế cấp phép đầu tư cho các dự án tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường, công nghệ cũ, lạc hậu...nhưng lại không có hướng dẫn cụ thể về công nghệ, tiêu chuẩn...nên chúng tôi cũng không biết hướng dẫn doanh nghiệp ra sao và xử lý các trường hợp cấp phép/gia hạn thế nào” – chia sẻ của cán bộ các cơ quan quản lý tại thành phố Hồ Chí Minh.

Thêm vào đó, năng lực chuyên môn của cán bộ nhận hồ sơ, hướng dẫn doanh nghiệp chưa tốt cũng là nguyên nhân dẫn đến việc doanh nghiệp mất nhiều thời gian trong việc hoàn thiện hồ sơ (Hộp 5).

Hộp 5: Năng lực của cán bộ hướng dẫn

“Các cơ quan ban ngành của tỉnh hiểu về pháp luật đầu tư rất khác nhau, vị trí [đất] hay ngành nghề nào được khuyến khích thì mỗi nơi [Sở, ngành] mỗi ý kiến gây khó cho doanh nghiệp” - chia sẻ của doanh nghiệp ở Đắk Lắk.

“Sở KHĐT thường không cử cán bộ chuyên môn giỏi liên quan đến TTHC lĩnh vực đầu tư, người ngồi đó [nơi tiếp nhận hồ sơ] chỉ có nhiệm vụ thu hồ sơ là chính. Bên cạnh đó, thủ tục cấp quyết định chủ trương đầu tư có liên quan đến các Sở ngành khác, do đó bản thân cán bộ của Sở KHĐT cũng không phải người có thể giải thích, hướng dẫn rõ ràng những nội dung chi tiết trong hồ sơ của doanh nghiệp. Trước đây việc nộp trực tiếp hồ sơ tại các Sở liên quan,

doanh nghiệp sẽ được hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ sát đúng với yêu cầu nội dung của từng Sở hơn” - chia sẻ của doanh nghiệp”

Các bất cập mà doanh nghiệp phản ánh về nhóm các thủ tục về điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng là một bất ngờ đối với nhóm nghiên cứu. Nhiều doanh nghiệp được phỏng vấn cho rằng những thủ tục này khá phức tạp trên thực tế, đặc biệt là liên quan đến điều chỉnh do tăng vốn/điều chỉnh tỷ lệ góp vốn giữa các nhà đầu tư.

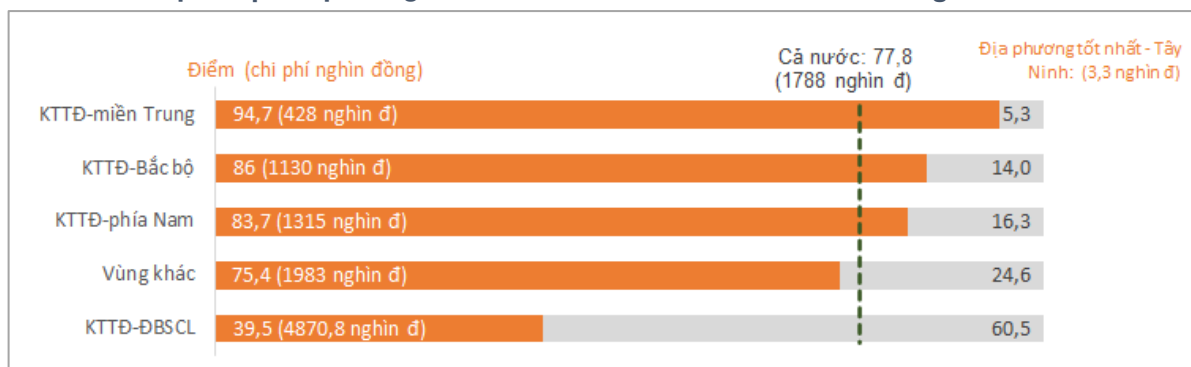
Chỉ có khoảng 1,5% doanh nghiệp được khảo sát cho biết đã nộp hồ sơ trực tuyến và nhận kết quả thủ tục qua đường bưu điện thay vì đến trực tiếp cơ quan nhà nước để thực hiện TTHC. Một trong nhiều lý do lý giải cho việc doanh nghiệp muốn đến trực tiếp cơ quan nhà nước để thực hiện TTHC được cả hai bên (doanh nghiệp và cơ quan nhà nước) xác nhận là vì bộ hồ sơ yêu cầu cho các thủ tục đầu tư khá nhiều, đặc biệt là thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư và quá trình xử lý hồ sơ liên quan đến nhiều các cơ quan quản lý. Doanh nghiệp khó có thể tự hoàn chỉnh bộ hồ sơ mà chỉ dựa vào các thông tin trên mạng, hay chỉ đọc văn bản quy phạm pháp luật. Việc đến làm việc trực tiếp với cơ quan nhà nước để được hướng dẫn chi tiết, thậm chí là bằng văn bản chính thức là lựa chọn “an toàn” cho hầu hết các doanh nghiệp.

Đối với nhóm TTHC Đầu tư, không có sự khác biệt về thời gian thực hiện giữa việc doanh nghiệp tự thực hiện hay thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện. Cụ thể, 50% doanh nghiệp tự thực hiện có thể hoàn thành thủ tục với 20 giờ. Trong khi đó 50% doanh nghiệp có thuê tư vấn vẫn có thể hoàn thành thủ tục với 12 giờ.

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Đầu tư có chỉ số chi phí trực tiếp trung bình trong các nhóm TTHC được khảo sát, với chi phí bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là gần 1,8 triệu đồng. Tây Ninh là địa phương có thực tiễn tốt nhất với mức chi phí trung bình gần như không đáng kể (3.300 đồng), chỉ bằng 0,18% chi phí trung bình của cả nước (Hình 16).

Hình 16: Chi phí trực tiếp trung bình của nhóm TTHC Đầu tư theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Các chi phí trực tiếp bao gồm chi phí sao chụp, công chứng giấy tờ. Mức chi phí phổ biến dao động từ 0,2– 0,5 triệu đồng tùy thuộc vào mức độ phức tạp của dự án. Các doanh nghiệp có trụ sở chính ở nước ngoài hoặc hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài thường phát sinh thêm chi phí dịch thuật; mức chi phí phổ biến khoảng 2-4 triệu đồng, số chi phí trực tiếp nhiều nhất ghi nhận được trong khảo sát là 20 triệu đồng.

Về chi phí không chính thức, có 7% số doanh nghiệp khảo sát cho rằng có chi trả khoản phí không chính thức trong quá trình thực hiện TTHC. Theo chia sẻ của doanh nghiệp, chi phí không chính thức thường phát sinh trong quá trình Khảo sát thực địa, họp thẩm định hồ sơ. Mức chi phí từ vài trăm, vài triệu đến vài chục triệu đồng.

Về dịch vụ trung gian trọn gói: Cứ 100 doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát, chỉ có khoảng 9 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện thủ tục mặc dù chi phí dịch vụ đắt hơn nhiều. So sánh tổng chi phí của hai nhóm doanh nghiệp: (i) nhóm doanh nghiệp tự thực hiện toàn bộ hoặc một phần TTHC (3,3 triệu đồng), và (ii) nhóm doanh nghiệp thuê trọn gói (66,3 triệu đồng), có thể thấy rằng việc doanh nghiệp tự thực hiện có thể mức chi phí thấp hơn nhiều so với việc thuê dịch vụ trung gian trọn gói.

2.2.2. Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Đầu tư

Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã nêu rõ cần phải “xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam...”. Trong bối cảnh dòng vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới đang có xu hướng dịch chuyển, biến động theo hướng có lợi cho Việt Nam thì việc tiếp tục tạo các điều kiện “thông thoáng”, thuận lợi về TTHC là cần thiết. Hầu hết ở các địa phương được khảo sát, bên cạnh việc tạo điều kiện về TTHC, việc đánh giá các dự án đầu tư theo hướng “có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường” cũng đã được thể hiện rất rõ, đặc biệt là các tỉnh, thành phố lớn. Tuy nhiên, khảo sát cũng ghi nhận được mặt trái của sự thắt chặt trong lựa chọn nhà đầu tư phần nào dẫn đến “gánh nặng” về chi phí thực hiện TTHC cho các nhà đầu tư khi chưa theo kịp các chính sách của địa phương. Chỉ số chung của APCI 2020 giảm so với các năm trước, cụ thể giảm 3,8 điểm so với APCI 2019. Tất cả các chi phí thành phần về thời gian và chi phí trực tiếp đều tăng hơn 60% so với năm liền trước.

Hình 17: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Đầu tư



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 4: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Đầu tư qua các năm

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	6.618.238	9.145.934	38%
Thời gian thực hiện (giờ)	22,6	36,1	60%
Chi phí trực tiếp (đồng)	1.061.354	1.787.725	68%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	21%	9%	
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	23.812.844	66.387.179	179%

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

2.2.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Thu hút đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh là những vấn đề trọng tâm của Chính phủ và các địa phương đặc biệt trong những năm gần đây và được thể hiện rõ nét trong Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, các Nghị quyết số 02/NQ-CP hàng năm của Chính phủ và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến cải cách hành chính trong năm vừa qua. Năm 2018, Bộ KHĐT đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ rà soát đối với toàn bộ các TTHC thuộc phạm vi quản lý²⁹. Theo đó, tổng số TTHC của Bộ KHĐT giảm từ 251 thủ tục xuống còn 238 (trong đó, 43 TTHC cấp trung ương, 171 TTHC cấp tỉnh, 24 TTHC cấp huyện), giảm 13 TTHC so với năm 2017³⁰. Năm 2019, Bộ KHĐT tiếp tục thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa, nâng cao chất lượng của 108 TTHC³¹. Tuy nhiên, khảo sát APCI 2020 cũng cho thấy dư địa cải cách về TTHC Đầu tư vẫn còn. Dựa trên phương pháp phân tích CPTT và trao đổi với các doanh nghiệp, Bộ KHĐT và các địa phương cần tập trung giải quyết những vấn đề sau:

- Cải thiện hiệu quả công tác tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện các TTHC Đầu tư thông qua việc: Tăng cường khả năng tiếp cận thông tin cho người dân thông qua trang thông tin điện tử (website) của cơ quan thực hiện TTHC; Cung cấp thông tin cập nhật, chính xác và nhất quán; Công khai các thông tin về chính sách ưu đãi đầu tư, và phối hợp với các bộ ngành liên quan để minh bạch thông tin về quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng;

²⁹ Theo các quyết định: số 02/QĐ-BKHĐT ngày 02/01/2018 ban hành Kế hoạch rà soát TTHC năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định số 1241/QĐ-BKHĐT ngày 16/8/2018 về việc thông qua phương án đơn giản hóa TTHC đã được rà soát tại Quyết định số 02/QĐ-BKHĐT

³⁰ Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2018 <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=42487&idcm=156>

³¹ Công tác cải cách hành chính năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=45103>

- Nâng cao chất lượng việc thực hiện và giải quyết bằng phương tiện điện tử của nhóm TTHC Đầu tư, đặc biệt đối với các TTHC phái sinh (như cấp đổi, điều chỉnh thông tin..): cải thiện quy trình tiếp nhận hồ sơ điện tử và đánh giá hồ sơ nhằm giảm thời gian chờ đợi cho doanh nghiệp và xây dựng cơ chế phản hồi bằng phương thức điện tử (như tin nhắn, email) cho người nộp đơn để biết được tình trạng xử lý đơn. Ngoài ra, các cơ quan giải quyết TTHC Đầu tư cần xây dựng và cập nhật một bộ câu hỏi và trả lời những vấn đề thường gặp đối với các TTHC Đầu tư để doanh nghiệp có thể tự tìm hiểu vấn đề;
- Cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; trong đó, chú trọng đặc biệt tới việc nâng cao trách nhiệm, thái độ phục vụ, trình độ chuyên môn của cán bộ tư vấn và chất lượng của đường dây nóng (hotline) hỗ trợ doanh nghiệp;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công: bố trí cán bộ có đủ chuyên môn để giải đáp thắc mắc/vướng mắc của doanh nghiệp; truyền thông tích cực về lựa chọn “trả kết quả qua bưu điện” nhằm giảm áp lực cho bộ phận một cửa cũng như rút ngắn thời gian và chi phí đi lại để nhận kết quả của doanh nghiệp...;
- Tăng cường trao đổi thông tin giữa các cơ quan ban ngành trong giải quyết hồ sơ để giảm thiểu thời gian chờ đợi cho doanh nghiệp; cập nhật tình trạng giải quyết hồ sơ trên cổng dịch vụ công.

2.3. Nhóm TTHC liên quan đến Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh khảo sát trong năm 2020 bao gồm 07 TTHC, trong đó một TTHC thuộc ngành Công an (Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự); hai TTHC thuộc ngành Công thương (Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm); ba TTHC thuộc lĩnh vực Y tế (Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế, Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc); và một TTHC thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật).

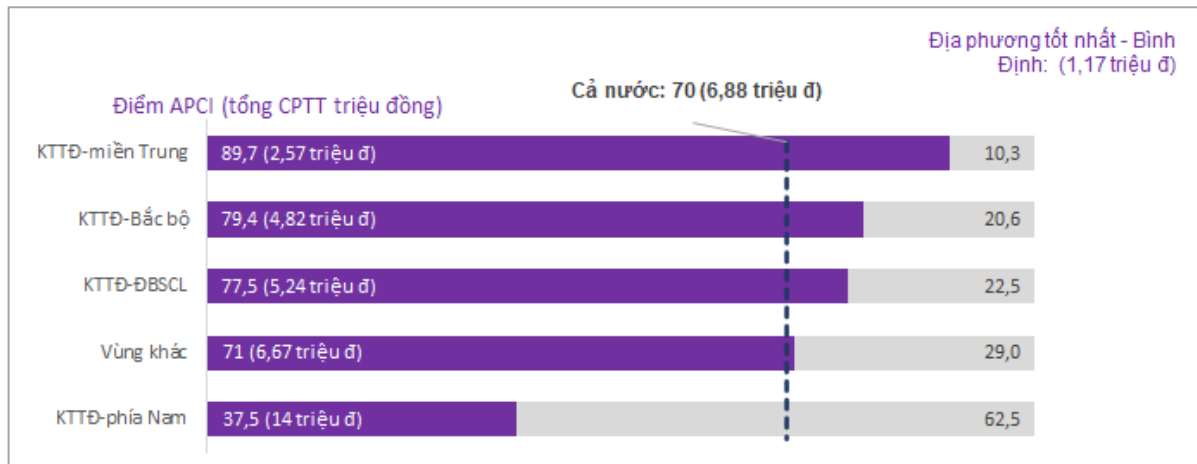
Phân phân tích nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh sẽ được chia làm hai phần: i) Phân tích tổng hợp theo số liệu khảo sát năm 2020 của 07 TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...) và ii) so với kết quả của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này.

2.3.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

Kết quả chung: Kết quả khảo sát APCI 2020 của 07 TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh được trình bày tại Hình 18 dưới đây. Điểm APCI của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh đạt 70 điểm, cách 30 điểm so với thực tiễn tốt nhất (100 điểm). Với tổng CPTT trung bình là 6,88 triệu đồng/TTHC nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh nằm trong nhóm có chi phí CPTT cao trong số bốn nhóm chi phí³². Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ miền Trung vượt trội, với 89,7 điểm tương ứng với CPTT là 2,57 triệu đồng/TTHC. Các vùng KTTĐ phía Nam có điểm APCI thấp nhất, với 37,5/100 điểm, cách 62,5 điểm so với điểm tốt nhất, tương ứng với CPTT là 14 triệu đồng/TTHC. CPTT trung bình của các doanh nghiệp tại Bình Định được ghi nhận thấp nhất cả nước với 1,17 triệu đồng/TTHC.

³²Nhóm CPTT thấp có giá trị từ 0 – 2.9 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT trung bình có giá trị từ 2.9 – 5 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT cao có giá trị từ 5 - 10 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT rất cao có giá trị từ trên 10 triệu đồng/TTHC

Hình 18: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

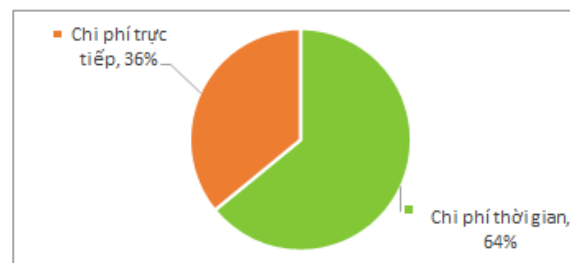


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, tổng CPTT (triệu đồng) là trung bình cộng CPTT của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm các doanh nghiệp tự làm, thuê tư vấn một phần và thuê tư vấn trọn gói.

Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh được phản ánh tại Hình 19. Theo đó, chi phí thời gian chiếm tới 64% trong tổng CPTT của Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Khoảng 1/3 chi phí còn lại là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Dưới đây là phần phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.

Hình 19: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

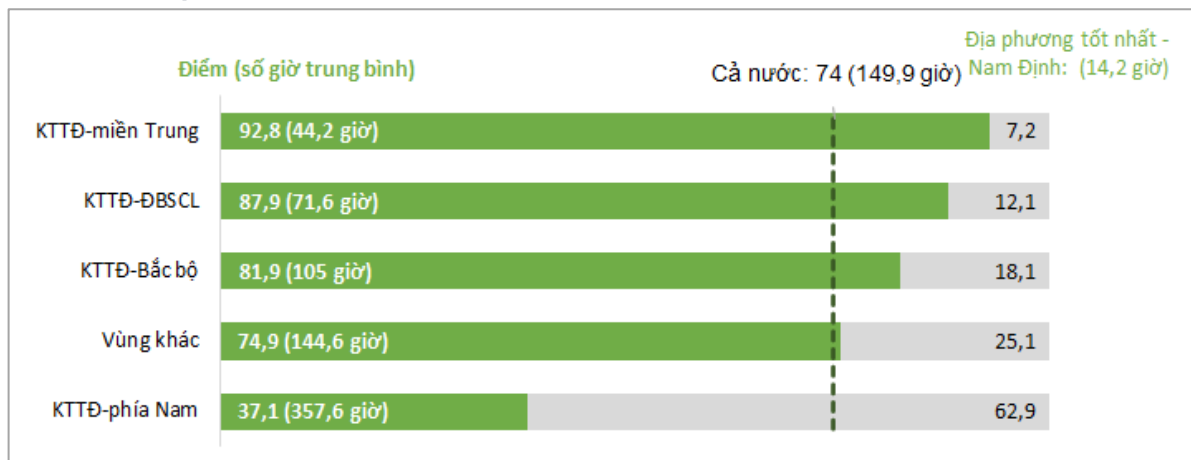


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh có số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 149,4 giờ. Nam Định là địa phương có thực tiễn tốt nhất về chỉ số thành phần thời gian thực hiện nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh với trung bình là 14,2 giờ. Vùng KTTĐ miền Trung có điểm số tốt nhất trong số các vùng KTTĐ và thời gian thực hiện ngắn nhất là 44,2 giờ, trong khi vùng KTTĐ phía Nam có điểm số thấp nhất khi doanh nghiệp trung bình phải bỏ ra 357,6 giờ, tương đương với gần 45 ngày làm việc để hoàn thành một TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh (Hình 20).

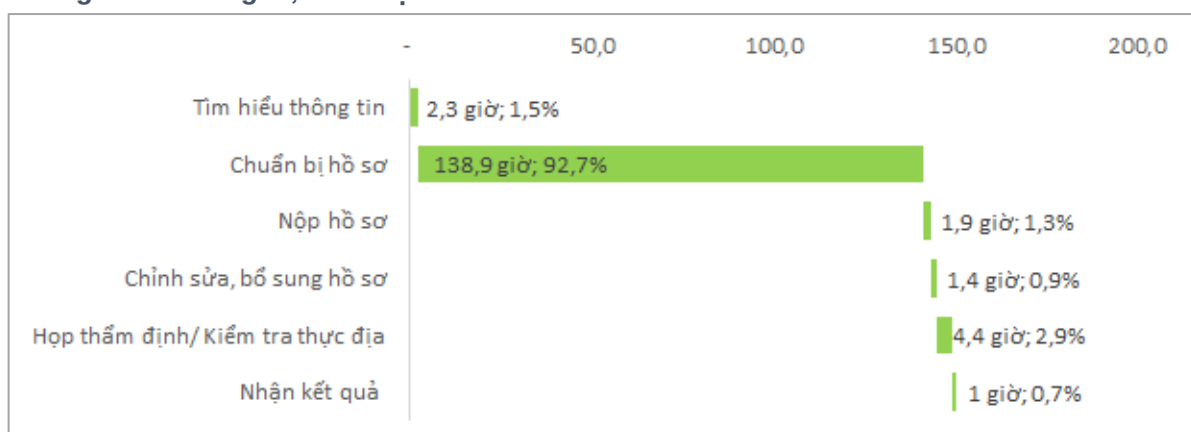
Hình 20: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Trong số các bước thực hiện các TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, chuẩn bị hồ sơ là bước mất nhiều thời gian nhất, chiếm đến 92,7% tổng thời gian thực hiện. Theo đó, trong 149,4 giờ của doanh nghiệp thực hiện các TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp dành đến 138,9 giờ cho bước này (Hình 21). Thời gian chuẩn bị hồ sơ thường bao gồm thời gian tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và thu thập các loại giấy tờ theo yêu cầu. Điều này cũng phần nào phản ánh điểm đặc thù về mức độ phức tạp của hồ sơ trong các thủ tục Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.

Hình 21: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Tỷ lệ sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh khá cao với khoảng 16% số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết đã phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Theo đó, những doanh nghiệp này thường mất trung bình 7,3 giờ, tối đa mất hơn 04 ngày làm việc cho việc sửa đổi bổ sung hồ sơ (bao gồm cả việc nhận thông báo chỉnh

sửa và nộp lại hồ sơ). Phần lớn doanh nghiệp chỉ phải sửa đổi bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở xuống, cá biệt có trường hợp phải sửa hồ sơ 04 lần. Trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp cho thấy việc áp dụng các phương thức thông báo và trao đổi thông tin qua điện thoại hoặc email cũng như việc đảm bảo chất lượng thông tin cung cấp từ phía cơ quan nhà nước có thể giúp hạn chế việc sửa đổi bổ sung hồ sơ nhiều lần, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đối với doanh nghiệp.

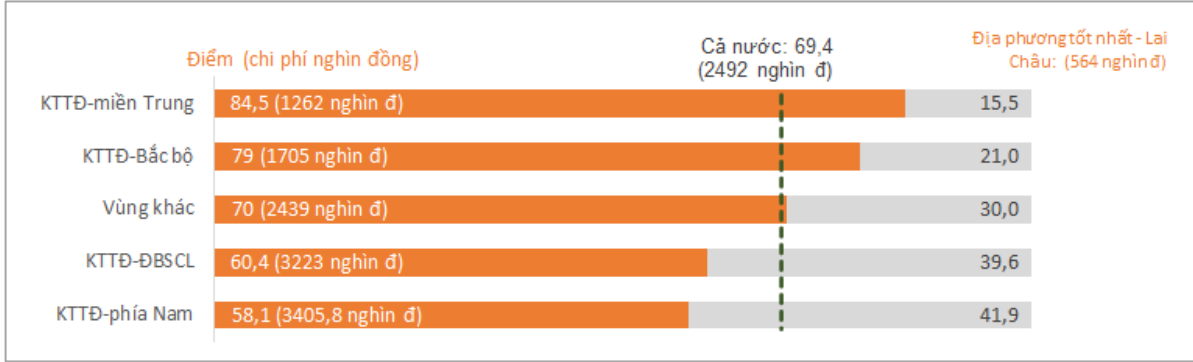
Mặc dù việc nộp hồ sơ và nhận kết quả đều chỉ chiếm 2% tổng thời gian thực hiện các TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy hầu hết các doanh nghiệp vẫn thực hiện việc nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp. Trong tất cả các trường hợp được khảo sát, chỉ có khoảng 1% trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến. Tuy nhiên, với các trường hợp này, kết quả vẫn được nhận trực tiếp tại cơ quan nhà nước hoặc gửi qua bưu điện. Nhiều ý kiến đóng góp của doanh nghiệp mong muốn điện tử hoá quy trình thực hiện, cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp.

Phân tích về thời gian giữa doanh nghiệp tự thực hiện TTHC và đơn vị tư vấn cho thấy có sự chênh lệch lớn về mặt thời gian thực hiện giữa việc doanh nghiệp tự thực hiện TTHC và doanh nghiệp sử dụng đơn vị tư vấn khi thực hiện các TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Khảo sát doanh nghiệp cho thấy doanh nghiệp tự thực hiện là những doanh nghiệp đã có kinh nghiệm thực hiện từ trước (nhiều trường hợp xin cấp mới giấy phép sau khi giấy phép cũ hết hạn), từ đó rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục (50% doanh nghiệp hoàn thành TTHC trong vòng khoảng 20 giờ). Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp thuê tư vấn để thực hiện các TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh là không đáng kể, chủ yếu thuê tư vấn để làm việc với cơ quan nhà nước (nộp hồ sơ, nhận kết quả) còn doanh nghiệp vẫn phải cử người tham gia các buổi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, khám sức khỏe...

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh có chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là gần 2,5 triệu đồng/TTHC. Lai Châu là địa phương có thực tiễn tốt nhất về chi phí trực tiếp (0,564 triệu đồng). Vùng KTTĐ miền Trung có điểm số tốt nhất xét về điểm thành phần chi phí trực tiếp trong số các vùng KTTĐ với chi phí trực tiếp trung bình là khoảng 1,26 triệu đồng/TTHC (Hình 22).

Hình 22: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo vùng



Chi phí trực tiếp để thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh bao gồm các loại chi phí sau: i) Chi phí sao chụp, chứng thực tài liệu; ii) Các loại phí và lệ phí (của thủ tục khảo sát và các thủ tục “dắt dây” (nếu có)); iii) Chi phí tập huấn, bồi dưỡng như học phí, tiền trợ cấp cho người lao động của doanh nghiệp tham gia các khóa tập huấn/bồi dưỡng (nếu có); và iv) Chi phí không chính thức (nếu có). Trong đó, phí, lệ phí cho các thủ tục “con” trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh có mức độ dao động tương đối lớn. Tùy vào từng thủ tục cụ thể cũng như quy mô doanh nghiệp, chi phí để thực hiện các thủ tục “con” có thể dao động từ vài trăm nghìn cho đến khoảng 10 triệu. Đây là các khoản phí, lệ phí được quy định trong các văn bản pháp luật liên quan nên doanh nghiệp cũng không gặp vướng mắc gì trong việc thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp tại vùng sâu, vùng xa cũng chia sẻ việc mất thêm chi phí trợ cấp cho nhân viên trong quá trình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức tập trung tại địa điểm xa nơi làm việc (ví dụ như khu vực trung tâm của tỉnh).

Chi phí không chính thức thường phát sinh trong thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, và Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (bước kiểm tra thực địa, thẩm định hồ sơ). Trong tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, có 3% doanh nghiệp chia sẻ về chi phí trà nước, mời cơm, xe đưa đón, bồi dưỡng đoàn kiểm tra, với chi phí trung bình khoảng 1 triệu/doanh nghiệp.

Dịch vụ tư vấn trọn gói: cứ 100 doanh nghiệp thực hiện TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh thì chỉ có khoảng 01 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện thủ tục. Số liệu khảo sát cho thấy mức chi phí dịch vụ trọn gói ghi nhận được thấp nhất khoảng 0,5 triệu đồng/TTHC, và mức cao nhất ghi nhận được trong khảo sát là 1,5 triệu đồng cho thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2.3.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

Trong bối cảnh khung pháp luật về nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh không có sự thay đổi trong giai đoạn khảo sát APCI 2020 và APCI 2019 (cuối năm 2019 và cuối năm 2018), điểm APCI 2020 của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh tăng không đáng kể so với điểm APCI 2019. Mặc dù vậy, khi so sánh các kết quả về tổng CPTT, thời gian hay chi phí trực tiếp cho việc thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh cho thấy gánh nặng chi phí tuân thủ tăng cao đối với doanh nghiệp. Lý giải về điều này, có thể nhận thấy rằng, các yếu tố về chi phí thực hiện các thủ tục về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh tỷ lệ thuận với quy mô doanh nghiệp, quy mô sản xuất kinh doanh³³. Sự khác biệt về quy mô giữa các doanh nghiệp khảo sát

³³ Theo quy định tại Thông tư 279/2016/TT-BTC là phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống quy mô dưới 200 suất ăn là 700 nghìn đồng, từ 200 suất ăn trở lên là 1 triệu đồng, thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) 22,5 triệu đồng....

qua các năm có thể dẫn đến sự thay đổi về giá trị tuyệt đối của các chỉ số thành phần nhưng không làm thay đổi quá nhiều về mặt điểm số APCI.

Hình 23: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh qua các năm



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 5: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề và Điều kiện kinh doanh qua các năm

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	3.592.688	6.877.605	91%
Thời gian thực hiện (giờ)	39,3	149,9	281%
Chi phí trực tiếp (đồng)	2.304.547	2.491.731	8%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	6%	1%	
Phí dịch vụ trung gian chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	6.433.333	na	N/a

Điểm nổi bật trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh là tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói qua 02 năm khảo sát khá thấp (6% và 1%). Điều này cũng phù hợp với thực tế các doanh nghiệp khảo sát đã có kinh nghiệm và lựa chọn việc tự thực hiện thủ tục. Bên cạnh đó, các TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh thường yêu cầu phải có sự tham gia trực tiếp của doanh nghiệp trong một số bước như tập huấn/bồi dưỡng, tham gia kiểm tra thực địa..., do đó các doanh nghiệp thường có xu hướng tự thực hiện các thủ tục này.

2.3.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Trong quá trình khảo sát các doanh nghiệp thực hiện TTHC trong lĩnh vực Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, có 04 nhóm vấn đề lớn mà doanh nghiệp phản ánh là còn gặp khó khăn, mong muốn có sự cải cách đến từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể như sau:

- i. *Chuẩn bị hồ sơ và đào tạo, tập huấn:* Nhiều doanh nghiệp phản ánh về việc các thủ tục trong lĩnh vực Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh yêu cầu quá nhiều thành phần hồ sơ, khiến doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian thu thập và chuẩn bị, đặc

biệt là các chứng chỉ, giấy phép “con”. Cá biệt, có doanh nghiệp phản ánh cơ quan phòng cháy chữa cháy “làm khó” doanh nghiệp, quy trình kiểm tra dài với quá nhiều điều kiện. Doanh nghiệp mong muốn giảm tải những điều kiện, thành phần hồ sơ không thực sự cần thiết để tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp tại vùng sâu vùng xa cũng bày tỏ muốn được tập huấn tại địa bàn để giảm bớt chi phí ăn ở, đi lại ra trung tâm.

- ii. *Khảo sát thực địa:* Nhiều doanh nghiệp phản ánh hiện nay các điều kiện về cơ sở vật chất, nhà xưởng còn chưa được quy định rõ ràng, dẫn đến khi khảo sát thực địa, có nhiều doanh nghiệp chưa đạt yêu cầu và phải mất thêm thời gian, chi phí cho việc khắc phục, báo cáo. Do đó, doanh nghiệp mong muốn các văn bản hướng dẫn cụ thể các yêu cầu để kịp thời nắm bắt thông tin, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất ngay từ đầu.
- iii. *Cung cấp thông tin và hướng dẫn sửa đổi bổ sung hồ sơ:* Nhiều doanh nghiệp có ý kiến rằng thông tin về thủ tục như các bước thực hiện, thành phần hồ sơ còn chưa dễ tiếp cận, dẫn đến việc nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin về thủ tục và phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ. Theo đó, nhiều doanh nghiệp mong muốn các thông tin về thủ tục được công khai trên cổng thông tin của cơ quan nhà nước và có đường dây nóng hỗ trợ để doanh nghiệp. Trong trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, doanh nghiệp mong muốn được thông báo qua email, điện thoại và đảm bảo thông báo đầy đủ trong một lần về những điểm cần phải sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp đỡ tốn thời gian đi lại nhiều lần.
- iv. *Kiểm tra, thanh tra về điều kiện kinh doanh sau khi cấp phép:* Nhiều doanh nghiệp phản ánh các cơ quan nhà nước hoạt động thanh tra, kiểm tra ngày một nhiều. Có trường hợp các cơ quan nhà nước phối hợp cùng đến kiểm tra, nhưng cũng có những trường hợp các cơ quan đến riêng lẻ. Đặc biệt, một số cán bộ nhà nước mặc sắc phục tới doanh nghiệp đã ảnh hưởng tới uy tín của doanh nghiệp trong khi hoạt động thanh tra, kiểm tra lại mang tính nghiệp vụ thường xuyên, như kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy, quản lý thị trường.

Hộp 6: Thực tiễn thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

Ở một địa phương miền Bắc, một nhóm doanh nghiệp phản ánh là tình trạng thanh tra, kiểm tra trong năm 2019 và 2020 đã trở nên quá nhiều. Nhóm doanh nghiệp cho biết một số cơ quan tới kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp với lý do là “xác minh theo đơn thư” hoặc nhằm mục đích “tìm hiểu” mà không phải là thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, nhiều trường hợp cán bộ tới làm việc lại mặc sắc phục nên đã tạo những áp lực đáng kể cho doanh nghiệp, ví dụ như cán bộ cảnh sát phòng cháy chữa cháy, quản lý thị trường. Việc cán bộ mặc cảnh phục tới làm việc tại doanh nghiệp đã làm dấy lên nghi ngờ doanh nghiệp đang bị điều tra hình sự từ những người quan sát bên ngoài, thậm chí nhân viên. Doanh nghiệp mong muốn các hoạt động kiểm tra đột xuất cũng nên được chuẩn hoá về thủ tục và với mục tiêu ngăn ngừa doanh nghiệp cố ý làm trái, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định pháp luật, phòng ngừa các sai phạm có thể xảy ra. Các doanh nghiệp cũng mong muốn các điều kiện kinh doanh cần được

công khai, quy định dễ hiểu, có thể dự đoán được để doanh nghiệp có thể thực hiện được các quy định pháp luật, điều kiện kinh doanh.

Nghiên cứu các nội dung phản ánh bởi doanh nghiệp và phân tích các kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy vẫn còn dư địa cải cách trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, tập trung vào một số vấn đề sau:

- Đẩy mạnh việc điện tử hoá các TTHC trong lĩnh vực Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, giúp tiết kiệm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Hiện nay chưa có nhiều địa phương áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trong Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Cho tới thời điểm hiện tại, TTHC áp dụng điện tử hoá mạnh nhất trong nhóm TTHC này là thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (tuy nhiên cũng chỉ có khoảng 12 tỉnh, thành phố tiếp nhận hồ sơ trực tuyến với thủ tục này).

Tại những địa phương đã triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, việc duy trì những thủ tục này cũng gặp nhiều khó khăn về mặt kỹ thuật như sự tương thích hệ thống. Do đó, cơ quan nhà nước cần sớm hoàn thiện hệ thống kỹ thuật cần thiết để triển khai và hoàn thiện điện tử hóa các TTHC thuộc lĩnh vực này để cắt giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Hộp 7: Thực tiễn áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trong ngành Y tế tại Nam Định

Theo thống kê của Sở Y tế Nam Định, một năm Sở tiếp nhận và xử lý trung bình 2.500 đến 3.000 hồ sơ TTHC các loại. Trong 10 tháng đầu năm 2020, Sở đã tiếp nhận 2.084 hồ sơ, trong đó có 44 hồ sơ nộp trực tuyến với 28 hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 4. Cũng theo Sở Y tế Nam Định, khó khăn lớn nhất trong việc áp dụng dịch vụ công trực tuyến là việc hệ thống quản lý dịch vụ công của tỉnh và hệ thống của Bộ Y tế còn chưa tương thích về tiêu chí xử lý hồ sơ (“người dân đã nhận được kết quả” – “cơ quan nhà nước đã xử lý”) dẫn đến chênh lệch về số liệu. Việc chưa đồng bộ giữa hai hệ thống cũng dẫn đến một số trường hợp sai sót do cán bộ Sở phải nhập liệu thủ công để cập nhật hệ thống.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ trong lĩnh vực Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh để có thể đưa ra những hướng dẫn cụ thể hơn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục, tránh trường hợp doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ; đảm bảo tính cập nhật của thông tin được cung cấp. Các kênh cung cấp thông tin như mạng Internet, đường dây nóng hỗ trợ cũng cần được hoàn thiện để hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời, nhanh chóng. Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh cũng nên

rà soát các thành phần hồ sơ của các TTHC trong lĩnh vực Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh với mục tiêu cắt giảm các thành phần hồ sơ không thực sự cần thiết nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

- Nghiên cứu việc bỏ yêu cầu bắt buộc người lao động tham gia lớp học để được cấp các giấy chứng nhận chuyên ngành, thay vào đó công khai giáo trình để chủ doanh nghiệp bố trí cho người lao động học tập trong giờ làm việc và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chỉ thực hiện các đợt kiểm tra kiến thức và cấp chứng chỉ. Xu hướng này cũng đã được áp dụng đối với một số thủ tục như Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Cụ thể, Nghị định số 77/2016/NĐ-CP trước đây quy định chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định. Tuy nhiên, theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, hiện nay việc xác nhận người trực tiếp sản xuất đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm sẽ được thực hiện bởi chủ cơ sở.
- Đưa ra các hướng dẫn cụ thể các thành phần hồ sơ yêu cầu chưa được quy định rõ (ví dụ: tài liệu chứng minh cơ sở đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất...), đặc biệt là các thủ tục trong lĩnh vực y tế.
- Hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước để tránh phát sinh chi phí không chính thức, đặc biệt trong quá trình kiểm tra thực địa.
- Cần tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/05/2017 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trong giai đoạn doanh nghiệp đang cố gắng phục hồi sau đại dịch COVID-19. Các cơ quan nhà nước cũng cần tuyên truyền các quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp để doanh nghiệp có nắm bắt được các yêu cầu pháp luật về hoạt động này đồng thời cũng để doanh nghiệp có thể tự kiểm soát và giám sát được các hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Các bộ, ngành liên quan cần tiếp tục rà soát để ban hành hoặc điều chỉnh các điều kiện kinh doanh sao cho được rõ ràng, minh bạch và dễ thực hiện hơn cho doanh nghiệp.

Hộp 8: Thực tiễn cung cấp thông tin trong ngành Y tế tại Nam Định

Tại Nam Định, Sở Y tế đã đính kèm danh mục tài liệu cụ thể cần cung cấp trong bộ hồ sơ để doanh nghiệp nắm rõ và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ yêu cầu, đặc biệt là với những thủ tục có thành phần hồ sơ yêu cầu chưa được quy định rõ.

2.4. Nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới

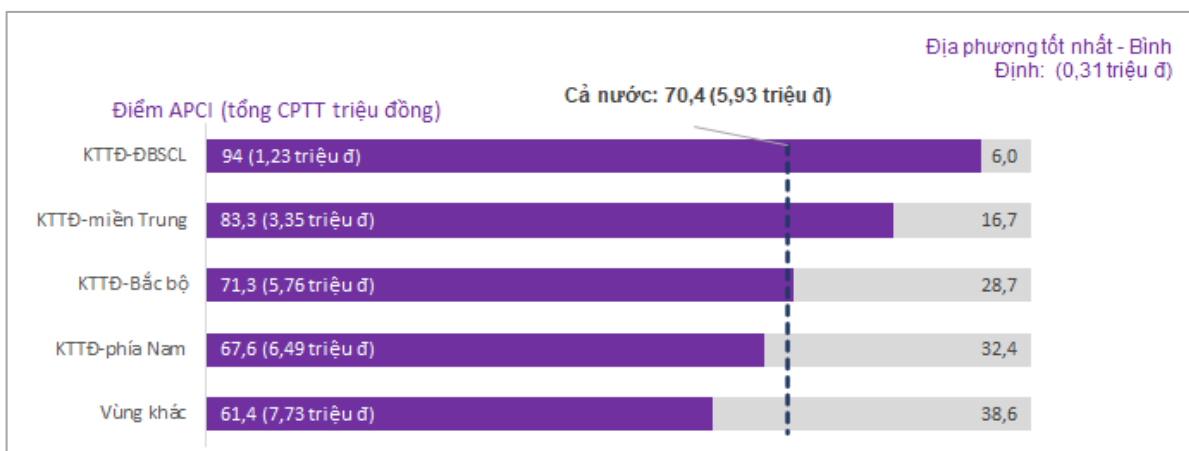
Nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới khảo sát trong năm 2020 bao gồm: i) TTHC về hải quan, và ii) Thủ tục liên quan đến logistics. Quá trình thực hiện TTHC về hải quan bao gồm Tìm hiểu thông tin, Chuẩn bị và thực hiện bộ hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu (chuẩn bị, khai báo, và nộp các chứng từ), Thực hiện kiểm tra chi tiết bộ hồ sơ hải quan, Kiểm tra thực tế hàng hóa và Ra quyết định thông quan. Quá trình thực hiện các Thủ tục liên quan đến logistics giới hạn ở các hoạt động vận chuyển trong nước (từ kho của doanh nghiệp đến cảng/cửa khẩu đối với hàng xuất khẩu hoặc ngược lại đối với hàng nhập khẩu), bốc xếp/dỡ hàng hóa và các thủ tục để giao nhận hàng tại cảng/cửa khẩu. Những chi phí được tính trong APCI không bao gồm các chi phí giao nhận vận chuyển quốc tế với hãng tàu và các loại thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.... Phần TTHC của các Bộ ngành về Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu trong APCI được tách thành một nhóm riêng và trình bày tại mục 2.6.

Phân phân tích nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới sẽ được chia làm hai phần: i) Phân tích tổng hợp theo số liệu khảo sát năm 2020 theo các chiều (tỉnh/vùng...) và ii) so sánh với kết quả của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này.

2.4.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới

Kết quả chung: Kết quả khảo sát APCI 2020 của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới được trình bày tại Hình 24 dưới đây. Điểm APCI trung bình của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới đạt 70,4 điểm, cách 29,6 điểm so với thực tế tốt nhất (100 điểm) với mức chi phí trung bình 5,93 triệu đồng/lượt. Vùng KTTĐ ĐBSCL có điểm số tốt nhất, đạt 94 điểm với chi phí trung bình 1,23 triệu đồng/lượt, trong khi vùng khác (không thuộc các vùng KTTĐ) có điểm APCI thấp nhất với 61,4 điểm, với mức chi phí trung bình 7,73 triệu đồng/lượt. Chi cục Hải quan Bình Định là nơi có thực tiễn xử lý TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới tốt nhất với mức chi phí 0,31 triệu đồng/lượt.

Hình 24: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới

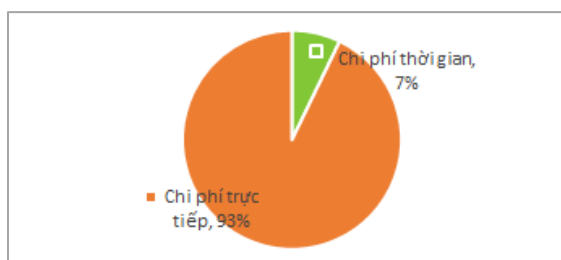


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý: Tổng CPTT được tính theo trung bình cộng tổng CPTT của tất cả các doanh nghiệp đã tham gia khảo sát cho nhóm TTHC này, bao gồm các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC và doanh nghiệp thuê bên thứ ba/ trung gian để thực hiện TTHC.

Kết quả các chỉ số thành phần:

Trong tổng số 275 doanh nghiệp tham gia khảo sát, có 48,7% doanh nghiệp tự thực hiện các thủ tục liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới, và 51,3% doanh nghiệp thực hiện thuê đơn vị trung gian để đại diện thực hiện các bước trực tiếp tại cảng/cửa khẩu. Doanh nghiệp sẽ thực hiện kê khai hàng hóa trên hệ thống trực tuyến, sau đó chuyển kết quả và hồ sơ kê khai này cho đơn vị trung gian để tiếp tục các bước tiếp theo. Với sự chuyên nghiệp của mình, thông thường đơn vị tư vấn chỉ mất tối đa 4 giờ để hoàn thiện thủ tục, trong khi đó, hơn 50% doanh nghiệp tự thực hiện mất dưới 12 giờ.

Hình 25: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm thủ tục liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới



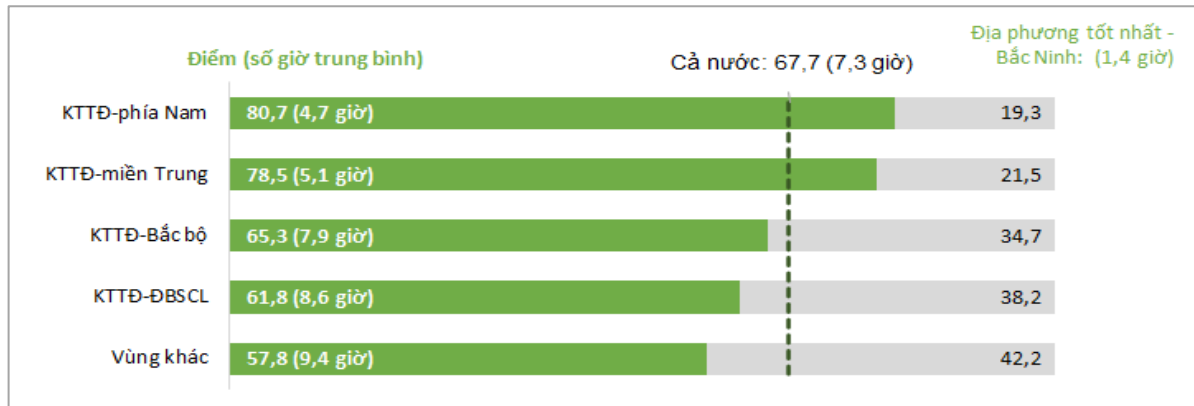
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới được thể hiện tại Hình 25. Theo đó, chi phí thời gian chỉ chiếm 7% trong tổng CPTT, còn lại 93% là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện TTHC. Dưới đây là phân phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới.

Thời gian thực hiện

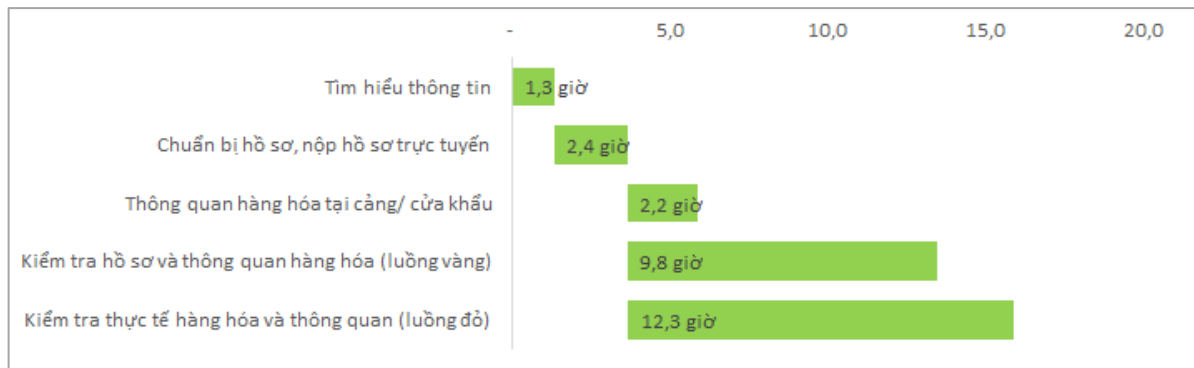
TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới là một trong ba nhóm TTHC có thời gian thực hiện ngắn nhất trong các số chín nhóm TTHC được điều tra khảo sát, với số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 7,3 giờ (tương ứng với điểm APCI 80,7), so với 16,2 giờ làm việc bình quân của tất cả các nhóm TTHC. Bắc Ninh là địa phương có thực tiễn tốt nhất về chỉ số thành phần thời gian thực hiện TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới với trung bình là 1,4 giờ. Vùng KTTĐ phía Nam có điểm số tốt nhất trong số các vùng KTTĐ, xét về điểm thành phần thời gian với 80,7 điểm và trung bình 4,7 giờ (Hình 26).

Hình 26: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý: Số giờ trung bình được tính theo trung bình cộng tổng thời gian của tất cả các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC, không bao gồm thời gian của các doanh nghiệp thuê trọn gói để thực hiện TTHC

Hình 27: Thời gian thực hiện nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới theo phân luồng hàng hóa



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Số giờ thực hiện ở các bước là trung bình cộng của tất cả các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC

Tính bình quân thời gian của tất cả các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC về hải quan và thủ tục liên quan đến logistics tham gia khảo sát thì thời gian doanh nghiệp dành để tìm hiểu thông tin là 1,3 giờ/TTHC. Tuy nhiên, chỉ có 62% tổng số doanh nghiệp là có dành thời gian thực hiện bước này, những doanh nghiệp còn lại thường là đã quen với TTHC hoặc có sử dụng dịch vụ tư vấn để thực hiện TTHC. Thời gian thực tế để tìm hiểu một TTHC là khoảng 2,8 giờ, và các doanh nghiệp này cho biết đối với TTHC về hải quan, doanh nghiệp thường tìm hiểu thông tin thông qua văn bản pháp luật (62%), Biểu mẫu, Quy trình được đăng tải trên Internet, và 35% doanh nghiệp tìm hiểu thông tin trực tiếp tại các cơ quan Hải quan địa phương.

Thời gian chuẩn bị hồ sơ và nộp hồ sơ của TTHC về Hải quan đối với các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC ghi nhận mức 2,4 giờ (thấp hơn mức thời gian trung bình dùng cho Chuẩn bị hồ sơ của TTHC khác). Kết quả này có được là do trên thực tế doanh nghiệp đã sử dụng thành thạo phần mềm kê khai hải quan; thông thường chỉ mất từ 10-30 phút là hoàn thiện mọi thủ tục kê khai và luôn sẵn sàng các giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của pháp luật từ trước. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dài hay ngắn phụ thuộc lớn vào tính chất phức tạp và khối lượng của hàng hoá. Có một số doanh nghiệp phản ánh về việc hệ thống trực tuyến bị lỗi khi nộp hồ sơ.

Thông quan hàng hóa tại cửa khẩu mất trung bình 2,2 giờ theo số liệu khảo sát của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm thời gian đi lại của người thực hiện TTHC được tính từ nơi làm việc đến nơi thực hiện TTHC, thời gian chờ đợi tại cơ quan hải quan, thời gian làm việc với các bên dịch vụ logistics để nâng/hạ hàng, và làm việc với cán bộ hải quan để kiểm tra giấy tờ, nộp thuế/ phí nếu có. Số liệu này không bao gồm thời gian kiểm tra thực tế hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa. Theo chia sẻ từ các doanh nghiệp đã thực hiện, thời gian thực tế làm việc với các bộ hải quan chỉ khoảng từ 15 đến 30 phút, còn lại chủ yếu là thời gian đi lại, chờ đợi và làm thủ tục với các bên dịch vụ logistics để lấy hàng. Thời gian làm việc thực tế khá trùng khớp với số liệu đo lường của cơ quan Hải quan tại Hộp 9.

Hộp 9: Thời gian xử lý hồ sơ và giải phóng hàng của cơ quan Hải quan

“Thời gian thông quan hàng hóa (từ khi đăng ký chính thức tờ khai hải quan đến khi ra quyết định thông quan) trung bình đối với hàng xuất khẩu luồng xanh là chưa đến 0,5 giờ, đối với tờ khai luồng xanh không thuế chưa đến 03 giây; Thời gian trung bình công chức Hải quan thực hiện kiểm tra bộ hồ sơ hải quan (được tính từ khi doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ để cơ quan Hải quan kiểm tra đến khi cơ quan Hải quan hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ) là dưới 20 phút đối với hàng nhập khẩu, dưới 10 phút đối với hàng xuất khẩu” (Theo kết quả đo thời gian giải phóng hàng của Tổng cục Hải quan năm 2019).

Trong số 275 doanh nghiệp tham gia khảo sát nhóm thủ tục này, có 9% số doanh nghiệp đã phản hồi về tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu luồng vàng. Số liệu này có sự chênh lệch (ít hơn) so với ghi nhận thực tế của cơ quan Hải quan về tỷ lệ phân luồng tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu năm 2019 (luồng xanh 55,6%, luồng vàng 39,16%, luồng đỏ 5,24%) do số liệu của cơ quan Hải quan được tính trên tổng số tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu. Đối với tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu luồng vàng, thời gian vừa kiểm tra hồ sơ vừa thông quan hàng hóa và thực hiện các thủ tục liên quan đến logistics (như phân tích ở trên) mất trung bình 9,8 giờ. 20% doanh nghiệp có kiểm tra hồ sơ phải thực hiện chỉnh sửa bổ sung hồ sơ, phần lớn là do những sai sót về áp mã HS, tính thuế và một số lý do liên quan đến sự cố của hệ thống trao đổi thông tin giữa cơ quan Hải quan và các bên liên quan.

Trong số 275 doanh nghiệp tham gia khảo sát nhóm thủ tục này, có 13% số doanh nghiệp đã phản hồi về tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu luồng đỏ. Số liệu này có sự chênh lệch (cao hơn) so với ghi nhận thực tế của cơ quan Hải quan về tỷ lệ phân luồng tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu năm 2019 (luồng đỏ 5,24%) do số liệu của cơ quan Hải quan được tính trên tổng số tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu và tâm lý muốn chia sẻ về những khó khăn nhiều hơn là về thuận lợi của người được khảo sát. Theo đó, thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra trung bình cho

mỗi tờ khai phải kiểm tra thực tế hàng hóa khoảng 12,3 giờ, bao gồm thời gian đăng ký kiểm hóa, làm thủ tục hạ hàng đưa vào khu kiểm hóa, liên hệ với cán bộ hải quan để làm các thủ tục kiểm tra, tham gia kiểm tra hàng hóa theo yêu cầu của cán bộ hải quan (kiểm tra bằng máy soi hoặc kiểm tra thủ công...), và thời gian thông quan hàng hóa (như phân tích ở trên).

Khảo sát chuyên sâu với doanh nghiệp cho thấy, các thủ tục thông quan hàng hóa đối với luồng xanh rất đơn giản (miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa), nên phần lớn doanh nghiệp thuê đơn vị vận tải thực hiện khâu này. Bảng 6 dưới đây so sánh về thời gian thực hiện TTHC về hải quan và thủ tục liên quan đến logistics đối với các luồng hàng hóa và theo nghiệp vụ xuất/nhập khẩu. Số liệu này được tính dựa trên kết quả khảo sát doanh nghiệp tự thực hiện (doanh nghiệp tự kê khai, và tự làm thủ tục thông quan tại cảng).

Bảng 6: Thời gian thực hiện TTHC liên quan đến giao dịch thương mại qua biên giới theo phân luồng hàng hóa (giờ)

	Thời gian trung bình đối với hàng hóa xuất khẩu	Thời gian trung bình đối với hàng hóa nhập khẩu
Hàng hóa luồng xanh	5,1	7,2
Hàng hóa luồng vàng	10,2	9,5
Hàng hóa luồng đỏ	13,2	10,8

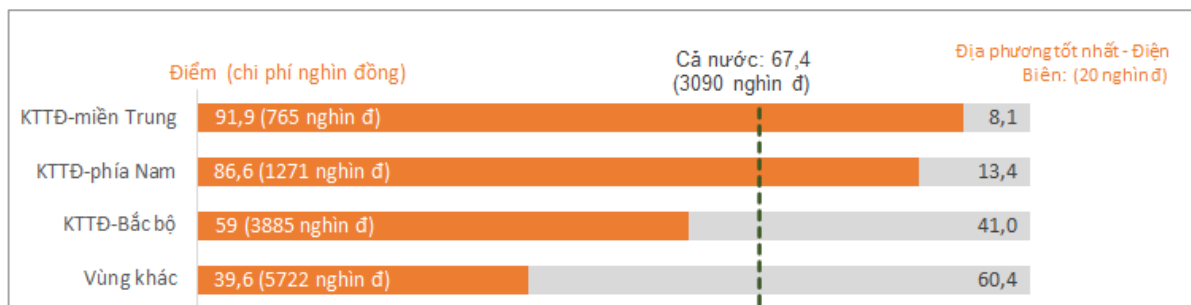
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Chi phí trực tiếp

Kết quả phân tích sau đây là chi phí trực tiếp được tính trung bình trên tổng số 134 doanh nghiệp tham gia khảo sát không bao gồm các doanh nghiệp thuê trung gian trọn gói để thực hiện các bước thủ tục trực tiếp tại cảng/cửa khẩu.

Nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới có chi phí trực tiếp cao trong các nhóm TTHC được khảo sát, với chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là khoảng 3,1 triệu đồng/lượt. Vùng KTTĐ ĐBSCL ghi nhận mức chi phí thấp nhất trong số các vùng KTTĐ của cả nước với 0,278 triệu đồng (Hình 28). KTTĐ-Bắc Bộ là vùng KTTĐ có chi phí trực tiếp cao nhất với gần 3,9 triệu đồng/lượt. Điện Biên là địa phương có thực tiễn thực hiện TTHC về Giao dịch thương mại qua biên giới tốt nhất với 20 nghìn đồng/lượt.

Hình 28: Chi phí trực tiếp trung bình của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Các chi phí trực tiếp trong nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới có thể bao gồm: lệ phí tờ khai hải quan 20 nghìn đồng/tờ khai, chi phí dịch vụ logistics để hoàn thành việc thông quan, lấy hàng; trong đó, chi phí dịch vụ logistics chiếm tỷ trọng lớn so với chi phí thực hiện TTHC về hải quan. Chi phí dịch vụ logistics bao gồm: phí nâng hàng, phí hạ hàng, phí hạ tầng, phí cân hàng, phí cầu đường, phí bến bãi, phí vận chuyển hàng hóa, phí bốc xếp hàng hóa...tùy thuộc vào khối lượng hàng hóa và địa điểm thông quan. Theo các doanh nghiệp, thực hiện TTHC ở Điện Biên là phát sinh ít chi phí trực tiếp nhất (20 nghìn đồng).

Chi phí không chính thức: Có 7% các doanh nghiệp được khảo sát cho rằng có chi phí không chính thức, thường phát sinh ở khâu làm giấy chứng nhận chuyên ngành, khâu kiểm tra hồ sơ, quá trình làm việc tại cảng, cửa khẩu.

Dịch vụ trung gian trọn gói: Cứ 100 doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát thì có đến 51 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói (đại lý hải quan) để thực hiện thủ tục mặc dù chi phí cao hơn. So sánh tổng chi phí của hai nhóm doanh nghiệp: (i) nhóm doanh nghiệp tự thực hiện toàn bộ hoặc một phần TTHC (2,4 triệu đồng/lần), và (ii) nhóm doanh nghiệp thuê trọn gói (7,7 triệu đồng/lần). Phòng vấn doanh nghiệp cho thấy mức chi phí tăng hơn giữa doanh nghiệp tự thực hiện và thuê dịch vụ trung gian trọn gói nằm trong khả năng sẵn sàng chi trả của doanh nghiệp để được giải phóng hàng nhanh phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.4.2. Mức độ cải thiện của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới

Kết quả đánh giá chung của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới năm 2020 (APCI 2020) so với năm 2019, điểm APCI của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới giảm 7,4 điểm (Hình 29). Cụ thể tại Bảng 7 cho thấy tất cả các chỉ số về chi phí thời gian, chi phí trực tiếp nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới trong APCI 2020 đều tăng so với các chỉ số tương tự của năm 2019 lần lượt là 8% và 44%. Theo kết quả thảo luận với các bên liên quan, nguyên nhân chủ yếu là do các chi phí liên quan đến logistics tăng cao, vì cơ sở hạ tầng giao thông, bến bãi, ứng dụng khoa học kỹ thuật,... chưa phát triển kịp với mức độ gia tăng của lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, hệ thống hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, tính kết nối còn hạn chế, thiếu trung tâm logistics cấp quốc gia, quốc tế tại khu vực kinh tế trọng điểm để làm đầu mối phân phối hàng hóa.

Hình 29: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 7: So sánh các chi phí thành phần của nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	4.204.189	5.930.113	41%
Thời gian thực hiện (giờ)	6,8	7,3	8%
Chi phí trực tiếp (đồng)	2.150.969	3.089.663	44%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	40%	51%	
Phí dịch vụ trung gian chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	6.988.506	7.741.915	11%

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Một trong những xu hướng thực hiện TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới được ghi nhận là ngày càng nhiều doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian chuyên nghiệp (các đại lý hải quan) để thực hiện các thủ tục xuất, nhập khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp có tần suất xuất nhập khẩu hàng hóa ít, và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2.4.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới chịu tác động của nhiều yếu tố và nhiều cơ quan, đơn vị có liên quan. Bên cạnh vai trò của cơ quan Hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành thì các đơn vị quản lý, kinh doanh cảng, vận tải, logistics đóng vai trò rất quan trọng trong việc cải thiện chỉ số APCI của nhóm thủ tục này.

Trong những năm qua, cơ quan Hải quan đã không ngừng nỗ lực thực hiện cải cách, hiện đại hóa, cải cách thủ tục hành chính để giảm thời gian, giảm chi phí, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Năm 2020 là năm cuối cùng triển khai Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020³⁴ và Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2016- 2020³⁵, đặc biệt là các kết quả từ ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý, thực hiện thủ tục hải quan

³⁴ Quyết định số 448/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25/03/2011

³⁵ Quyết định số 1614/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 19/7/2016

đáp ứng các quy định hiện hành của Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018, Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018. Các hệ thống như hệ thống giám sát tự động - VASSCM, hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN –ACTS đang thực hiện thí điểm và kỳ vọng sẽ mang lại những bước tiến lớn cho Hải quan Việt Nam tiến gần hơn đến các thông lệ quốc tế và đạt mục tiêu “ngang bằng với nhóm 04 nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN”.

Từ năm 2019, Bộ Tài chính đã chủ trì xây dựng Đề án cải cách kiểm tra chuyên ngành theo hướng cơ quan Hải quan là đầu mối thực hiện kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu (trừ các mặt hàng liên quan đến an ninh, quốc phòng, kiểm dịch...). Đề án được xây dựng trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2019 (Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 13/11/2019), Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2020, hướng tới việc hiện đại hóa ngành Hải quan và phát triển mạnh mẽ Hải quan điện tử phù hợp chuẩn mực quốc tế. Theo đánh giá của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), nếu đề án được thực thi, thời gian doanh nghiệp phải đến các cơ quan có chức năng kiểm tra sẽ giảm được tối thiểu 2 ngày cho 1 lô hàng. Việc thực hiện đề án cũng là căn cứ để xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa để cơ quan Hải quan áp dụng quản lý rủi ro và quyết định thông quan cho các lô hàng sau này, giúp giảm mạnh khối lượng hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành. Tuy nhiên, bài toán lớn của đề án là sự phối hợp và phân định phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cơ quan Hải quan với các tổ chức kiểm tra của các bộ, ngành.

Thông qua Khảo sát APCI 2020 cho thấy các cơ quan liên quan đến nhóm TTHC này cần chú trọng giải quyết những vấn đề sau:

- Công khai các thông tin hướng dẫn về quy trình thực hiện thủ tục hải quan và vận hành hiệu quả hơn đường dây nóng (hotline) hỗ trợ doanh nghiệp, cổng thông tin giải đáp thắc mắc doanh nghiệp; chuẩn hoá quy trình phân luồng hàng hoá, kê khai hải quan, kiểm tra hàng hoá...; nâng cao chất lượng của dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp và hướng dẫn chi tiết để giải quyết các vướng mắc một cách kịp thời, hiệu quả;
- Hoàn thiện và cập nhật liên tục hệ thống phần mềm khai báo hải quan, hệ thống thông tin thuế, hệ thống thông quan điện tử (TQĐT-V5), hệ thống Một cửa quốc gia,... về tốc độ xử lý, các chức năng chỉnh sửa hồ sơ, kiểm tra hệ thống thường xuyên để khắc phục lỗi kịp thời, nhanh chóng; tối ưu hoá các hệ thống điện tử để giảm áp lực về giấy tờ, hồ sơ, công văn bản cứng...;
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra phục vụ thông quan hàng hóa: bổ sung nguồn lực, nghiên cứu ứng dụng công nghệ/trang thiết bị hiện đại, đặc biệt vào những thời gian cao điểm có lưu lượng hàng hoá lớn;
- Đẩy mạnh cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành với vai trò chủ trì của Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) và sự tham gia tích cực của các Bộ, ngành liên quan;
 - Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025, gắn dịch vụ logistics với phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa, phát triển hạ tầng giao thông vận tải, công nghệ thông tin và tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau: i) Đầu tư, nâng cấp,

hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại cảng biển; xây dựng trung tâm logistics, quy hoạch kết nối liên mạch với cảng, cụm cảng; nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông quanh các cảng biển, thực hiện kết nối cảng với các trung tâm logistics; ii) Rà soát, giảm chi phí vận tải (chi phí dịch vụ tại cảng, phí và lệ phí sử dụng hạ tầng trong vận tải nội địa (phí cầu đường, bến bãi,...); chi phí dịch vụ vận tải của hãng vận tải...) nhằm khuyến khích các hãng tàu, các đơn vị kinh doanh cảng, các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải và logistics giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động và năng suất khai thác hàng của các cảng; iii) Đẩy mạnh áp dụng thanh toán trực tuyến trong hoạt động thu phí dịch vụ, phí và lệ phí liên quan nhằm giảm thời gian làm thủ tục, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

2.5. Nhóm TTHC liên quan đến Khởi sự doanh nghiệp

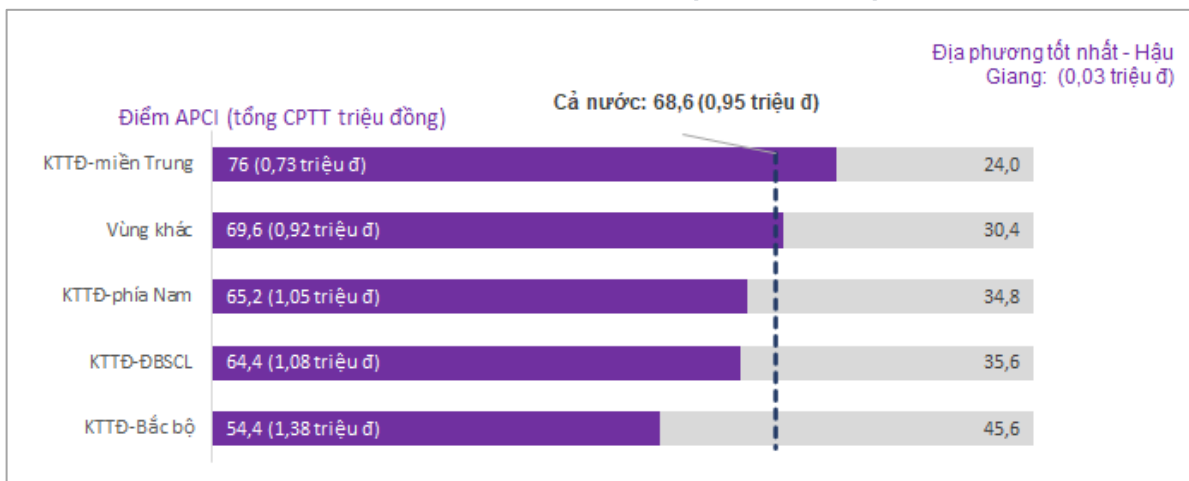
Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp khảo sát trong năm 2020 bao gồm 05 TTHC: i) Đăng ký thành lập doanh nghiệp; ii) Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; iii) Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; iv) Khai và nộp lệ phí môn bài; và v) Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử.

Phân phân tích nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp bao gồm 02 phần: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2020 của 05 TTHC Khởi sự doanh nghiệp và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...) và (ii) so với kết quả của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này.

2.5.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp

Kết quả chung: Kết quả khảo sát APCI 2020 của 05 TTHC Khởi sự doanh nghiệp được trình bày tại Hình 30 dưới đây. Điểm APCI của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp đạt 68,6 điểm, cách 31,4 điểm so với thực tiễn tốt nhất (100 điểm). Với tổng CPTT trung bình là 0,95 triệu đồng/TTHC nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp nằm trong nhóm có chi phí CPTT thấp trong số bốn nhóm chi phí³⁶. Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ miền Trung có số điểm cao nhất với 76 điểm tương ứng với CPTT là 0,73 triệu đồng/TTHC. Vùng KTTĐ Bắc bộ có điểm APCI thấp nhất, với 54,4/100 điểm, cách 45,6 điểm so với điểm tốt nhất, tương ứng với CPTT là 1,38 triệu đồng/TTHC. CPTT trung bình của các doanh nghiệp tại Hậu Giang được ghi nhận thấp nhất cả nước với 0,03 triệu đồng/TTHC.

Hình 30: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp



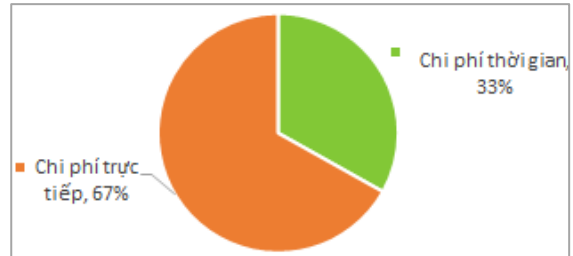
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, tổng CPTT (triệu đồng) là trung bình cộng CPTT của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm các doanh nghiệp tự làm, thuê tư vấn một phần và thuê tư vấn trọn gói.

³⁶Nhóm CPTT thấp có giá trị từ 0 – 2,9 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT trung bình có giá trị từ 2,9 – 5 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT cao có giá trị từ 5 - 10 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT rất cao có giá trị từ trên 10 triệu đồng/TTHC

Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp được thể hiện tại Hình 31. Theo đó, chi phí thời gian chiếm 1/3 trong tổng CPTT của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp, 2/3 chi phí còn lại là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các TTHC về khởi sự doanh nghiệp. Dưới đây là phần phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp.

Hình 31: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp

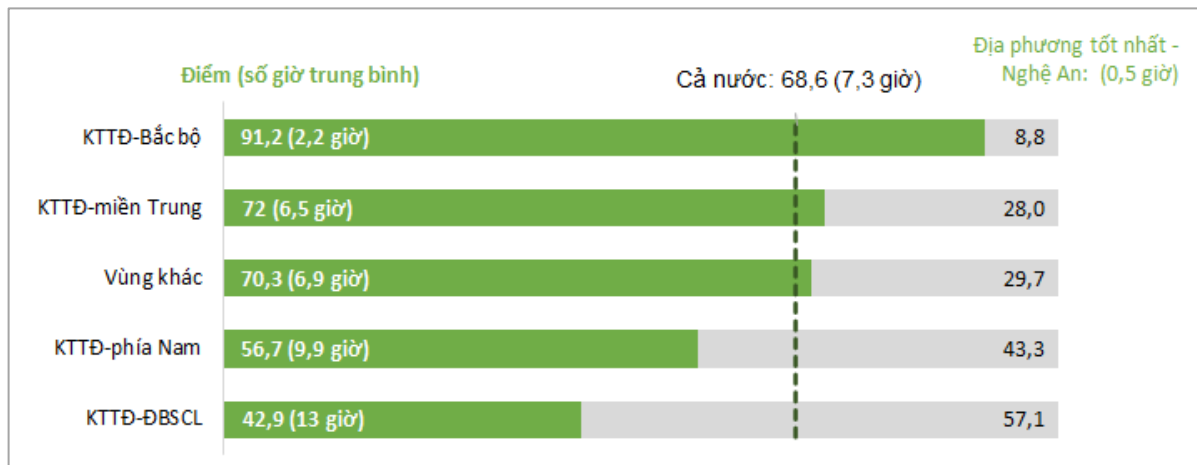


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp có số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 7,3 giờ. Nghệ An là địa phương có thực tiễn tốt nhất về chỉ số thành phần thời gian thực hiện Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp với trung bình là 0,5 giờ. Vùng KTTĐ Bắc bộ có điểm số tốt nhất trong số các vùng KTTĐ và thời gian thực hiện ngắn nhất là 2,2 giờ, trong khi vùng KTTĐ-ĐBSCL có điểm số thấp nhất, doanh nghiệp phải bỏ ra trung bình là 13 giờ, tương đương với 1,5 ngày làm việc để hoàn thành một TTHC về khởi sự doanh nghiệp (Hình 32).

Hình 32: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp theo vùng

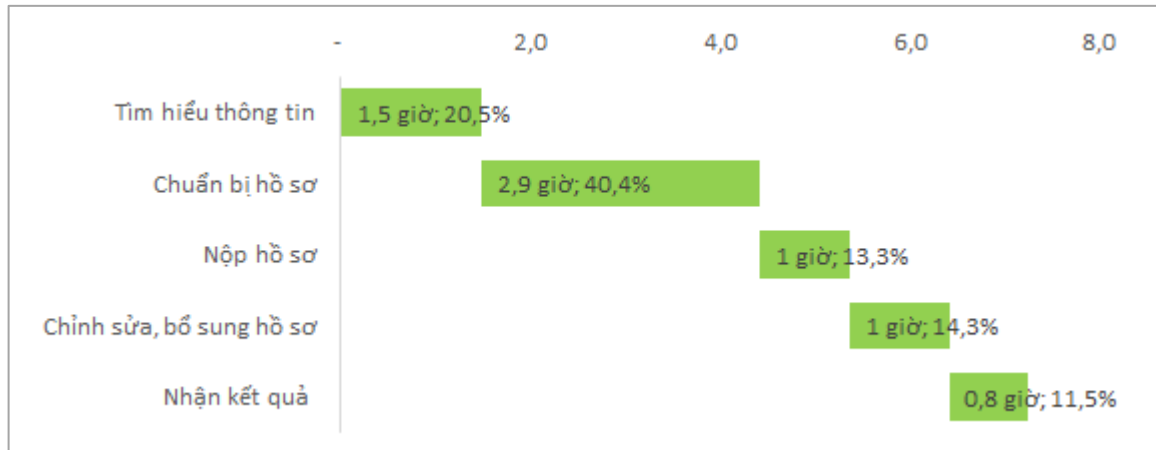


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Trong số các bước thực hiện các TTHC Khởi sự doanh nghiệp, hai bước tìm hiểu thông tin và chuẩn bị hồ sơ là các bước mất nhiều thời gian nhất, chiếm 60,9% tổng thời gian thực hiện. Cụ thể, trong 7,3 giờ của doanh nghiệp thực hiện các TTHC Khởi sự doanh nghiệp, doanh nghiệp dành đến 1,5 giờ (20,5%) cho bước tìm hiểu thông tin và 2,9 giờ (40,4%) cho bước chuẩn bị hồ sơ (Hình 33). Số liệu khảo sát đã phản ánh một phần khó khăn của các doanh nghiệp mới khi thực hiện các thủ tục lần đầu. Đặc biệt trong bước chuẩn bị hồ sơ, doanh nghiệp thường mất nhiều

thời gian nhất do phải soạn thảo các văn bản quan trọng như Điều lệ của doanh nghiệp, hoặc phải tổ chức họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông để ban hành quyết định (các quyết định này là thành phần của hồ sơ).

Hình 33: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Tỷ lệ sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp khá cao với khoảng 16% tổng số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết đã phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Trong đó 1/3 số trường hợp sửa đổi, bổ sung phải sửa đổi từ 02 lần trở lên, cá biệt có trường hợp phải sửa đổi đến 04 hoặc 05 lần và đều thuộc thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp. Doanh nghiệp cho biết trong một số trường hợp doanh nghiệp không được hướng dẫn chi tiết về những nội dung phải sửa đổi, bổ sung dẫn tới phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần.

Hộp10: Khó khăn vì “Điều lệ doanh nghiệp”

Qua khảo sát tại Đắc Lắc, thành phố Hồ Chí Minh, một số doanh nghiệp phản ánh rằng khi thực hiện thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp [ví dụ thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh khác của doanh nghiệp], hồ sơ của doanh nghiệp bị trả lại và yêu cầu sửa đổi nhiều lần chỉ vì “Điều lệ” của doanh nghiệp. Theo đó, khi doanh nghiệp có bất kỳ sửa đổi nào liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đều phải nộp Điều lệ doanh nghiệp (được sửa đổi) sao cho phù hợp với nội dung thay đổi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trong khi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chỉ sửa địa chỉ trụ sở doanh nghiệp nhưng theo quy định, doanh nghiệp vẫn phải nộp Điều lệ sửa đổi (trong khi sự thay đổi về trụ sở doanh nghiệp không làm thay đổi Điều lệ doanh nghiệp. Mặt khác, Luật Doanh nghiệp 2014 cũng chỉ quy định chung chung về Điều lệ doanh nghiệp mà không có Điều lệ mẫu dẫn đến mỗi nơi áp dụng một kiểu và hướng dẫn của chuyên viên lại không rõ ràng.

Mặc dù việc nộp hồ sơ và nhận kết quả đều chiếm tỷ trọng khá thấp trong tổng thời gian thực hiện các TTHC về khởi sự doanh nghiệp, kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy nhiều doanh

ng nghiệp vẫn thực hiện việc nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp. Ngoài ra, có một số trường hợp thực hiện qua đường bưu điện. Qua khảo sát có thể thấy phương thức nộp hồ sơ trực tuyến chỉ phổ biến tại một số địa phương như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Nhiều doanh nghiệp vẫn có xu hướng thực hiện TTHC trực tiếp vì: (i) nhờ được cán bộ một cửa tiếp nhận hồ sơ xem giúp hồ sơ đã hợp lệ hay chưa để sửa đổi, bổ sung tại chỗ; (ii) thời gian đi lại và nộp hồ sơ trực tiếp ngắn hơn so với thời gian nhập dữ liệu, scan tài liệu và hoàn thành nộp hồ sơ trực tuyến; (iii) nộp trực tiếp nhận được kết quả sớm hơn so với nộp trực tuyến³⁷.

So sánh thời gian thực hiện giữa việc doanh nghiệp tự thực hiện TTHC và doanh nghiệp sử dụng đơn vị tư vấn cho thấy nhìn chung thời gian doanh nghiệp bỏ ra để tự thực hiện các TTHC về khởi sự doanh nghiệp không có sự khác biệt nhiều so với doanh nghiệp sử dụng đơn vị tư vấn. Lưu ý rằng nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp không chỉ bao gồm các TTHC về đăng ký doanh nghiệp mà còn bao gồm các TTHC về thuế như khai, nộp lệ phí môn bài và thông báo phát hành hoá đơn. Các TTHC về thuế này nhìn chung có thời gian thực hiện nhanh hơn so với các TTHC về đăng ký doanh nghiệp và phần lớn đều do các doanh nghiệp tự thực hiện. Còn nếu chỉ xét riêng các TTHC về đăng ký doanh nghiệp, các đơn vị tư vấn thường sẽ mất ít thời gian thực hiện so với doanh nghiệp.

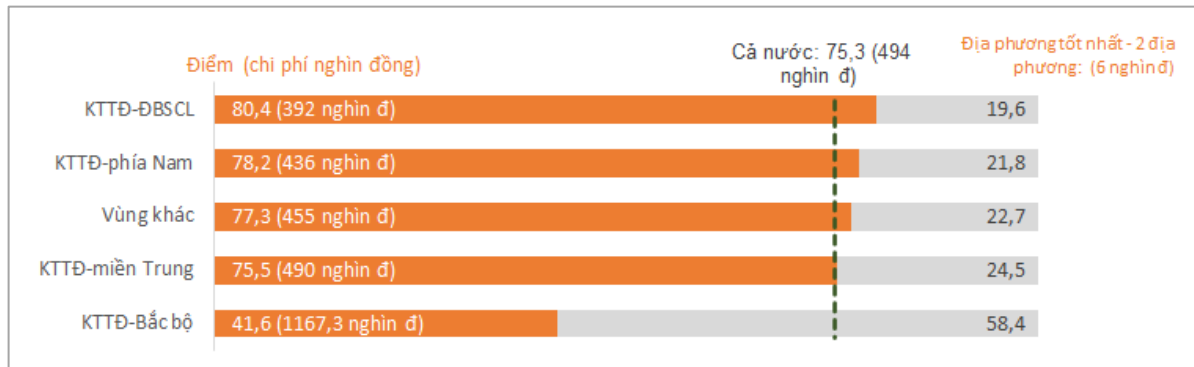
Chi phí trực tiếp

Chi phí trực tiếp để thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp bao gồm các loại chi phí sau: (i) Chi phí sao chụp, chứng thực; (ii) Các loại phí và lệ phí (lệ phí đăng ký thành lập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; lệ phí môn bài); (iii) Chi phí không chính thức (nếu có).

Theo Hình 34, nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp có chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 0,494 triệu đồng/TTHC. Có thể thấy vùng KTTĐ-ĐBSCL có điểm số tốt nhất xét về điểm thành phần chi phí trực tiếp trong số các vùng KTTĐ với 80,4/100 điểm thực tiễn tốt, tương ứng với chi phí trực tiếp trung bình là 0,392 triệu đồng/TTHC. Vùng KTTĐ Bắc bộ có chi phí trực tiếp trung bình cao nhất là hơn 1,1 triệu đồng với điểm số 41,6 điểm, cách 58,4 điểm so với điểm tốt nhất.

³⁷Ví dụ cùng nộp bộ hồ sơ hợp lệ, nếu nộp trực tiếp thì sau 3 ngày làm việc doanh nghiệp có thể nhận được kết quả, còn nếu nộp trực tuyến thì sau 3 ngày mới chỉ nhận được thông báo hồ sơ hợp lệ, phải chờ thêm ít nhất 1 ngày mới nhận được kết quả

Hình 34: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Một điểm cần lưu ý là một số ít doanh nghiệp (xấp xỉ 2%) cho biết đã chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện các TTHC thuộc nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp với mức chi phí không chính thức trung bình khoảng 0,675 triệu đồng. Chi phí này thường phát sinh trong giai đoạn nộp hồ sơ trực tiếp, có trường hợp phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị hồ sơ hoặc giai đoạn nhận kết quả.

Hộp 11: Chi phí không chính thức

“Mặc dù được miễn phí tư vấn thành lập doanh nghiệp tại Trung tâm hỗ trợ xúc tiến đầu tư, có doanh nghiệp vẫn phát sinh chi phí riêng cho các cán bộ Trung tâm để nhờ thực hiện thủ tục, nếu không việc thực hiện hồ sơ sẽ thường khó khăn hơn và phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nhiều lần” - doanh nghiệp tại một tỉnh miền núi phía Bắc.

Dịch vụ tư vấn trọn gói: cứ 100 doanh nghiệp thực hiện TTHC về khởi sự doanh nghiệp thì có khoảng 17 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện thủ tục. Số liệu khảo sát cho thấy mức chi phí dịch vụ trọn gói trung bình là hơn 2 triệu đồng/TTHC, thấp nhất khoảng 0,3 triệu đồng/TTHC, và mức cao nhất ghi nhận được trong khảo sát là 5,5 triệu đồng/TTHC.

2.5.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp

Trong bối cảnh khung pháp luật điều chỉnh các TTHC trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp không có sự thay đổi về mặt nội dung trong giai đoạn khảo sát APCI 2020 và APCI 2019 (cuối năm 2019 và cuối năm 2018) mà chỉ có văn bản quy định mức lệ phí mới được áp dụng từ tháng 9/2019³⁸, điểm APCI 2020 của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp giảm 1,9 điểm so với điểm APCI 2019 (Hình 35). So sánh các kết quả về tổng CPTT, thời gian hay chi phí trực tiếp cho việc thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp cho thấy chi phí trực tiếp đang là gánh nặng đối với doanh nghiệp, ngay cả khi đã có văn bản quy định mức lệ phí mới thấp hơn

³⁸Thông tư 47/2019/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực từ ngày 20/09/2019

so với mức lệ phí cũ. Một điểm đặc thù của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp là tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói qua hai năm khảo sát là khá cao (trung bình xấp xỉ 20%), với phí dịch vụ trả cho các đơn vị tư vấn trung bình vào khoảng 2 triệu đồng/doanh nghiệp.

Hình 35: Điểm APCI của Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp qua các năm



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 8: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp qua các năm

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	904.612	952.032	5%
Thời gian thực hiện (giờ)	7,1	7,3	2%
Chi phí trực tiếp (đồng)	296.215	493.564	67%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	21%	17%	
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	2.393.939	2.007.815	-16%

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI

2.5.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Vấn đề điện tử hoá các TTHC trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp là bước đi đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển trong thời đại công nghiệp 4.0 và bối cảnh nền kinh tế đang trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch COVID-19. Để khuyến khích người dân và doanh nghiệp lựa chọn thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, Chính phủ đã có những biện pháp như giảm/miễn phí, lệ phí trong trường hợp đăng ký doanh nghiệp qua mạng. Gần đây, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp với mục tiêu tạo thuận lợi, giảm chi phí gia nhập thị trường cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát các doanh nghiệp thực hiện TTHC trong lĩnh vực khởi sự doanh nghiệp, có 03 nhóm vấn đề lớn mà doanh nghiệp phản ánh là còn gặp khó khăn, mong muốn có sự cải cách đến từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Cung cấp thông tin và hướng dẫn sửa đổi, bổ sung hồ sơ:* Nhiều doanh nghiệp mong muốn cơ quan nhà nước cung cấp các biểu mẫu rõ ràng, hướng dẫn cách điền đơn cụ

thể, cập nhật biểu mẫu mới thường xuyên trên các cổng thông tin điện tử của địa phương/Sở KHĐT để doanh nghiệp không mất quá nhiều thời gian tìm hiểu thông tin và chuẩn bị hồ sơ cũng như hạn chế phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần. Đồng thời, chuyên viên xử lý hồ sơ nên xem xét kỹ hồ sơ xử lý từ đầu đến cuối và thông báo cho các doanh nghiệp đầy đủ một lần về những điểm cần sửa đổi, bổ sung.

- ii. *Nộp hồ sơ trực tuyến*: Nhiều doanh nghiệp phản ánh rằng việc nộp hồ sơ trực tuyến mất thời gian hơn nộp hồ sơ trực tiếp do phải thực hiện chụp quét (scan) tài liệu, ngoài ra việc thực hiện các biểu mẫu, quá trình xác nhận tài khoản thanh toán còn tương đối phức tạp. Một số doanh nghiệp cho biết họ từng gặp trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến đã được chấp thuận, nhưng khi mang hồ sơ bản cứng lên đối chiếu thì lại được yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa; do đó doanh nghiệp đề nghị bỏ bước này.
- iii. *Thành phần hồ sơ*: Kết quả khảo sát tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ thay đổi vốn điều lệ, chuyên viên tiếp nhận hồ sơ yêu cầu phải có điều lệ sửa đổi. Tuy nhiên, Điều 44 của Thông tư số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp (được sửa đổi bởi Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP) không yêu cầu phải có điều lệ sửa đổi trong thành phần hồ sơ. Nhận thấy yêu cầu của chuyên viên làm tốn chi phí thời gian của doanh nghiệp (vì để sửa đổi điều lệ, doanh nghiệp phải tổ chức một cuộc họp đại hội cổ đông bất thường), doanh nghiệp đã thuê đơn vị tư vấn. Sau nhiều lần tranh luận, hồ sơ của doanh nghiệp được tiếp nhận nhưng doanh nghiệp vẫn được yêu cầu phải nộp bổ sung điều lệ sửa đổi sau đó.

Trong các nhóm TTHC nằm trong khuôn khổ khảo sát, nhóm TTHC liên quan đến Khởi sự doanh nghiệp được đánh giá là có mức độ khả thi và triển khai điện tử hoá nằm trong nhóm đứng đầu cùng với tính sẵn sàng cao của cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến của thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa đạt theo kỳ vọng, mà ngược lại doanh nghiệp phản ánh vẫn phải lên làm trực tiếp. Phân tích các kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy vẫn còn dư địa cải cách trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp, tập trung vào một số vấn đề sau:

- Đảm bảo việc thực hiện TTHC trực tuyến thuận tiện hơn so với thực hiện trực tiếp để khuyến khích người dân và doanh nghiệp lựa chọn thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Điều này có thể thực hiện thông qua việc rút ngắn thời gian xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trực tuyến và áp dụng các phương thức xác thực điện tử phù hợp để tiến tới cắt giảm yêu cầu nộp bổ sung hồ sơ giấy. Tiếp tục triển khai các biện pháp khuyến khích thực hiện TTHC trực tuyến, như việc miễn/giảm phí, lệ phí đã và đang được áp dụng.
- Nâng cấp hệ thống đăng ký kinh doanh trực tuyến, đảm bảo khả năng truy cập và sử dụng 24/7 như hướng dẫn, tránh trường hợp không thể truy cập (đặc biệt vào cuối tuần). Tiếp tục hoàn thiện các chức năng của hệ thống đăng ký kinh doanh trực tuyến để phù hợp với nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp, ví dụ tùy chỉnh kích cỡ tệp tải lên phù hợp

với dung lượng văn bản³⁹ hay bổ sung mục lựa chọn đăng ký doanh nghiệp xã hội trong các trường thông tin cơ bản⁴⁰. Việc đẩy mạnh điện tử hoá các TTHC liên quan đến đăng ký doanh nghiệp không chỉ giúp tiết kiệm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp mà còn giúp giảm cơ hội tiếp xúc trực tiếp giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp, tránh phát sinh các khoản chi phí không chính thức;

- Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức thực hiện và giải quyết nhóm TTHC khởi sự doanh nghiệp để có thể hướng dẫn cụ thể hơn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục, tránh trường hợp doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

³⁹ Ví dụ với điều lệ của công ty cổ phần (dài khoảng 40-50 trang) thì có thể cho phép tăng dung lượng nhiều hơn so với mức 10-12MB hiện tại, với các tài liệu đơn giản khác như Giấy đề nghị thành lập doanh nghiệp thì dung lượng không cần để đến mức 10-12MB

⁴⁰ Tránh trường hợp thiếu sót trong việc đăng bố cáo bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường

2.6. Nhóm TTHC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành

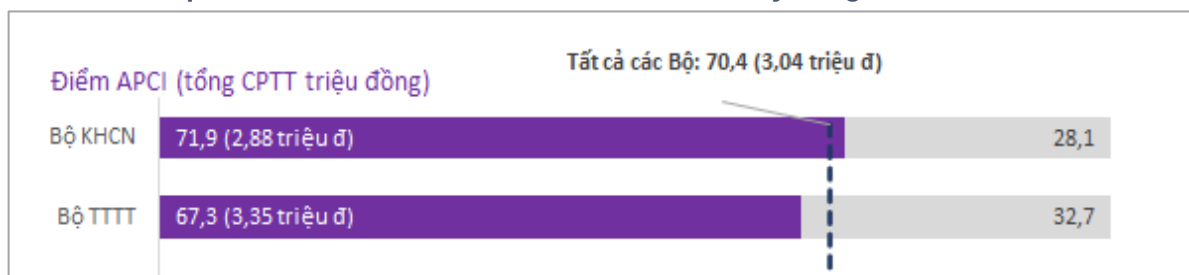
Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành khảo sát trong năm 2020 bao gồm hai thủ tục cấp Trung ương (do các Bộ trực tiếp xử lý) là i) Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN), và ii) Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT). Đây là các TTHC phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp. Điều này có nghĩa là kết quả của các TTHC này sẽ dẫn đến việc hàng hóa được thông quan (nếu là hàng hóa thuộc diện kiểm tra trước và trong khi thông quan), hoặc hàng hóa nhập khẩu đủ điều kiện để lưu thông trên thị trường (nếu là hàng hóa thuộc diện kiểm tra sau thông quan).

Phân phân tích nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành gồm hai phần: (i) Phân tích tổng hợp phân tích theo số liệu khảo sát năm 2020 và phân tích theo bộ quản lý; và (ii) So sánh với kết quả của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện và đưa ra xu hướng cải thiện.

2.6.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành

Kết quả chung: Điểm APCI trung bình của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành đạt 70,4 điểm, với tổng CPTT trung bình là 3,0 triệu đồng/TTHC. Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành nằm trong nhóm chi phí trung bình trong số bốn nhóm chi phí (thấp, trung bình, cao, và rất cao). Trong số hai Bộ chủ quản được khảo sát, Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN) có chỉ số vượt trội hơn (hơn 4,57 điểm) so với Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT), tương tự nhóm các TTHC thuộc Bộ KHCN có CPTT thấp hơn (thấp hơn 14%) so với nhóm các TTHC thuộc Bộ TTTT.

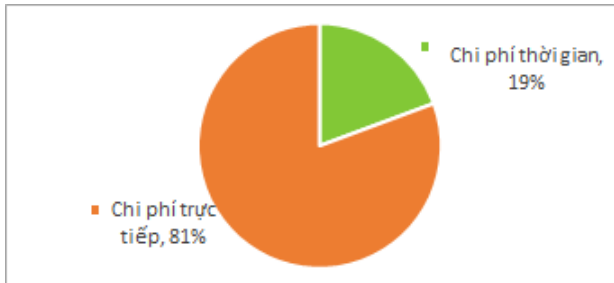
Hình 36: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, Tổng chi phí tuân thủ (triệu đồng) là trung bình cộng chi phí tuân thủ của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm các doanh nghiệp tự làm, thuê tư vấn một phần và thuê tư vấn trọn gói.

Kết quả các chỉ số thành phần:

Hình 37: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHCKiểm tra chuyên ngành



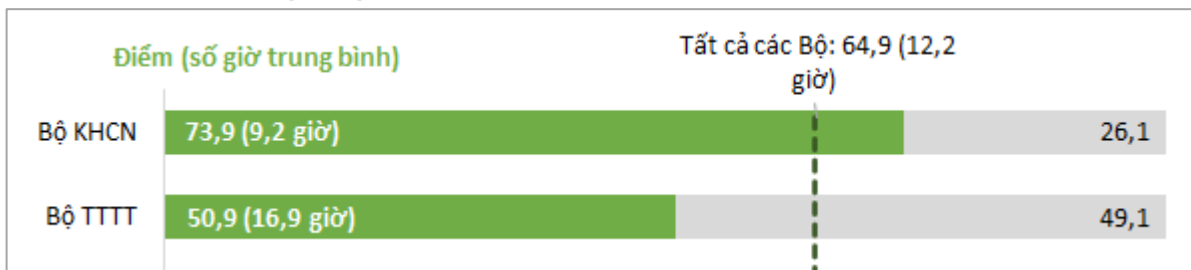
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Kiểm tra chuyên ngành được minh họa tại Hình 37. Theo đó, chi phí thời gian chiếm 19% trong tổng CPTT, còn lại 81% là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các TTHC về Kiểm tra chuyên ngành. Dưới đây là phân phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Kiểm tra chuyên ngành.

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành có thời gian thực hiện trung bình trong các nhóm TTHC được điều tra, với số giờ làm việc bình quân mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 12,2 giờ. Xét về điểm thành phần thời gian, các TTHC thuộc Bộ KHCN với 9,2 giờ và đạt 73,9/100 điểm, trong khi các TTHC thuộc Bộ TTTT với 16,9 giờ, dài gấp 1,8 lần so với các TTHC thuộc Bộ KHCN, và chỉ đạt 50,9/100 điểm (Hình 38).

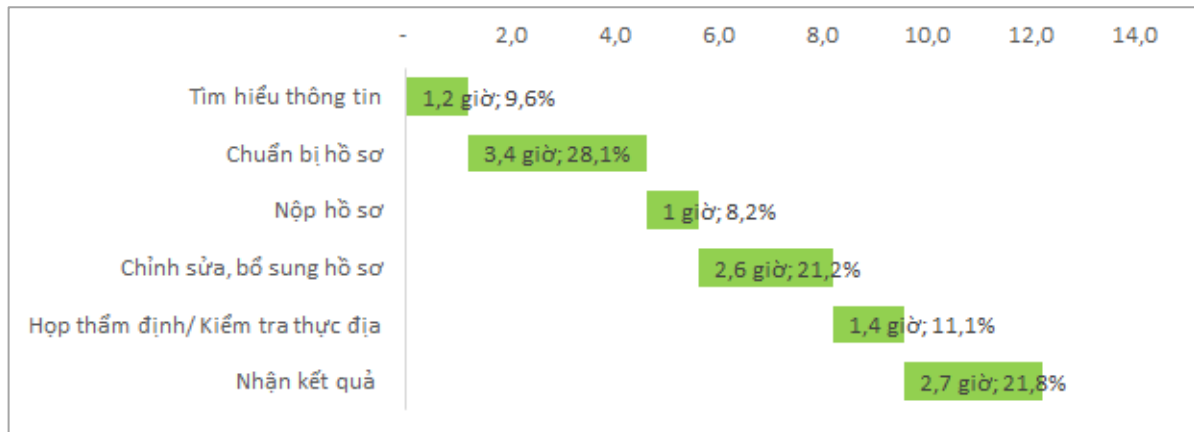
Hình 38: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Chuẩn bị hồ sơ là khâu chiếm tỷ trọng thời gian thực hiện cao nhất, các khâu sửa đổi bổ sung hồ sơ, và nhận kết quả chiếm tỷ lệ khá cao. Trong 12,2 giờ sử dụng để thực hiện TTHC Kiểm tra chuyên ngành, doanh nghiệp dành trung bình 28,1 tổng thời gian (3,4 giờ) để Chuẩn bị hồ sơ. Sau khi nộp hồ sơ, doanh nghiệp vẫn phải mất đến 2,6 giờ để Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, và các công việc sau khi nhận kết quả để có thể lưu thông hàng hóa trên thị trường.

Hình 39: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Kiểm tra chuyên ngành



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, số thời gian ở từng bước là trung bình cộng thời gian của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát.

So sánh chi tiết quá trình thực hiện TTHC của hai Bộ cho thấy các TTHC khảo sát thuộc Bộ KHCN dường như “dễ” thực hiện hơn đối với doanh nghiệp, cụ thể trừ bước Tìm hiểu thông tin ban đầu, ở tất cả các bước còn lại thời gian để thực hiện TTHC thuộc Bộ KHCN chỉ bằng 50% so với các bước tương tự ở TTHC thuộc Bộ TTTT. Phân tích sâu vào quá trình thực hiện thủ tục của doanh nghiệp cho thấy có sự khác biệt lớn về cách thức thực hiện TTHC của các Bộ.

Bảng 9: Chi tiết thời gian thực hiện theo TTHC

Các bước thực hiện	TTHC thuộc Bộ TTTT	TTHC thuộc Bộ KHCN
Tìm hiểu thông tin	1,2 giờ	2,5 giờ
Chuẩn bị hồ sơ	4,7 giờ	2,8 giờ
Nộp hồ sơ	1,4 giờ	0,7 giờ
Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ,...	6,7 giờ	2,9 giờ
Kiểm tra chất lượng hàng hóa tại cơ sở	n/a	3,6 giờ
Nhận kết quả	1,4 giờ	0,4 giờ
Công bố hợp quy	5,2 giờ	n/a
Chứng nhận hợp quy	8,1 giờ	n/a

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, số thời gian ở từng bước là trung bình cộng thời gian của các doanh nghiệp có thời gian thực hiện >0

Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa của Bộ TTTT yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện hai bước: đầu tiên doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trước khi hàng đến cảng, để có được xác nhận của Cục Viễn thông. Bản đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của Cục Viễn thông sẽ được nộp cho cơ quan hải

quan để được phép thông quan hàng hóa. Sau khi hàng hóa về kho của doanh nghiệp, để được phép lưu thông doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện một trong hai thủ tục là Chứng nhận hợp quy hoặc Công bố hợp quy. Theo tìm hiểu của nhóm tư vấn, hiện nay thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa của Bộ TTTT chưa thể thực hiện trên Hệ thống thông tin một cửa quốc gia (Vietnam National Single Window - VNSW) nhưng có thể thực hiện đăng ký trực tuyến trên cổng thông tin của Bộ TTTT (dichvucong.mic.gov.vn)⁴¹. Nhưng thực tế khảo sát không ghi nhận trường hợp nào làm trực tuyến. Chia sẻ từ cơ quan chủ quản cho biết *“Doanh nghiệp thích làm trực tiếp vì có thể nhận kết quả trực tiếp ngay trong ngày, nhưng nếu sử dụng dịch vụ trực tuyến hoặc bưu chính công ích thì vài ngày sau mới nhận được, và còn phải mất chi phí bưu chính”*. Cũng theo Cục Viễn thông toàn bộ hàng hóa thuộc lĩnh vực viễn thông đã thực hiện hậu kiểm, thuộc diện hàng hóa “kiểm tra sau thông quan”, do vậy các bước Công bố hợp quy/Chứng nhận hợp quy được thực hiện sau khi hàng hóa đã thông quan.

Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa của Bộ KHCN **có sự khác biệt lớn** với thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa của Bộ TTTT nói trên về cách thức thực hiện. Doanh nghiệp có thể thực hiện thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa của Bộ KHCN trên hệ thống VNSW và kết quả được liên thông với cơ quan hải quan khi doanh nghiệp nộp hồ sơ thông quan hàng hóa. Trừ các trường hợp hồ sơ chất lượng của hàng hóa không đáp ứng hoặc hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa phải thực hiện chứng nhận hoặc giám định sự phù hợp, doanh nghiệp sẽ phải tham gia, phối hợp cơ quan kiểm tra liên quan tiến hành kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

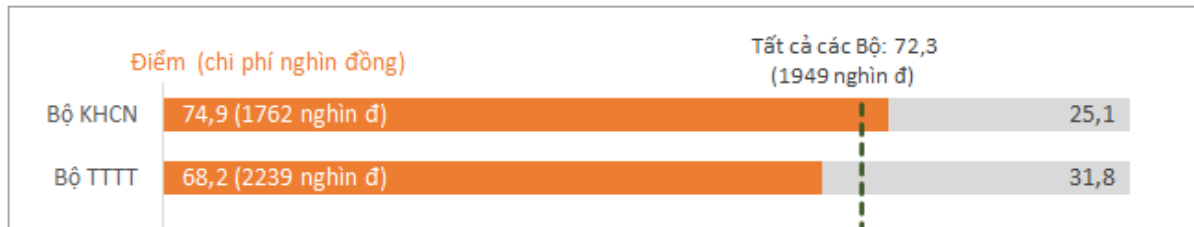
Kết quả khảo sát cho thấy ***không có sự khác biệt lớn về thời gian giữa việc doanh nghiệp tự làm và doanh nghiệp thuê tư vấn hỗ trợ quá trình thực hiện các TTHC Kiểm tra chuyên ngành***. Cụ thể, 60% doanh nghiệp tự làm và có thuê tư vấn hỗ trợ đều có thể hoàn tất thủ tục với 8 giờ.

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành có chi phí thực hiện thuộc nhóm trung bình trong số các nhóm TTHC được khảo sát, với số tiền bình quân mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện TTHC Kiểm tra chuyên ngành là 1,9 triệu đồng (Hình 40). Các TTHC của Bộ TTTT có chi phí trực tiếp cao gấp gần 1,3 lần so với chi phí của TTHC của Bộ KHCN.

⁴¹https://dichvucong.mic.gov.vn/trang-chu?p_p_id=mictracuu_WAR_egovtracuuportlet&p_p_lifecycle=1&p_p_state=normal&p_p_mode=view&p_p_col_id=column-1&p_p_col_count=2&mictracuu_WAR_egovtracuuportlet_javax.portlet.action=mainAction

Hình 40: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Trong nhóm TTHC về Kiểm tra chuyên ngành, chi phí lớn nhất của doanh nghiệp là cho việc giám định, kiểm định hàng hóa. Chi phí này phụ thuộc vào loại hàng hóa và do các trung tâm kiểm định chất lượng quy định, có 46% tổng số doanh nghiệp phải trả chi phí này; cụ thể là 62% doanh nghiệp thực hiện TTHC của Bộ KHCN có phát sinh chi phí giám định hàng hóa trung bình 5 triệu đồng/lần, cao nhất ghi nhận được là 10 triệu đồng/lần; 22% doanh nghiệp thực hiện TTHC của Bộ TTTT có phát sinh chi phí giám định hàng hóa trung bình 12 triệu đồng/lần, cao nhất ghi nhận được là 20 triệu đồng/lần.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp thực hiện TTHC của Bộ TTTT phải trả lệ phí cấp giấy thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy là 150,000 đồng/giấy/01 chủng loại sản phẩm, hàng hóa. Lệ phí này được quy định tại Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.

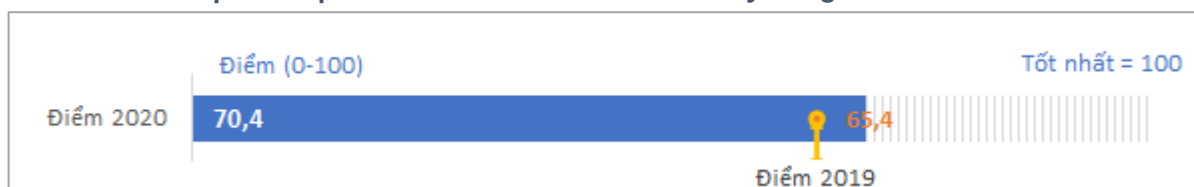
Chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện TTHC Kiểm tra chuyên ngành được ghi nhận ở 3% tổng số doanh nghiệp, chủ yếu phát sinh ở các doanh nghiệp thực hiện TTHC của Bộ KHCN.

Dịch vụ tư vấn trọn gói: cứ 100 doanh nghiệp thực hiện TTHC Kiểm tra chuyên ngành thì chỉ có khoảng 23 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện thủ tục. Theo số liệu khảo sát cho thấy với mức chi phí dịch vụ trọn gói trung bình là 5,1 triệu đồng/TTHC, thấp nhất khoảng 1 triệu đồng/TTHC, và mức cao nhất ghi nhận được trong khảo sát là 20 triệu đồng.

2.6.2. Mức độ cải thiện của nhóm Kiểm tra chuyên ngành

Chỉ số chung APCI 2020 tăng so với các năm trước, cụ thể tăng 5,0 điểm so với APCI 2019. Tất cả các chi phí thành phần về thời gian và chi phí trực tiếp đều ghi nhận giảm trung bình 42% so với năm liền trước.

Hình 41: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 10: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	5.256.747	3.038.356	-42%
Thời gian thực hiện (giờ)	13,6	12,2	-10%
Chi phí trực tiếp (đồng)	3.143.108	1.948.672	-38%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	31%	23%	
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	8.705.882	5.076.923	-42%

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI

2.6.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Cải cách hoạt động Kiểm tra chuyên ngành là xu hướng chung của các nước trên thế giới, và hoạt động này cũng đang diễn ra một cách mạnh mẽ ở Việt Nam trong những năm gần đây, thông qua các Nghị quyết 19 hàng năm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Nghị định số 85/2019/NĐ-CP của Chính phủ và nhiều Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan (2020), tính đến đầu năm 2020, tổng số mặt hàng phải thực hiện quản lý, kiểm tra chuyên ngành đã giảm từ 100.000 (năm 2015) xuống còn 78.000. Tỷ lệ các lô hàng xuất nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành tại giai đoạn thông quan chỉ còn 19,4%, so với mức 30-35% trước đây⁴². Ngoài ra, tính đến tháng 6/2020 đã có 13 bộ, ngành tham gia kết nối với 198 TTHC qua cơ chế một cửa. Theo thống kê mới đây của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), số lượng văn bản về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đã tăng lên hơn 120 văn bản trong vòng hai năm (2018-2020), nhưng chất lượng văn bản còn chưa cao, thường xuyên thay đổi, điều chỉnh, thậm chí có quy định ở văn bản mới còn mâu thuẫn và trái ngược với quy định của pháp luật hiện hành. Nhiều lĩnh vực chưa áp dụng đầy đủ nguyên tắc “quản lý rủi ro” trên cơ sở mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hóa theo chỉ đạo của Chính phủ⁴³.

Số liệu khảo sát APCI 2020 cho thấy sự khác biệt trong cách làm của hai cơ quan quản lý, Bộ KHCN và Bộ TTTT, dẫn đến những tác động khác nhau đối với doanh nghiệp. Với bài học từ hai bộ quản lý, chúng tôi cho rằng các cơ quan liên quan đến hoạt động Kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu cần thực hiện một số vấn đề sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về TTHC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành đặc biệt là các quy định mới cần được cập nhật kịp thời lên trang thông tin điện tử (website) của đơn vị quản lý kèm theo giải thích, hướng dẫn chi tiết rõ

⁴² Theo số liệu báo cáo trong Đề án đổi mới mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa nhập khẩu, ngày 26/2/2020

⁴³ Theo tài liệu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) tại hội thảo "Thúc đẩy cải cách quản lý, kiểm tra chuyên ngành: Vấn đề và kiến nghị" tổ chức tại Hà Nội ngày 16/9/2020.

ràng cụ thể. Doanh nghiệp cũng mong muốn nhận được các quy định mới thông qua email. Các kênh giải đáp thắc mắc trực tuyến như đường dây nóng, phản hồi trực tuyến... cần hoạt động một cách hiệu quả hơn như phải có cán bộ chuyên môn trực liên tục, ít nhất là trong giờ hành chính;

- Đẩy mạnh việc điện tử hoá các TTHC đang được thực hiện theo phương thức truyền thống, thủ công giấy tờ để tiết kiệm chi phí in ấn, công chứng tài liệu, thời gian đi lại. Các TTHC đã được điện tử hóa cần tiếp tục cải tiến nhằm cho phép người dùng có thể truy cập và thao tác dễ dàng, kể cả trong giờ cao điểm, nâng cao dung lượng chèn tệp tin (file) của hệ thống bởi dung lượng file sử dụng để Kiểm tra chất lượng hàng hoá thường rất lớn. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin giữa cơ quan hải quan và các đơn vị thực hiện TTHC Kiểm tra chuyên ngành cần được kết nối, đồng bộ hoá và có cơ chế dự phòng khi xảy ra lỗi;
- Xây dựng cơ chế kiểm soát và kiểm tra định kỳ chất lượng và năng lực của các tổ chức đánh giá sự phù hợp dựa trên hệ thống tiêu chí rõ ràng. Trên cơ sở đó, giảm dần các hình thức chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp mang tính chủ quan của các Bộ, cơ quan; đẩy mạnh xã hội hóa và bảo đảm hiệu quả việc cung cấp dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa;
- Tăng cường áp dụng kiểm tra giảm dựa trên lịch sử tốt của hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hóa (hàng hóa do cùng một nhà sản xuất, có cùng xuất xứ, có cùng tên gọi, mã số HS và giống nhau về mọi phương diện đã đạt yêu cầu nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt/kiểm tra thông thường nhiều lần)⁴⁴.

⁴⁴ <https://lacco.com.vn/cai-cach-kiem-tra-chuyen-nganh-cuoc-cach-mang-trong-hoat-dong-xuat-nhap-khau/>

2.7. Nhóm TTHC liên quan đến Môi trường

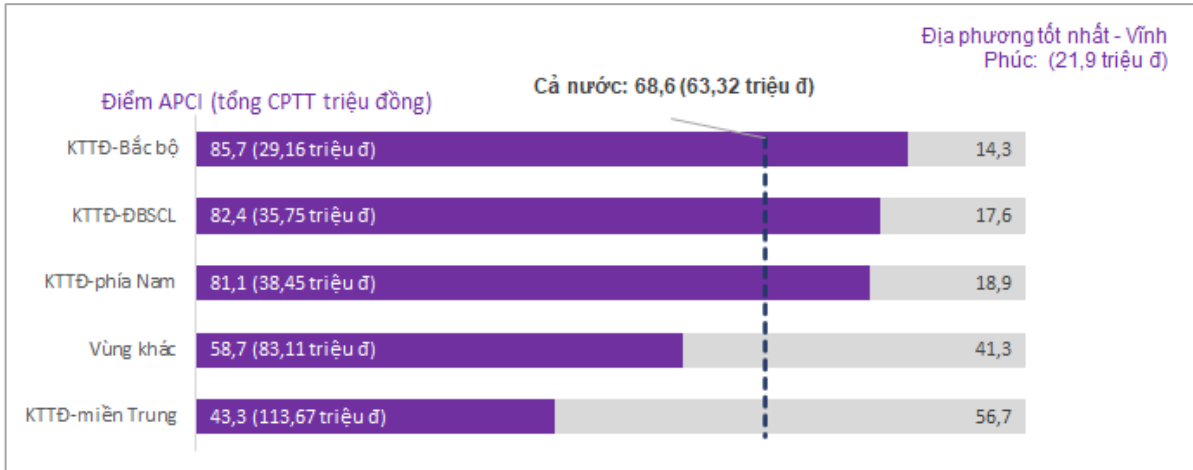
Nhóm TTHC Môi trường khảo sát trong năm 2020 bao gồm ba TTHC: i) Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, ii) Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, và iii) Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

Phân phân tích nhóm TTHC liên quan đến Môi trường sẽ được chia làm hai phần: (i) Phân phân tích tổng hợp theo số liệu khảo sát năm 2020 của 03 TTHC Môi trường và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...), và (ii) So sánh với 2019 để đánh giá mức độ cải thiện theo phạm vi khảo sát của 2020.

2.7.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC Môi trường

Kết quả chung: Kết quả khảo sát APCI 2020 của 03 TTHC Môi trường được trình bày tại Hình 42 dưới đây. Điểm APCI trung bình của nhóm TTHC Môi trường đạt 68,6 điểm, tương ứng với mức chi phí tuân thủ 63,32 triệu đồng, cách 31,4 điểm so với thực tế tốt nhất (100 điểm). Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ Bắc Bộ tốt hơn cả, với 85,7 điểm, chỉ cách 14,3 điểm so với điểm tốt nhất. Vùng KTTĐ miền Trung có điểm APCI thấp nhất, với 43,3 điểm, thiếu gần 60% số điểm để đạt mức tốt nhất. Vĩnh Phúc là địa phương có thực tiễn thực hiện TTHC Môi trường tốt nhất; với chi phí trung bình chỉ 21,9 triệu đồng/TTHC.

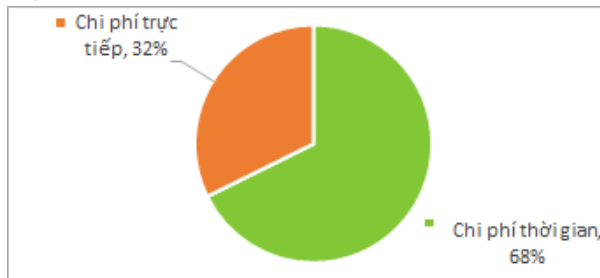
Hình 42: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Môi trường



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, Tổng chi phí tuân thủ (triệu đồng) là trung bình cộng chi phí tuân thủ của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm các doanh nghiệp tự làm, thuê tư vấn một phần và thuê tư vấn trọn gói

Kết quả các chỉ số thành phần:

Hình 43: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm Môi trường



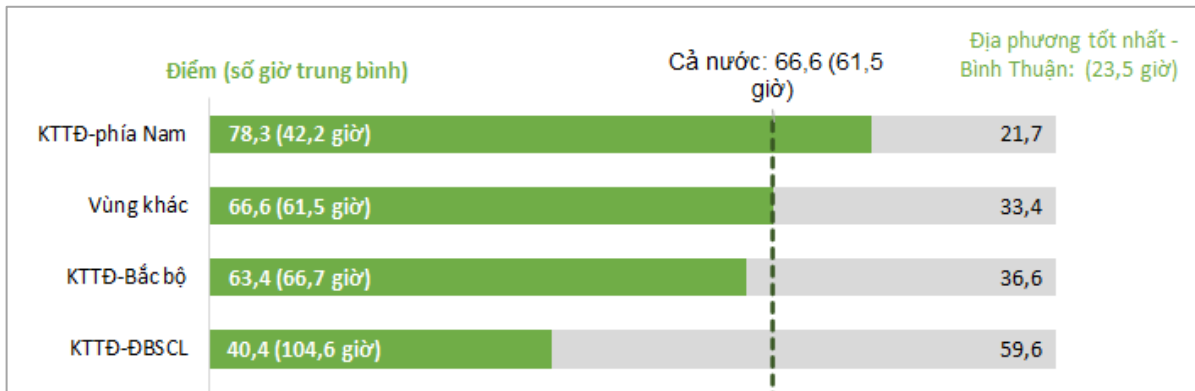
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Môi trường được phản ánh tại Hình 43. Theo đó, chi phí trực tiếp chỉ chiếm 32% trong tổng CPTT, còn lại 68% là chi phí thời gian mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các TTHC. Dưới đây là phân phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC liên quan đến Môi trường.

Thời gian thực hiện

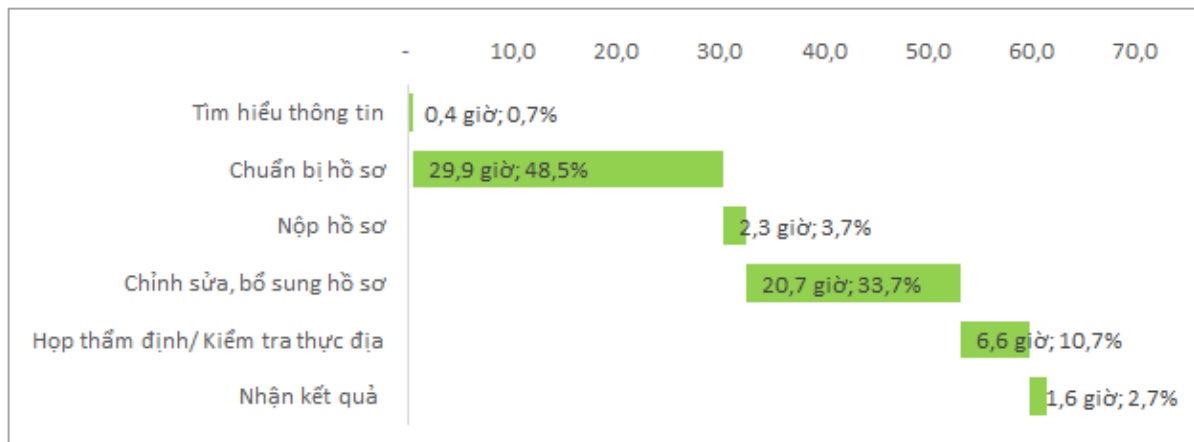
Nhóm TTHC Môi trường thuộc nhóm các TTHC có thời gian thực hiện dài nhất trong số chín nhóm TTHC được khảo sát, với số giờ bình quân mỗi doanh nghiệp bỏ ra là 61,5 giờ (tương đương xấp xỉ 7,7 ngày làm việc). Bình Thuận là địa phương có thực tiễn tốt nhất với thời gian trung bình 23,5 giờ, bằng 38% thời gian thực hiện trung bình của cả nước. Dẫn đầu là vùng KTTĐ miền phía Nam với trung bình 42,2 giờ và ở vị trí cuối cùng là vùng KTTĐ ĐBSCL với 104,6 giờ, cao gấp 1,7 lần mức trung bình cả nước, xét về điểm thành phần thời gian (Hình 44).

Hình 44: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Môi trường theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Hình 45: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC Môi trường



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Trong 61,5 giờ để thực hiện TTHC Môi trường, doanh nghiệp dành hầu hết thời gian cho các hoạt động liên quan đến hồ sơ (Chuẩn bị hồ sơ và Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ), khoảng 82,2% tổng thời gian. Thời gian Chuẩn bị hồ sơ phụ thuộc nhiều vào yêu cầu của TTHC, quy mô và độ phức tạp của dự án. 68% doanh nghiệp thực hiện TTHC về Môi trường cần Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ từ một lần trở lên. Thời gian chỉnh sửa và bổ sung lại hồ sơ gần tương đương với thời gian chuẩn bị hồ sơ. Thời gian trung bình dành cho bước Họp thẩm định/Kiểm tra thực địa khoảng 6,6 giờ, chiếm 10,7% tổng thời gian. Các bước thực hiện TTHC còn lại bao gồm: Tìm hiểu thông tin, Nộp hồ sơ, và Nhận kết quả, được thực hiện khá hiệu quả, trong khoảng từ 0,4 – 2,7 giờ làm việc cho mỗi bước (Hình 45). Theo chia sẻ của các cán bộ quản lý nhà nước, cơ quan chủ quản không có/không công bố danh mục đơn vị tư vấn môi trường đáp ứng năng lực, nên nhiều doanh nghiệp thuê phải “các đơn vị tư vấn năng lực không tốt nên kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường không đạt yêu cầu khi thẩm định”, dẫn đến việc “phải sửa đi sửa lại nhiều lần”.

Hộp 12: Vì sao phải thuê tư vấn?

“Theo quy định đơn vị lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải đảm bảo về điều kiện nhân lực như có cán bộ khoa học, công nghệ và kỹ thuật chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của dự án đầu tư, có ít nhất 3 chuyên gia có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đánh giá tác động môi trường...”.

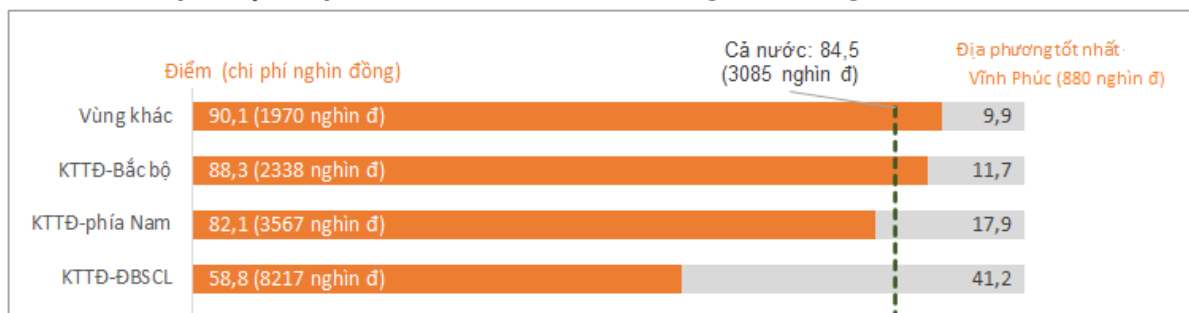
Do hồ sơ thủ tục phức tạp, cần cán bộ có chuyên môn sâu về môi trường đo lường, phân tích và đánh giá nên hầu hết doanh nghiệp đều lựa chọn phương án kết hợp với đơn vị tư vấn để thực hiện TTHC Môi trường. Bởi đối với TTHC về Môi trường, sự hợp tác giữa doanh nghiệp và đơn vị tư vấn sẽ tiết kiệm được đáng kể thời gian và chi phí. Doanh nghiệp giúp đơn vị tư vấn giảm thiểu đáng kể thời gian tìm hiểu dự án tạo thuận lợi cho việc chuẩn bị các bản kế hoạch môi trường hay báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cụ thể, nếu 50% doanh nghiệp mất gần 18 giờ để hoàn tất thủ tục thì trong trường hợp thuê đơn vị tư vấn trọn gói thì đơn vị tư vấn sẽ cần đến 40 giờ (nhiều hơn 22 giờ nếu doanh nghiệp cùng đơn vị tư vấn thực hiện TTHC).

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Môi trường có chi phí thực hiện cao trong các nhóm TTHC được khảo sát, với chi phí bình quân mà mỗi doanh nghiệp bỏ ra là gần 3,1 triệu đồng. Sự khác biệt về chi phí giữa các TTHC trong nhóm môi trường rất rõ rệt do tính chất công việc và quy mô dự án. Chi phí trực tiếp của doanh nghiệp khi thực hiện nhóm TTHC Môi trường bao gồm chi phí thuê đơn vị tư vấn môi trường, phí thẩm định của cơ quan nhà nước, các chi phí liên quan đến tham vấn cộng đồng, chi phí tổ chức họp thẩm định.

Vùng KTTĐ miền Trung đạt điểm số tuyệt đối về chi phí trực tiếp; dẫn đầu cả nước. Vùng KTTĐ ĐBSCL ở vị trí cuối cùng với 58,8 điểm; tương đương với 8,2 triệu đồng, cao gấp 2,6 lần so với chi phí trực tiếp trung bình của cả nước. Vĩnh Phúc là địa phương có thực tiễn thực hiện TTHC về Môi trường tốt nhất với mức chi phí trực tiếp trung bình 0,88 triệu đồng (Hình 46).

Hình 46: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Môi trường theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Về chi phí không chính thức, có 10% số doanh nghiệp khảo sát cho biết có trả thêm chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện TTHC. Trung bình các doanh nghiệp đó phải chi ra 11,5 triệu chi phí không chính thức. Theo đó, chi phí chủ yếu phát sinh ở bước nộp hồ sơ, họp thẩm định hoặc ở các khâu Họp tham vấn cộng đồng, Khảo sát thực địa, Họp thẩm định hồ sơ.

Dịch vụ tư vấn trọn gói: cứ 100 doanh nghiệp thực hiện TTHC về khởi sự doanh nghiệp thì có khoảng 52 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện thủ tục. Số liệu khảo sát cho thấy mức chi phí dịch vụ trọn gói trung bình là 112,5 triệu đồng/TTHC, thấp nhất khoảng 8,5 triệu/TTHC, và mức cao nhất ghi nhận được trong khảo sát là 500 triệu đồng/TTHC bao gồm cả các chi phí kiểm thử. Trong số ba thủ tục của môi trường, Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tỷ lệ sử dụng dịch vụ tư vấn trọn gói cao nhất, đến 84,2% tổng số doanh nghiệp được khảo sát. Đây là điều dễ hiểu bởi chỉ có chuyên môn về môi trường mới có thể thực hiện được báo cáo đánh giá tác động môi trường, và không phải doanh nghiệp nào cũng có bộ phận chuyên môn sâu này.

2.7.2. Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Môi trường

Mặc dù điểm số APCI 2020 của nhóm TTHC Môi trường có sự cải thiện so với điểm APCI 2019 (Hình 47), nhưng số liệu chi tiết cho thấy sự cải thiện này là chỉ ở chi phí trực tiếp (giảm 28% so

với năm 2019), trong khi thời gian thực hiện tăng gấp đôi, và chi phí tuân thủ tăng 39% (Bảng 11)⁴⁵.

Hình 47: Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Môi trường



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 11: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Môi trường

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	45.412.763	63.316.780	39%
Thời gian thực hiện (giờ)	20,4	61,5	201%
Chi phí trực tiếp (đồng)	4.270.289	3.085.108	-28%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	57%	52%	
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	75.632.704	112.535.211	49%

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

2.7.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP giao Bộ TNMT nhiệm vụ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường theo hướng giám sát thường xuyên, thanh tra, kiểm tra theo mức độ rủi ro về ô nhiễm môi trường và mức độ tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Sự ra đời của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường thể hiện rõ nét những đột phá đổi mới phương thức quản lý môi trường “từ bị động giải quyết sang chủ động phòng ngừa”, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” hướng tới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Kết quả APCI 2020 cho thấy xu hướng thời gian thực hiện các TTHC về Môi trường tăng qua các năm, các nhà đầu tư sẽ phải tập trung nhiều hơn để tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã chỉ rõ những hạn chế, bất cập một số quy định trong pháp luật về Bảo vệ môi trường, vi phạm pháp luật về Bảo vệ môi trường vẫn diễn biến phức tạp, các TTHC mang tính cho phép về môi trường vừa thiếu vừa chồng

⁴⁵Lưu ý: điểm APCI được xác định dựa trên khoảng cách giữa CPTT lớn nhất, và nhỏ nhất ghi nhận được trong kỳ, điểm APCI là điểm mà CPTT trung bình cả nước nằm trên khoảng cách min/max đó.

chéo, trùng lặp, phân tán, thiếu sự liên thông, tích hợp dẫn đến việc cùng một dự án, chủ đầu tư phải thực hiện nhiều TTHC... Khảo sát chuyên sâu của APCI cũng đã nhận thấy những bất cập nói trên từ chia sẻ của cả hai phía là các doanh nghiệp chịu tác động và cơ quan quản lý nhà nước.

Nghiên cứu các nội dung phản ánh bởi doanh nghiệp và phân tích các kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy vấn đề khó khăn nhất của các TTHC về môi trường chính là sự hạn chế trong việc công khai minh bạch cả về quy định TTHC để thực hiện và các thông tin dự án để cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức liên quan có thể giám sát theo dõi. Luật Bảo vệ Môi trường sửa đổi vào tháng 11/2020 và có hiệu lực vào 01/02/2021 đã đưa ra những quy định để giải quyết vấn đề trên. Tuy nhiên, trong phạm vi báo cáo này, chúng tôi muốn đưa ra một số vấn đề cải cách của nhóm TTHC trong lĩnh vực môi trường cần tập trung đối với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các TTHC như sau:

- Cắt giảm một số bước thực hiện thủ tục để tiết kiệm thời gian và nguồn lực cho doanh nghiệp (ví dụ như, thực hiện một số thủ tục qua cổng thông tin điện tử, bổ sung hình thức xác nhận khi nộp hồ sơ (trong trường hợp mất giấy hẹn, doanh nghiệp vẫn có thể nhận kết quả...). Sử dụng một hệ thống mẫu biểu hồ sơ thống nhất ở tất cả các địa phương và có hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp (qua cán bộ tư vấn, đường dây nóng...) trong bước Chuẩn bị hồ sơ;
- Thực hiện sơ đồ hoá quy trình giải quyết TTHC theo đặc thù phân công nhiệm vụ tại mỗi địa phương, cơ quan nhà nước để người dân, doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc thực hiện. Đồng thời, đồng bộ hoá thông tin giữa các sở, ban, ngành có liên quan đến xử lý TTHC Môi trường giúp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện;
- Xây dựng, áp dụng mô hình chuẩn về giải quyết TTHC Môi trường trên môi trường điện tử, bao gồm cả cơ chế theo dõi tiến trình thực hiện TTHC, và đẩy mạnh chia sẻ thông tin giữa các địa phương để hướng tới mục tiêu văn bản giấy tờ của TTHC Môi trường xử lý trực tuyến 100% trên cả nước.

2.8. Nhóm TTHC liên quan đến Thuế

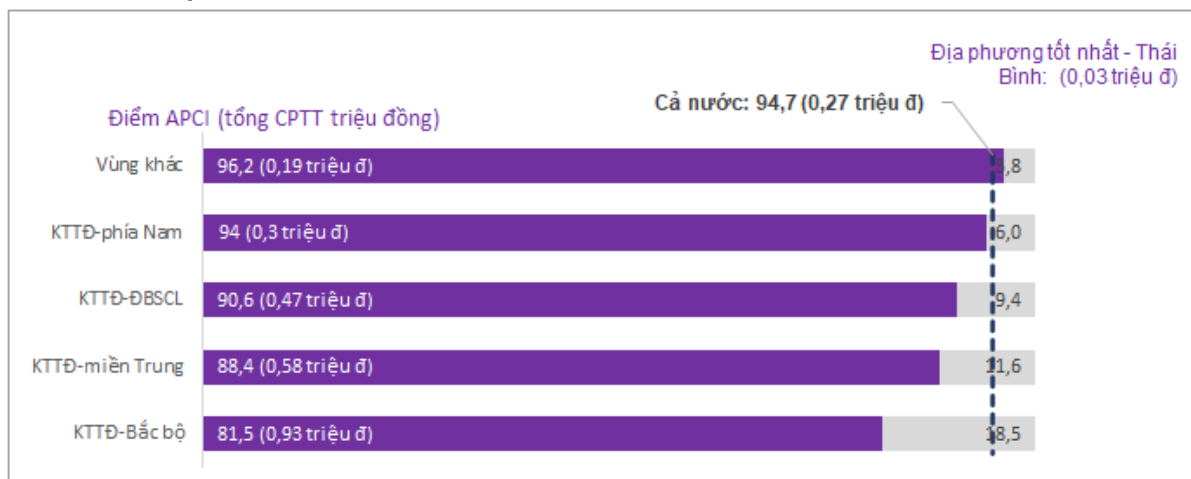
Nhóm TTHC Thuế khảo sát trong năm 2020 bao gồm 03 TTHC: i) Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp, ii) Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp; iii) Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Phân phân tích nhóm TTHC Thuế sẽ được chia làm 02 phần: i) Phân tích tổng hợp theo số liệu khảo sát năm 2020 của 03 TTHC Thuế và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...) và ii) so với kết quả của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này.

2.8.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC Thuế

Kết quả chung: Kết quả khảo sát APCI 2020 của 03 TTHC Thuế được trình bày tại Hình 48: dưới đây. Điểm APCI của nhóm TTHC Thuế đạt 94,7 điểm, chỉ cách 5,3 điểm so với thực tiễn tốt nhất (100 điểm). Với tổng CPTT trung bình là 0,27 triệu đồng/TTHC, nhóm TTHC Thuế nằm trong nhóm có chi phí CPTT thấp trong số 04 nhóm chi phí⁴⁶. Các địa phương không thuộc các vùng KTTĐ có điểm số cao nhất, với 96,2 điểm tương ứng với CPTT là khoảng 0,19 triệu đồng/TTHC. Vùng KTTĐ Bắc bộ có điểm APCI thấp nhất, với 81,5/100 điểm, cách 18,5 điểm so với điểm tốt nhất, tương ứng với CPTT là 0,93 triệu đồng/TTHC. CPTT trung bình của các doanh nghiệp tại Thái Bình được ghi nhận thấp nhất cả nước với 0,03 triệu đồng/TTHC.

Hình 48: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Thuế



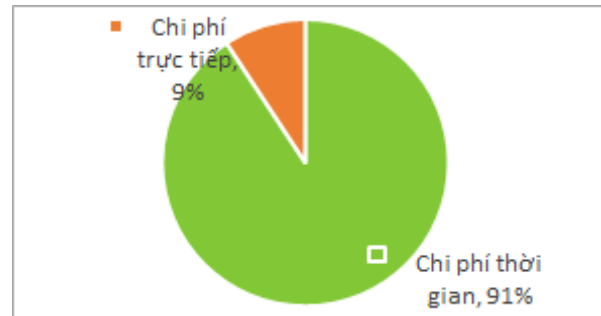
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, tổng CPTT (triệu đồng) là trung bình cộng CPTT của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm các doanh nghiệp tự làm, thuê tư vấn một phần và thuê tư vấn trọn gói.

⁴⁶Nhóm CPTT thấp có giá trị từ 0 – 2.9 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT trung bình có giá trị từ 2.9 – 5 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT cao có giá trị từ 5 - 10 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT rất cao có giá trị từ trên 10 triệu đồng/TTHC

Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế được thể hiện tại Hình 49. Theo đó, chi phí trực tiếp chiếm tỷ trọng gần như không đáng kể trong tổng CPTT của nhóm TTHC Thuế trong khi chi phí thời gian chiếm tới 91% trong tổng CPTT mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các TTHC về Thuế. Dưới đây là phần phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế.

Hình 49: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế

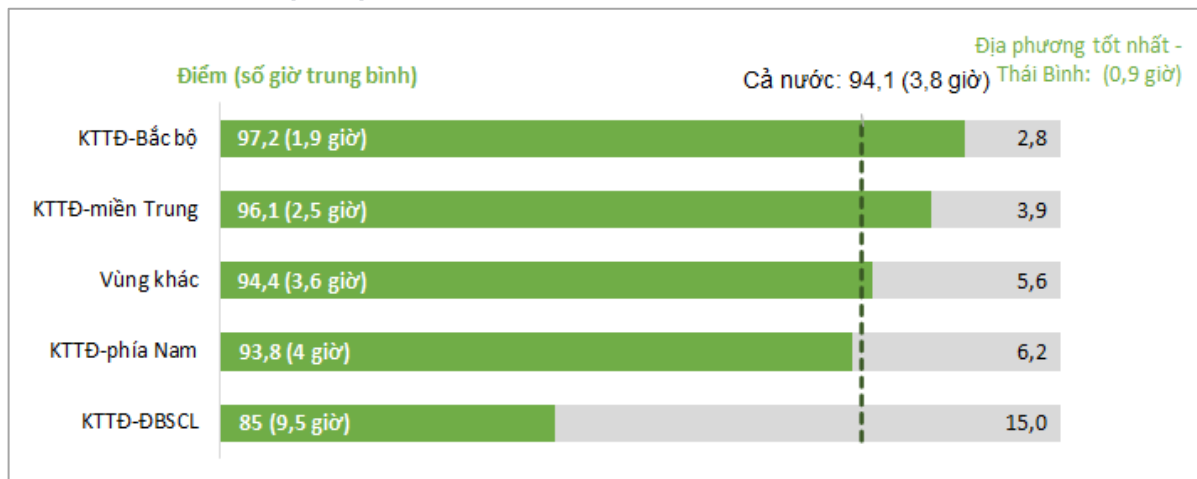


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Thuế có số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 3,8 giờ. Thái Bình là địa phương có thực tiễn tốt nhất về chỉ số thành phần thời gian thực hiện Nhóm TTHC Thuế với trung bình là 0,9 giờ. Vùng KTTĐ Bắc bộ có điểm số tốt nhất trong số các vùng KTTĐ và thời gian thực hiện ngắn nhất là 1,9 giờ, trong khi vùng KTTĐ ĐBSCL có điểm số thấp nhất khi doanh nghiệp trung bình phải bỏ ra 9,5 giờ, tương đương với hơn một ngày làm việc để hoàn thành một TTHC Thuế (Hình 50).

Hình 50: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Thuế theo vùng

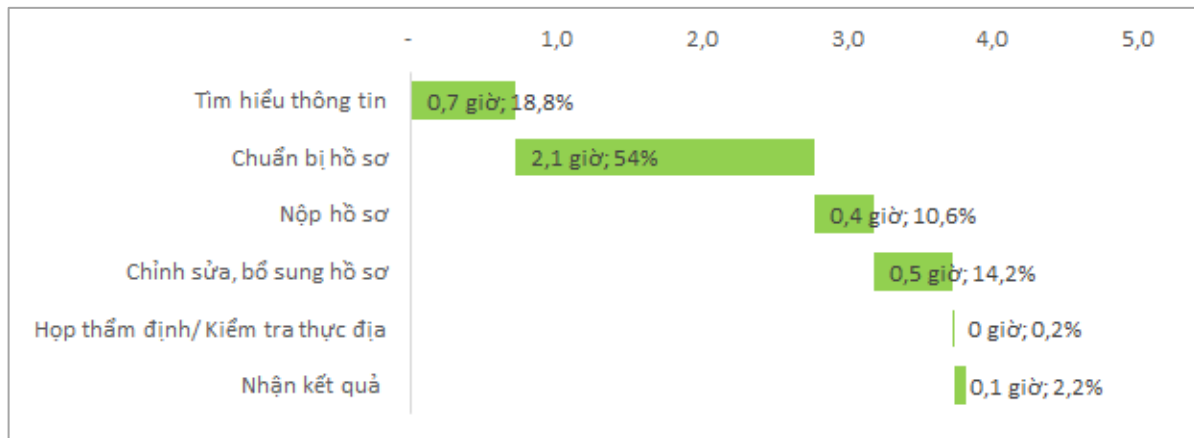


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Trong số các bước thực hiện các TTHC Thuế, chuẩn bị hồ sơ là bước mất nhiều thời gian nhất, chiếm đến 54% tổng thời gian thực hiện. Theo đó, trong 3,8 giờ của doanh nghiệp thực hiện các TTHC Thuế, doanh nghiệp dành đến 2,1 giờ cho bước này (Hình 51). Trong số các TTHC thuộc nhóm TTHC Thuế, thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị hồ sơ khá lớn khi yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện một số thủ tục “dắt dây” để hoàn thiện hồ sơ, ví dụ như việc xin Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu.

Bên cạnh đó, quá trình khảo sát APCI 2020 cũng ghi nhận thời gian chuẩn bị hồ sơ đối với thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp khá lớn bởi có một số doanh nghiệp cho biết đến cuối kỳ quyết toán doanh nghiệp mới tập hợp lại hồ sơ thuế trong cả năm nên khá mất thời gian cho khâu chuẩn bị hồ sơ, cá biệt có một số trường hợp mất đến 15 ngày làm việc.

Hình 51: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Thuế



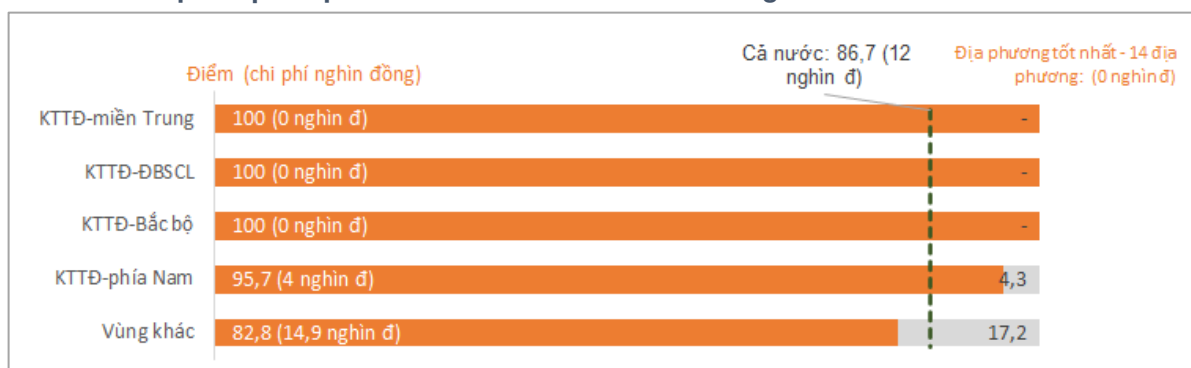
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Tỷ lệ sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong nhóm TTHC Thuế ở mức trung bình với khoảng gần 11% số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết đã phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Theo đó, những doanh nghiệp này thường mất trung bình 2,1 giờ, tối đa mất 5 ngày làm việc cho việc sửa đổi bổ sung hồ sơ (thuộc thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp). Phần lớn doanh nghiệp chỉ phải sửa đổi bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở xuống, duy nhất chỉ có 01 trường hợp phải sửa hồ sơ 08 lần (cũng thuộc thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp). Mặc dù thủ tục về thuế đã được điện tử hóa, cho phép doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Cổng thông tin này vẫn gặp tình trạng lỗi hệ thống khiến doanh nghiệp không thể nộp hồ sơ, đặc biệt vào những dịp cuối tháng, cuối kỳ nộp thuế, dẫn đến thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp bị kéo dài.

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Thuế có chi phí trực tiếp bình quân không đáng kể, trung bình 12 nghìn đồng/TTHC. Trong các vùng KTTĐ, chỉ có vùng KTTĐ phía Nam phát sinh chi phí trực tiếp (Hình 52). Hầu hết các trường hợp thực hiện nhóm TTHC Thuế đều không phát sinh chi phí trực tiếp (do không phát sinh nghĩa vụ về phí/lệ phí với các TTHC thuộc nhóm TTHC Thuế). Chi phí trực tiếp trên thực tế chỉ phát sinh ở một số trường hợp đặc biệt như thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp (có doanh nghiệp cho biết chi phí xin sao kê, đóng bộ hồ sơ hết 2 triệu đồng). Đặc biệt, 100% doanh nghiệp được khảo sát đều khẳng định không phải chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ cơ quan nhà nước khi thực hiện các thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp.

Hình 52: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế theo vùng



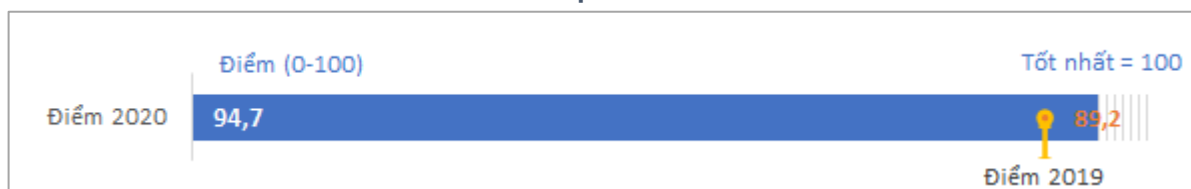
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020

Dịch vụ tư vấn trọn gói: cứ 100 doanh nghiệp thực hiện TTHC Thuế thì có khoảng 5 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện thủ tục. Số liệu khảo sát cho thấy mức chi phí dịch vụ trọn gói ghi nhận được thấp nhất khoảng 0,5 triệu đồng/TTHC, cao nhất khoảng 9 triệu đồng/TTHC. Thông thường các doanh nghiệp thường thuê dịch vụ trọn gói về thuế theo năm và trọn gói tất cả các TTHC về thuế có phát sinh của doanh nghiệp.

2.8.2. Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Thuế

Trong bối cảnh khung pháp luật về Nhóm TTHC Thuế không có sự thay đổi trong giai đoạn khảo sát APCI 2020 và APCI 2019 (cuối năm 2019 và cuối năm 2018), điểm APCI 2020 của nhóm TTHC Thuế tăng 5,5 với điểm so với APCI 2019. Khi so sánh các kết quả về tổng CPTT, thời gian hay chi phí trực tiếp cho việc thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Thuế cho thấy gánh nặng chi phí tuân thủ đã giảm tương đối đáng kể đối với doanh nghiệp. Điểm nổi bật trong nhóm TTHC Thuế là tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói qua 02 năm khảo sát đã giảm xuống đáng kể, từ 24% xuống còn 5%. Điều này cũng phù hợp với thực tế các doanh nghiệp khảo sát đã có kinh nghiệm và lựa chọn việc tự thực hiện thủ tục.

Hình 53: Điểm APCI của Nhóm TTHC Thuế qua các năm



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 12: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Thuế

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	776.890	266.962	-66%
Thời gian thực hiện (giờ)	4,7	3,8	-19%

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Chi phí trực tiếp (đồng)	54.437	11.593	-79%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	24%	5%	
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	2.683.212	2.852.500	6%

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI

Một điểm khác biệt giữa APCI 2019 và APCI 2020 đối với nhóm TTHC Thuế là khảo sát APCI 2020 ghi nhận sự thay đổi tích cực về quá trình làm việc với đoàn kiểm tra của cơ quan thuế xuống làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp trong thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp (thuộc về bước Hợp thẩm định/Kiểm tra thực địa). Theo đó, tỷ lệ doanh nghiệp phải làm việc với đoàn kiểm tra của cơ quan thuế xuống làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp, chi phí thời gian và chi phí trực tiếp dành cho việc tiếp đón đều giảm đáng kể.

2.8.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Trong những năm gần đây, ngành Thuế luôn dẫn đầu trong việc cải cách thực hiện TTHC, đặc biệt trong vấn đề điện tử hóa việc thực hiện TTHC nhằm đơn giản hóa việc thực hiện, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục. Qua khảo sát, các doanh nghiệp mong muốn ngành thuế tiếp tục cải cách và tập trung vào 02 vấn đề sau:

- i. *Tính ổn định và mức độ hỗ trợ doanh nghiệp khi sử dụng Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế*: Trong năm 2019, ngành Thuế đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện chất lượng của Hệ thống Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Do đó, tình trạng gặp lỗi hệ thống khi thực hiện khai hồ sơ thuế và nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đã phần nào được cải thiện. Tuy nhiên, khảo sát vẫn ghi nhận phản ánh của một số doanh nghiệp về lỗi hệ thống khi thực hiện khai hồ sơ thuế và nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, đặc biệt trong thời điểm cuối tháng hoặc cuối kỳ kế toán. Đây là vướng mắc mà nhiều doanh nghiệp gặp phải khi thực hiện TTHC về Thuế và đã được phản ánh trong cả quá trình khảo sát APCI 2018 và APCI 2019.
- ii. *Quy trình thực hiện thủ tục*: Đơn giản hoá và chuẩn hoá quy trình thực hiện thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp. Để thực hiện được điều này, doanh nghiệp mong muốn cơ quan thuế đồng hành và sát sao với doanh nghiệp từ thời điểm doanh nghiệp thành lập và trong suốt quá trình hoạt động để tiết kiệm được thời gian khi thực hiện thủ tục giải thể. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng mong muốn khắc phục tình trạng hướng dẫn khác nhau trong quá trình thực hiện thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp giữa một số địa phương, ví dụ như về thành phần hồ sơ.

Nghiên cứu các nội dung phản ánh bởi doanh nghiệp và phân tích các kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy vẫn còn dư địa cải cách trong nhóm TTHC Thuế, tập trung vào một số vấn đề sau:

- Hoàn thiện và nâng cấp hệ thống khai và nộp thuế trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, đảm bảo khả năng truy cập và sử dụng được thông suốt, tránh trường hợp không thể truy cập (đặc biệt vào cuối tháng hoặc cuối kỳ quyết toán thuế). Đồng thời Tổng cục Thuế cần rà soát các các bảng, biểu mẫu được hỗ trợ trong Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và phần mềm Hỗ trợ kê khai để việc thực hiện TTHC của doanh nghiệp được dễ dàng và thuận tiện hơn;
- Xây dựng các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và rà soát, cải cách một số khâu trong việc thực hiện TTHC đòi hỏi nhiều thời gian công sức của cả doanh nghiệp và công chức, đặc biệt lưu ý đến thủ tục đối với doanh nghiệp phải rời bỏ thị trường (được dự báo sẽ còn tiếp tục tăng lên) như thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể; và
- Chuẩn hoá quy trình xử lý nội bộ, đảm bảo thông tin hướng dẫn thực hiện thủ tục rõ ràng và đầy đủ (bao gồm cả việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung hồ sơ), bố trí công chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ cần được lưu tâm để đảm bảo việc giải quyết các hồ sơ thực hiện TTHC thuế theo đúng quy định.

2.9. Nhóm TTHC liên quan đến Xây dựng

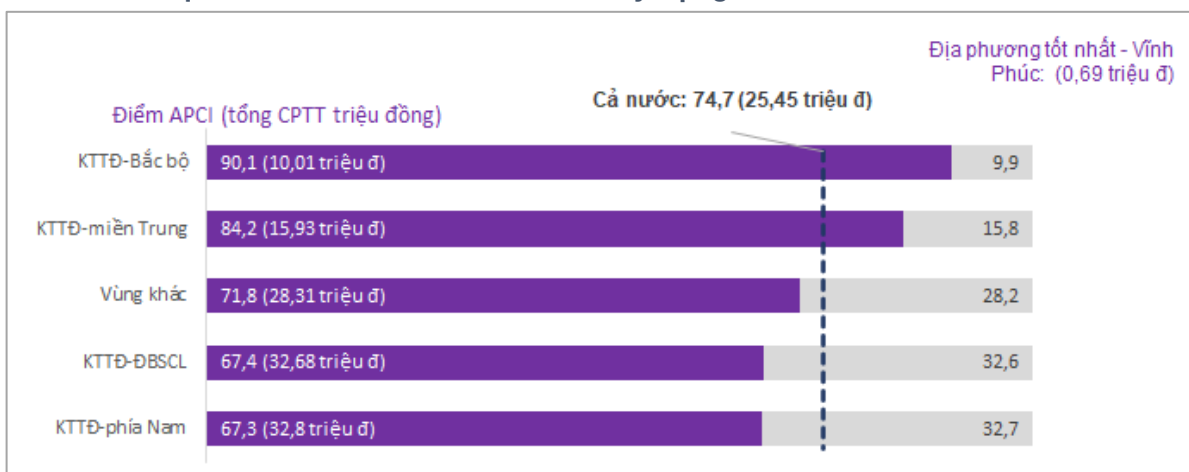
Nhóm TTHC Xây dựng khảo sát trong năm 2020 bao gồm 04 TTHC: i) Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn khác; ii) Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước (đối với dự án sử dụng vốn khác); iii) Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án sử dụng vốn khác chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; và iv) Cấp giấy phép xây dựng.

Phân phân tích nhóm TTHC Xây dựng sẽ được chia làm hai phần: i) Phân tích tổng hợp theo số liệu khảo sát năm 2020 của 04 TTHC Xây dựng và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...) và ii) so với kết quả của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này.

2.9.1. Chỉ số APCI 2020 của nhóm TTHC Xây dựng

Kết quả chung: Kết quả khảo sát APCI 2020 của 04 TTHC Xây dựng được trình bày tại Hình 54 dưới đây. Điểm APCI của nhóm TTHC Xây dựng đạt 74,7 điểm, cách 25,3 điểm so với thực tiễn tốt nhất (100 điểm). Với tổng CPTT trung bình là 25,45 triệu đồng/TTHC nhóm TTHC Xây dựng nằm trong nhóm có chi phí CPTT rất cao trong số bốn nhóm chi phí⁴⁷. Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ Bắc Bộ vượt trội, với 90,1 điểm tương ứng với CPTT là khoảng 10 triệu đồng/TTHC. Các vùng KTTĐ phía Nam và ĐBSCL có điểm APCI thấp nhất, với 67,4/100 điểm, cách 32,6 điểm so với điểm tốt nhất, tương ứng với CPTT là gần 33 triệu đồng/TTHC. CPTT trung bình của các doanh nghiệp tại Vĩnh Phúc được ghi nhận thấp nhất cả nước với 0,69 triệu đồng/TTHC.

Hình 54: Kết quả APCI 2020 của nhóm TTHC Xây dựng



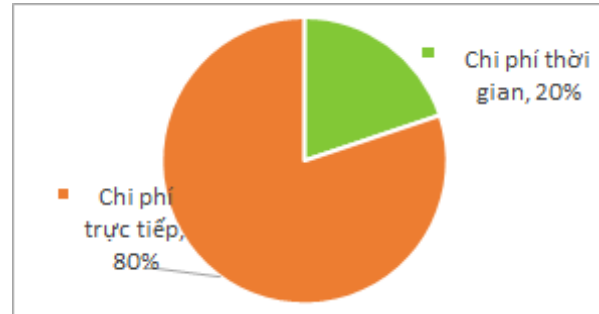
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý, tổng CPTT (triệu đồng) là trung bình cộng CPTT của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát bao gồm các doanh nghiệp tự làm, thuê tư vấn một phần và thuê tư vấn trọn gói.

⁴⁷Nhóm CPTT thấp có giá trị từ 0 – 2,9 triệu đồng/TTHC, Nhóm CPTT trung bình có giá trị từ 2,9 – 5 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT cao có giá trị từ 5 - 10 triệu đồng/TTHC, nhóm CPTT rất cao có giá trị từ trên 10 triệu đồng/TTHC

Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng được phản ánh tại Hình 55. Theo đó, chi phí thời gian chỉ chiếm 20% trong tổng CPTT của nhóm TTHC Xây dựng. 4/5 chi phí còn lại là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các TTHC về Xây dựng. Dưới đây là phân phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng.

Hình 55: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng

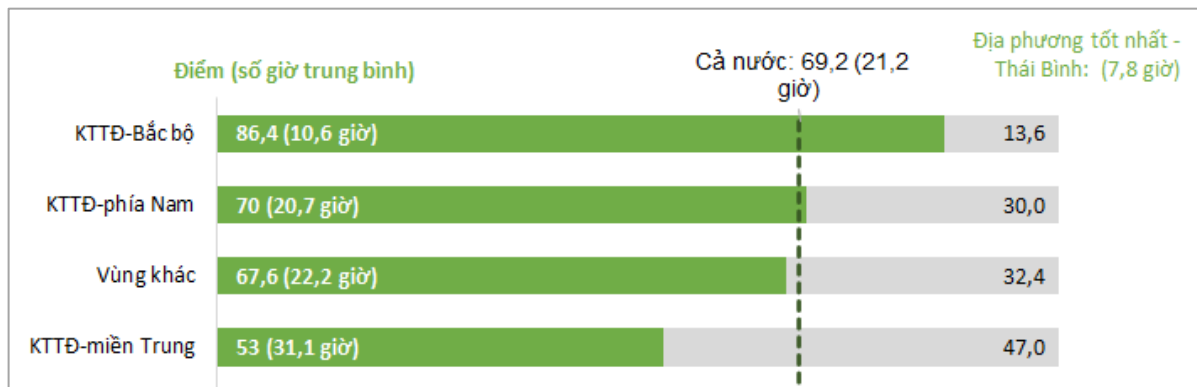


Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Thời gian thực hiện

Nhóm TTHC Xây dựng có số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 21,2 giờ. Thái Bình là địa phương có thực tiễn tốt nhất về chỉ số thành phần thời gian thực hiện nhóm TTHC Xây dựng với trung bình là 7,8 giờ. Vùng KTTĐ Bắc bộ có điểm số tốt nhất trong số các vùng KTTĐ và thời gian thực hiện ngắn nhất là 10,6 giờ, trong khi vùng KTTĐ miền Trung có điểm số thấp nhất, doanh nghiệp phải bỏ ra trung bình là 31,1 giờ, tương đương với 3,9 ngày làm việc để hoàn thành một TTHC về xây dựng (Hình 56).

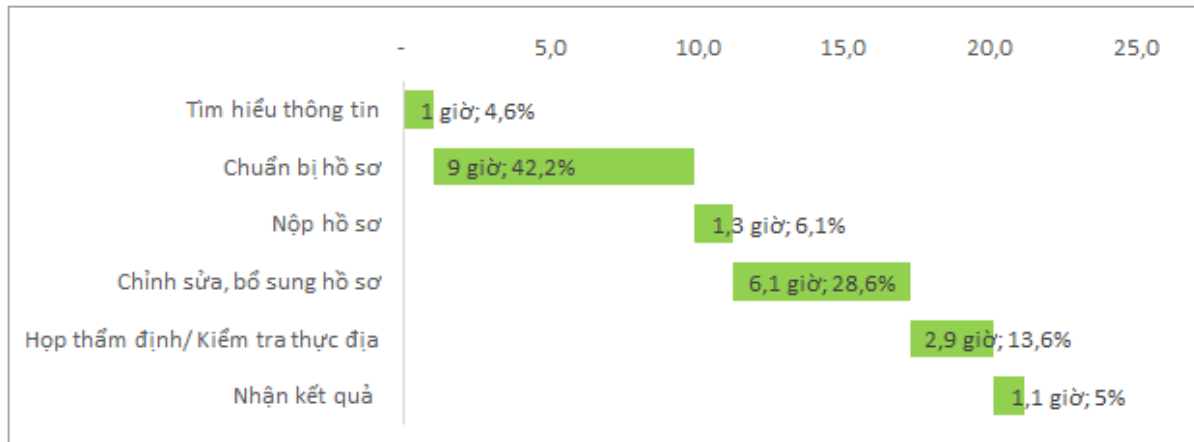
Hình 56: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Xây dựng theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Trong số các bước thực hiện các TTHC về xây dựng, hai bước liên quan đến hồ sơ là chuẩn bị hồ sơ và chỉnh sửa bổ sung hồ sơ là các bước mất nhiều thời gian nhất, chiếm 70,8% tổng thời gian thực hiện. Cụ thể, trong 21,2 giờ của doanh nghiệp thực hiện các TTHC về xây dựng, doanh nghiệp dành đến 9 giờ (42,2%) cho bước chuẩn bị hồ sơ và 6,1 giờ (28,6%) cho bước chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (Hình 57). Điều này cũng phản ánh đặc thù về mức độ phức tạp của hồ sơ trong các thủ tục xây dựng, đặc biệt là thời gian làm việc với bên tư vấn thiết kế bản vẽ và thu thập đủ các loại giấy tờ theo yêu cầu.

Hình 57: Tỷ trọng về thời gian theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Xây dựng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Tỷ lệ sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong nhóm TTHC Xây dựng rất cao với khoảng 42% tổng số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết đã phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Những doanh nghiệp này thường mất trung bình 14,4 giờ (gần 02 ngày làm việc), cá biệt có doanh nghiệp mất hơn 26 ngày làm việc cho việc sửa đổi bổ sung hồ sơ (bao gồm cả việc nhận thông báo chỉnh sửa và nộp lại hồ sơ). Trong số các doanh nghiệp phải sửa đổi bổ sung hồ sơ, có đến gần 1/3 doanh nghiệp phải thực hiện sửa đổi hồ sơ từ 02 lần trở lên, thậm chí có doanh nghiệp phải thực hiện đến 06 lần. Trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp cho thấy việc đảm bảo chất lượng thông tin cung cấp từ phía cơ quan nhà nước có thể giúp hạn chế việc sửa đổi bổ sung hồ sơ nhiều lần, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đối với doanh nghiệp.

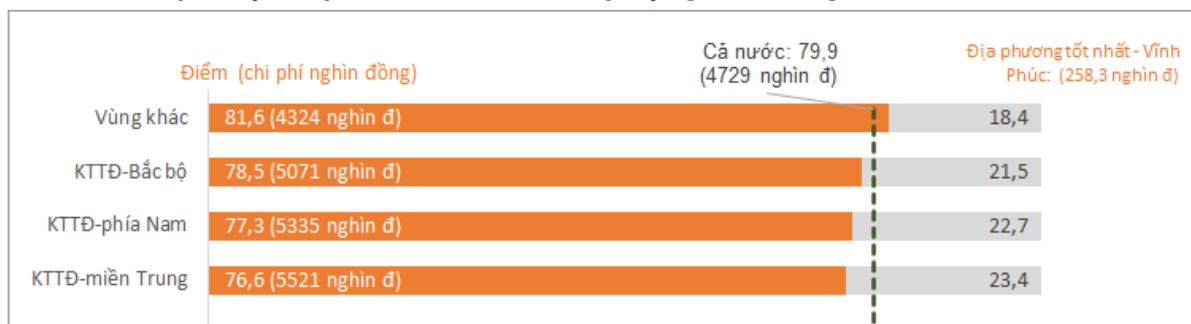
Mặc dù việc nộp hồ sơ và nhận kết quả đều chiếm tỷ trọng khá thấp trong tổng thời gian thực hiện các TTHC về xây dựng, kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy hầu hết các doanh nghiệp vẫn thực hiện việc nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp. Ngoài ra, có một số trường hợp thực hiện qua đường bưu điện. Có một điểm cần lưu ý rằng trong tất cả các trường hợp doanh nghiệp thực hiện TTHC về xây dựng được khảo sát năm nay, chỉ có duy nhất 01 trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến (thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng), tuy nhiên bước nhận kết quả vẫn thực hiện trực tiếp. Có rất nhiều ý kiến đóng góp của doanh nghiệp mong muốn điện tử hoá quy trình thực hiện, cho phép doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, từ đó giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

Khảo sát cho thấy có sự chênh lệch lớn về mặt thời gian thực hiện giữa việc doanh nghiệp tự thực hiện TTHC và doanh nghiệp sử dụng đơn vị tư vấn khi thực hiện các TTHC về xây dựng. Khảo sát doanh nghiệp cho thấy doanh nghiệp tự thực hiện là những doanh nghiệp hoạt động chuyên về lĩnh vực xây dựng, bất động sản, và thường có một bộ phận riêng để phụ trách các khâu thiết kế, và bộ phận riêng làm việc với cơ quan nhà nước (trên 50% doanh nghiệp hoàn thành TTHC trong vòng dưới 12 giờ). Trong khi các doanh nghiệp thuê tư vấn bên ngoài thường chỉ là những công trình xây dựng đơn lẻ, và không có nhiều kinh nghiệm thực hiện thủ tục về xây dựng, vì vậy việc thực hiện mất nhiều thời gian hơn so với những đơn vị chuyên nghiệp, với 12 giờ chỉ có khoảng 1/3 số doanh nghiệp có thể hoàn thành TTHC.

Chi phí trực tiếp

Nhóm TTHC Xây dựng có chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 4,7 triệu đồng/TTHC. Vĩnh Phúc là địa phương có thực tiễn tốt nhất về chi phí trực tiếp (0,258 triệu đồng). Lưu ý, doanh nghiệp được khảo sát ở Vĩnh Phúc chỉ thực hiện thủ tục Cấp giấy phép xây dựng. Vùng KTTĐ ĐBSCL có điểm số tốt nhất xét về điểm thành phần chi phí trực tiếp trong số các vùng KTTĐ với chi phí trực tiếp trung bình là 1,2 triệu đồng/TTHC (Hình 58).

Hình 58: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng theo vùng



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020.

Chi phí trực tiếp để thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Xây dựng bao gồm các loại chi phí sau: i) Chi phí sao chụp, chứng thực; ii) Các loại phí và lệ phí theo quy định (bao gồm các loại phí thẩm định và lệ phí cấp phép xây dựng); iii) Chi phí không chính thức (nếu có). Với mức độ phức tạp của các hồ sơ thẩm định, chi phí sao chụp, chứng thực của các TTHC về xây dựng là khá lớn, tùy thuộc quy mô dự án. Trong số các doanh nghiệp trả lời khảo sát APCI 2020 trong nhóm TTHC Xây dựng, có những trường hợp cá biệt doanh nghiệp cho biết doanh nghiệp chi trả từ 15-20 triệu tiền photo, chứng thực đối với một bộ hồ sơ thẩm định. Về các loại phí và lệ phí, doanh nghiệp nộp các khoản phí/lệ phí này căn cứ theo quy định tại các thông tư của Bộ Tài chính/ng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và không gặp vướng mắc.

Chi phí không chính thức thường phát sinh trong thủ tục Cấp giấy phép xây dựng (bước kiểm tra thực địa). Khoảng 3% doanh nghiệp trả lời khảo sát nhóm TTHC Xây dựng có chia sẻ về chi phí trả nước, mời cơm, xe đưa đón, bồi dưỡng đoàn kiểm tra (thuộc thủ tục Cấp giấy phép xây dựng), với chi phí trung bình khoảng 1,5 triệu/doanh nghiệp.

Dịch vụ tư vấn trọn gói: cứ 100 doanh nghiệp thực hiện TTHC về xây dựng thì có khoảng 16 doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện thủ tục. Số liệu khảo sát cho thấy mức chi phí dịch vụ trọn gói trung bình là hơn 125 triệu đồng/TTHC, thấp nhất khoảng 5 triệu đồng/TTHC, và mức cao nhất ghi nhận được trong khảo sát là 1 tỷ đồng cho việc thiết kế công trình và thực hiện các thủ tục liên quan đến thẩm định thiết kế.

2.9.2. Mức độ cải thiện của nhóm TTHC Xây dựng

Trong bối cảnh khung pháp luật về nhóm TTHC Xây dựng không có sự thay đổi trong giai đoạn khảo sát APCI 2020 và APCI 2019 (cuối năm 2019 và cuối năm 2018), điểm APCI 2020 của nhóm TTHC Xây dựng giảm 5,8 điểm so với điểm APCI 2019. So sánh các kết quả về tổng CPTT,

thời gian hay chi phí trực tiếp cho việc thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Xây dựng cho thấy gánh nặng CPTT tăng cao đối với doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp được khảo sát nhận định rằng xu hướng bùng nổ nguồn cung của thị trường bất động sản trong năm 2019 đã phần nào ảnh hưởng đến chính sách quản lý thị trường bất động sản, dẫn đến sự thất chặt của cơ quan quản lý trong thẩm định công trình và cấp phép xây dựng.

Hình 59: Điểm APCI của Nhóm TTHC Xây dựng qua các năm



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2020. Lưu ý điểm APCI được tính dựa trên kết quả so sánh giá trị CPTT trung bình so với giá trị CPTT cao nhất và thấp nhất của toàn bộ các doanh nghiệp trả lời khảo sát.

Bảng 13: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Xây dựng

Tiêu chí so sánh	2019	2020	↑↓ so với 2019
Tổng CPTT (đồng)	19.589.220	25.275.675	29%
Thời gian thực hiện (giờ)	18,1	21,2	17%
Chi phí trực tiếp (đồng)	6.350.282	4.728.602	-26%
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	21%	16%	
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	67.900.000	125.461.538	85%

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI

Một điểm đặc thù của nhóm TTHC Xây dựng là tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói qua 02 năm khảo sát là khá cao (trung bình gần 20%); đồng thời phí dịch vụ trung bình trả cho các đơn vị tư vấn cũng khá lớn (trung bình gần 100 triệu). Điều này cũng phù hợp với mức độ phức tạp của nhóm TTHC Xây dựng, đặc biệt là các thủ tục thẩm định thiết kế - theo đó các doanh nghiệp thường phải thuê các đơn vị tư vấn để thiết kế bản vẽ. Thông thường các doanh nghiệp còn có xu hướng thuê dịch vụ trọn gói từ bước thẩm định đầu tiên cho đến khi được cấp giấy phép xây dựng.

2.9.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Trong quá trình khảo sát các doanh nghiệp thực hiện TTHC trong lĩnh vực xây dựng, có 04 (bốn) nhóm vấn đề lớn mà doanh nghiệp phản ánh là còn gặp khó khăn, mong muốn có sự cải cách đến từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Thành phần hồ sơ:** Nhiều doanh nghiệp phản ánh về việc các thủ tục trong lĩnh vực xây dựng yêu cầu quá nhiều thành phần hồ sơ, khiến doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian thu thập và chuẩn bị cũng như tốn chi phí in ấn, photo, chứng thực. Doanh nghiệp mong

muốn giảm tải những thành phần hồ sơ không thực sự cần thiết (như hồ sơ năng lực của các nhà thầu) để tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

- ii. *Thời gian xử lý hồ sơ*: Nhiều doanh nghiệp cho rằng thời gian thẩm định hiện nay là khá lâu, mong muốn đẩy nhanh thời gian tổng hợp ý kiến các sở, ban, ngành liên quan để doanh nghiệp rút ngắn thời gian chờ đợi. Có doanh nghiệp cho biết sau khi thẩm định bản vẽ sẽ được đóng dấu đỏ, nhưng thời gian chờ đóng dấu rất lâu, có khi phải mất đến 02 tháng chờ đợi. Tương tự, thời gian chờ để nhận giấy phép xây dựng cũng được một số doanh nghiệp phản ánh là khá dài, mong muốn đẩy nhanh thời gian cơ quan nhà nước tiến hành khảo sát thực địa để doanh nghiệp sớm được cấp giấy phép xây dựng.
- iii. *Cung cấp thông tin và hướng dẫn sửa đổi bổ sung hồ sơ*: Nhiều doanh nghiệp mong muốn cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ cần hướng dẫn cụ thể, kỹ càng hơn để rút ngắn thời gian đi lại, sửa đổi, bổ sung hồ sơ cho doanh nghiệp. Nếu hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung thì phải đảm bảo thông báo đầy đủ trong một lần về những điểm cần phải sửa đổi, bổ sung. Việc cung cấp thông tin cho người đi làm thủ tục cũng được đề xuất theo hướng cần cập nhật thông tin, biểu mẫu mới nhất, cung cấp đầy đủ, rõ ràng cho doanh nghiệp. Cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ cần nắm rõ danh mục hồ sơ, đảm bảo cung cấp thông tin và hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chính xác.
- iv. *Nộp hồ sơ và trả kết quả*: Các doanh nghiệp mong muốn kết quả được trả đúng hạn, nếu được có thể cho phép lấy sớm hơn. Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn do khoảng cách địa lý đi lại rất xa (có những trường hợp người thực hiện thủ tục phải di chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác để thực hiện thủ tục). Do đó, doanh nghiệp mong muốn khi đến nộp hồ sơ, cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải sẵn sàng để làm việc. Nhiều doanh nghiệp bày tỏ mong muốn thực hiện thủ tục trực tuyến để tiết kiệm thời gian đi lại và chờ đợi. Hiện nay việc nộp hồ sơ bản giấy cũng khiến doanh nghiệp phải tốn chi phí lưu trữ khá nhiều hồ sơ, giấy tờ bản cứng.

Nghiên cứu các nội dung phản ánh bởi doanh nghiệp và phân tích các kết quả khảo sát APCI 2020 cho thấy vẫn còn dư địa cải cách trong Nhóm TTHC Xây dựng, tập trung vào một số vấn đề sau:

- Đẩy mạnh việc điện tử hoá các TTHC trong lĩnh vực xây dựng, giúp tiết kiệm CPTT cho doanh nghiệp, đặc biệt là chi phí in ấn, chứng thực hồ sơ và thời gian đi lại. Hiện nay nhiều địa phương đã áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 với các thủ tục xây dựng và đang trong quá trình đưa lên dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tuy nhiên, trong quá trình điện tử hoá TTHC về xây dựng, doanh nghiệp còn gặp một số khó khăn nhất định, ví dụ như khi sử dụng chữ ký số trên các hồ sơ, bản vẽ thiết kế xây dựng trình thẩm định,

doanh nghiệp vẫn phải nộp đồng thời hồ sơ văn bản giấy để đối chiếu⁴⁸. Do đó, để khuyến khích doanh nghiệp lựa chọn thực hiện TTHC trực tuyến, cần thiết phải đảm bảo việc thực hiện TTHC trực tuyến là thuận lợi và tiết kiệm hơn so với thực hiện trực tiếp bằng cách không yêu cầu nộp hồ sơ bản giấy để đối chiếu khi doanh nghiệp đã sử dụng chữ ký số trong hồ sơ⁴⁹.

- Tiếp tục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC về xây dựng. Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật Xây dựng sửa đổi 2020) đã rút gọn thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình từ 30 ngày⁵⁰ xuống còn 20 ngày⁵¹. Trên thực tế, trước khi Luật Xây dựng sửa đổi 2020 được ban hành, nhiều địa phương đã chủ động giảm thời gian thẩm định, cấp phép xây dựng so với thời gian luật định⁵². Bên cạnh đó, Luật Xây dựng sửa đổi 2020 còn bổ sung thêm một số trường hợp miễn giấy phép xây dựng, trong đó có trường hợp *“Công trình xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đủ điều kiện phê duyệt thiết kế xây dựng và đáp ứng các điều kiện về cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Luật này”*⁵³, phù hợp với mong muốn của doanh nghiệp.
- Chú trọng việc hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục, tránh trường hợp doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần để chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ; đảm bảo tính cập nhật của thông tin được cung cấp. Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn về xây dựng cũng nên rà soát các thành phần hồ sơ của các TTHC trong lĩnh vực xây dựng với mục tiêu cắt giảm các thành phần hồ sơ không thực sự cần thiết nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

⁴⁸ Trong năm 2019, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 92/BXD-HĐXD về việc sử dụng chữ ký điện tử trên bản vẽ thiết kế xây dựng và chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài. Theo đó, Bộ Xây dựng khuyến khích việc sử dụng chữ ký điện tử hay chữ ký số trên các hồ sơ, bản vẽ thiết kế xây dựng trình thẩm định; tuy nhiên, chủ đầu tư cần gửi đồng thời hồ sơ văn bản giấy và hồ sơ văn bản điện tử (để lưu trữ và đối chiếu nếu cần). Xem thêm tại:

http://moc.gov.vn/Images/FileOld/48304/92323/BXD_92-BXD-HDXD_09042019.signed.pdf

⁴⁹ Tại Đắk Lắk, cả tỉnh chỉ có 1 điểm scan được bản thiết kế, scan mỗi tờ khoảng 10 nghìn đồng, hồ sơ khoảng vài trăm tờ, dẫn tới chi phí rất lớn cho doanh nghiệp khi phải nộp song song hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy

⁵⁰ Luật Xây dựng 2014, Điều 102, khoản 1, điểm e

⁵¹ Luật Xây dựng (sửa đổi) 2020, Điều 1, khoản 36

⁵² Ví dụ, thời gian cấp phép xây dựng tại Đắk Lắk là 10 ngày, tại Gia Lai là 15 ngày (so với thời gian quy định trong văn bản luật là 30 ngày). Cũng tại Gia Lai, thời gian thẩm định thiết kế cơ sở là không quá 14 ngày đối với dự án nhóm B (giảm 6 ngày so với quy định); thời gian thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công không quá 22 ngày đối với công trình cấp II, III (giảm 7 ngày so với quy định); không quá 17 ngày đối với các công trình còn lại (giảm 3 ngày so với quy định).

⁵³ Luật Xây dựng (sửa đổi) 2020, Điều 1, khoản 30

- Hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước để tránh phát sinh chi phí không chính thức, đặc biệt trong quá trình kiểm tra thực địa để cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC 1: CÁCH THỨC THỰC HIỆN VÀ TÍNH TOÁN CHỈ SỐ APCI 2020(CẬP NHẬT VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN)

GIỚI THIỆU

Chi phí tuân thủ TTHC là chi phí mà cá nhân, tổ chức phải gánh chịu để tuân thủ các quy định của một TTHC nhất định. Tính toán CPTT TTHC là việc lượng hóa các chi phí về thời gian, chi phí vật chất mà cá nhân, tổ chức bỏ ra để thực hiện TTHC. Phương pháp xây dựng chỉ số APCI và tổ chức thực hiện nghiên cứu được bám sát theo đúng Đề án 383 của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC⁵⁴.

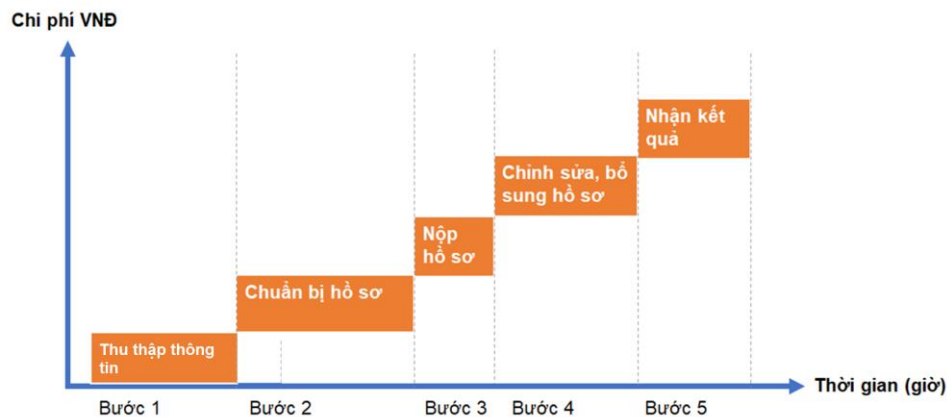
PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CHỈ SỐ APCI

Chỉ số APCI được xây dựng bằng cách kết hợp phương pháp tính chi phí tuân thủ TTHC theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP và việc khảo sát đối tượng thực hiện TTHC (phương pháp thu thập dữ liệu đầu vào thông qua thực tế việc thực hiện TTHC từ góc độ của cộng đồng doanh nghiệp).

Chi phí tuân thủ TTHC được đánh giá bằng cách xem xét và ghi lại tất cả các yêu cầu điều kiện và các TTHC chính thức (theo quy định của pháp luật hiện hành), và/hoặc thông thường được thực hiện trong thực tế đối với một doanh nghiệp để có được kết quả của TTHC (có thể là giấy phép, giấy chứng nhận, quyết định/văn bản hành chính của cơ quan nhà nước...). Quá trình này bao gồm các hoạt động mà doanh nghiệp phải trải qua từ khi bắt đầu tìm hiểu thông tin, chuẩn bị bộ hồ sơ, cho đến khi nhận được kết quả cuối cùng và cả việc hoàn thành bất kỳ yêu cầu kiểm tra, xác minh thông tin, hoặc bổ sung giấy tờ theo yêu cầu của cơ quan thụ lý TTHC (Hình 2). Chi phí này là chi phí bằng tiền hoặc thời gian làm việc được quy đổi ra tiền.

⁵⁴Quyết định số 383/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính ngày 07/06/2017 về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Hình 60: Đo lường APCI



Thời gian thực hiện cho từng bước theo 5 bước sau. Thời gian sẽ được quy đổi thành chi phí theo giả định về chi phí ngày làm việc:

- **Bước 1:** Thu thập thông tin (bao gồm các công việc cần thiết để Doanh nghiệp hiểu rõ về thông tin cần thiết để thực hiện thủ tục. Các phương thức thu thập thông tin bao gồm và không giới hạn ở các hoạt động thu thập thông tin trực tiếp, gián tiếp và qua các kênh thông tin khác nhau...)
- **Bước 2:** Chuẩn bị hồ sơ (bao gồm các hoạt động thu thập và tổng hợp thông tin để thỏa mãn các yêu cầu hồ sơ để nộp TTHC. Việc thu thập và tổng hợp thông tin bao gồm và không giới hạn ở các hoạt động điền mẫu biểu, phô tô, công chứng, dịch thuật tài liệu, thực hiện một số thủ tục/giấy phép con để hoàn thành bộ hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.)
- **Bước 3:** Nộp hồ sơ (bao gồm các hoạt động nộp hồ sơ đã chuẩn bị theo hướng dẫn cơ quan nhà nước thụ lý hồ sơ. Việc nộp hồ sơ có thể được thực hiện theo ba cách: i) đến nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước, ii) nộp trực tuyến qua internet (đối với các thủ tục cấp độ 3, và cơ quan nhà nước có cổng thông tin trực tuyến để thực hiện việc này), và iii) nộp qua đường bưu điện.)
- **Bước 4:** Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ (bao gồm các hoạt động sửa đổi hồ sơ, bổ sung giấy tờ và nộp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước thụ lý hồ sơ.
- **Bước 5:** Các hoạt động thẩm tra thực địa, họp hội đồng thẩm định,... theo yêu cầu của quá trình thẩm định hồ sơ
- **Bước 6:** Nhận kết quả (bao gồm các hoạt động tiếp nhận kết quả theo ngày hẹn của cơ quan nhà nước tại địa điểm được hướng dẫn. Một số các hoạt động cần thiết như thông báo/công bố thông tin trên các phương tiện thông tin được chỉ định theo luật để hoàn tất quá trình thực hiện TTHC nhưng không dẫn đến một TTHC khác cũng sẽ được bao gồm trong bước này).

Chi phí thời gian là thời gian trung bình của một doanh nghiệp để thực hiện một TTHC theo 5 bước thực hiện (như trên). Thời gian trung bình (giờ) được quy đổi ra chi phí bằng tiền bằng cách

nhân với Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc. Số liệu về thời gian được thực hiện thông qua khảo sát các doanh nghiệp trên cả nước.

Chi phí trực tiếp: các loại chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả cho một bên khác để thực hiện yêu cầu về hồ sơ ở từng bước thực hiện. Chi phí trực tiếp có thể bao gồm các khoản phí, lệ phí chính thức theo quy định, nhưng không bao gồm các khoản thuế (môn bài, thuế nhà đất, thuế XNK, thuế GTGT...). Số liệu về chi phí được thực hiện thông qua khảo sát các doanh nghiệp trên cả nước.

Tổng chi phí (Chi phí tuân thủ): là tổng các chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả khi thực hiện TTHC. Đối với các doanh nghiệp trực tiếp thực hiện TTHC thì tổng chi phí = Thời gian thực hiện * Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc⁵⁵ + Chi phí trực tiếp. Đối với các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói để thực hiện TTHC thì tổng chi phí = tổng chi phí cho dịch vụ trung gian trọn gói đã sử dụng.

- Đối với các doanh nghiệp trực tiếp thực hiện TTHC, chi phí tuân thủ được tính theo công thức sau:

$$CPTT = \text{Thời gian thực hiện} \times \text{Thu nhập bình quân 01 người/giờ làm việc}^{56} + \text{Chi phí trực tiếp}$$
- Đối với các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói để thực hiện TTHC, CPTT được tính theo công thức sau:

$$CPTT = \text{Tổng số tiền đã chi trả cho dịch vụ trung gian trọn gói đã sử dụng.}$$
- CPTT trung bình của nhóm TTHC được tính là trung bình cộng CPTT của các doanh nghiệp trong nhóm, như công thức sau:

$$CPTT \text{ trung bình của nhóm TTHC} = \frac{\sum_{i=1}^n CPTT \text{ tự thực hiện} + \sum_{i=1}^n CPTT \text{ sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói}}{\sum \text{Doanh nghiệp trả lời khảo sát nhóm TTHC}}$$

Điểm chi phí thành phần= Điểm thực tế

$$= (P_{\max} - P_{\text{Thực tế}}) \cdot 100 / (P_{\max} - P_{\min})$$

Trong đó:

- $P_{\text{Thực tế}}$ là giá trị trung bình của tỉnh/nhóm TTHC muốn so sánh

⁵⁵ Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc = Tổng sản phẩm trong nước (theo thống kê của năm gần nhất)/(Số dân (tương ứng năm thống kê) x 12 tháng x 22 ngày làm việc x 08 giờ làm việc). (theo Thông tư 02/2017/TT-VPCP). Số liệu về tổng sản phẩm trong nước được lấy từ nguồn số liệu của Tổng cục thống kê 2019.

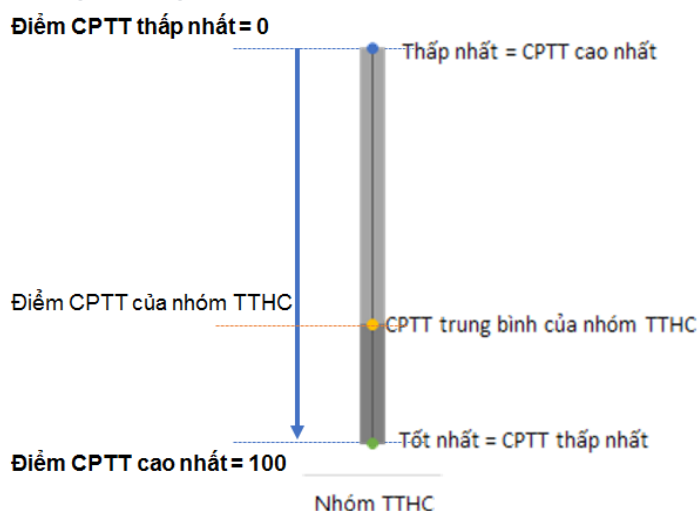
⁵⁶ Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc = Tổng sản phẩm trong nước (theo thống kê của năm gần nhất)/(Số dân (tương ứng năm thống kê) x 12 tháng x 22 ngày làm việc x 08 giờ làm việc) theo Thông tư 02/2017/TT-VPCP. Số liệu về tổng sản phẩm trong nước được lấy từ nguồn số liệu của Tổng cục thống kê 2019.

- $P_{\max}$ là giá trị của 99% percentile của nhóm TTHC muốn so sánh
- $P_{\min}$ là giá trị thấp nhất của nhóm TTHC muốn so sánh

Điểm CPTT (từ 0 đến 100 điểm) được tính là điểm phần trăm đạt được so với CPTT thấp nhất. Trong đó 0 điểm là CPTT cao nhất ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát, 100 điểm là CPTT thấp nhất ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát. Theo giả định của APCI, một TTHC hoặc một nhóm TTHC có điểm CPTT cao được coi là TTHC có chất lượng tốt. Một tỉnh/địa phương có điểm CPTT của một TTHC đạt 100 điểm được coi là địa phương thực thi tốt nhất TTHC đó. Minh họa cách tính điểm CPTT như hình dưới đây:

$$\text{Điểm CPTT của nhóm TTHC} = \frac{(\text{CPTT cao nhất} - \text{CPTT trung bình của nhóm TTHC}) * 100}{\text{CPTT cao nhất} - \text{CPTT thấp nhất}}$$

Tương quan giữa điểm CPTT và CPTT của nhóm TTHC



Ghi chú: Thay các giá trị CPTT bằng giá trị thời gian ta được điểm thời gian và thay các giá trị CPTT bằng giá trị chi phí trực tiếp ta được điểm chi phí trực tiếp

QUY TRÌNH THỰC HIỆN APCI

APCI được xây dựng theo quy trình ba bước:

- Lựa chọn và phân tích TTHC dựa trên các quy định hiện hành và bao gồm cả việc xác minh thông tin về TTHC với các cơ quan ban hành và cơ quan thực thi TTHC;
- Lựa chọn ngẫu nhiên doanh nghiệp từ danh sách doanh nghiệp được các cơ quan thực thi TTHC cung cấp để thực hiện khảo sát trực tiếp (để đảm bảo mức độ chuẩn xác của thông tin do doanh nghiệp cung cấp, chỉ những doanh nghiệp đã thực hiện

TTHC trong sáu tháng cuối năm 2019 (từ tháng 07 đến tháng 12 năm 2019) được đưa vào danh sách để lựa chọn và phỏng vấn; và

iii) Phân tích và tính toán CPTT theo thông tin thu thập được từ doanh nghiệp.

Việc phân tích được thực hiện đối với từng nhóm TTHC được lựa chọn điều tra. Tùy thuộc vào số liệu thu thập được, việc phân tích TTHC sẽ được thực hiện theo địa phương hoặc theo vùng kinh tế trọng điểm⁵⁷ (KTTĐ), bao gồm nhiều tỉnh thay vì so sánh theo số tỉnh có dữ liệu trên toàn bộ 63 tỉnh thành. Việc so sánh giữa các địa phương được thực hiện nếu địa phương đạt số lượng doanh nghiệp tham gia thực hiện TTHC có đủ độ tin cậy và mang tính đại diện. Trong mỗi nhóm TTHC, việc so sánh CPTT của nhóm với các vùng KTTĐ và địa phương có kết quả thấp nhất/cao nhất sẽ giúp có cái nhìn tổng quan về việc thực hiện TTHC ở từng vùng KTTĐ và khoảng cách tới điểm tốt nhất. Trong bối cảnh Chính phủ kiên định thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, việc đánh giá CPTT sẽ giúp mỗi vùng KTTĐ nói chung và các địa phương nói riêng xác định được điểm cần cải thiện và nhanh chóng có những quyết sách cải cách TTHC nhằm thu hút và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh và đầu tư trên địa bàn mình.

KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

Đối tượng khảo sát: Các doanh nghiệp trên cả nước đã thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2019.

Phương pháp chọn mẫu khảo sát: Các doanh nghiệp tham gia khảo sát APCI được chọn mẫu ngẫu nhiên từ danh sách các doanh nghiệp đã hoàn thành TTHC (nhận được kết quả của TTHC) trong 6 tháng cuối năm 2019 được 769 cơ quan quản lý nhà nước địa phương cung cấp. Việc lựa chọn này nhằm đảm bảo tính khách quan của nghiên cứu.

Quy mô mẫu khảo sát: Số lượng mẫu tối thiểu cho mỗi nhóm TTHC được phân tích đảm bảo độ tin cậy 95% và khoảng sai số tối đa ± 5 . Ở mỗi địa phương/vùng được phân tích đảm bảo số lượng mẫu ≥ 5 đối với mỗi nhóm TTHC được phân tích, và đảm bảo tổng lượng mẫu ≥ 25 cho mỗi địa phương trong phân tích tổng thể các nhóm TTHC.

HỒ SƠ DOANH NGHIỆP TRONG APCI 2020

Tổng số trả lời theo từng nhóm TTHC

Tên nhóm TTHC	Số DN trả lời	Tỷ lệ %
DDA	269	9.2%
DDK	311	10.6%
DTU	423	14.5%

⁵⁷Theo các Quyết định số 3318/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; và Quyết định 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020; Tên các vùng KTTĐ được trình bày trong Phụ lục 4.

Tên nhóm TTHC	Số DN trả lời	Tỷ lệ %
HQN	275	9.4%
KNG	641	21.9%
KTN	167	5.7%
MTR	136	4.7%
TAX	384	13.1%
XDG	318	10.9%
Tổng cộng	2924	100.0%

Loại hình doanh nghiệp

Loại hình DN	Số DN trả lời	Tỷ lệ %
Công ty cổ phần	869	29.7%
Công ty hợp danh	29	1.0%
Công ty TNHH	1690	57.8%
Doanh nghiệp tư nhân	284	9.7%
Khác	52	1.8%
Tổng cộng	2924	100.0%

Quy mô doanh nghiệp

Quy mô DN	Số DN trả lời	Tỷ lệ %
DN Lớn	270	9.23%
DN Siêu nhỏ	808	27.63%
DN Nhỏ	995	34.03%
DN Vừa	170	5.81%
Không trả lời	681	23.29%
Tổng cộng	2924	100.0%

Lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực	Số DN trả lời	Tỷ lệ %
Công nghiệp/Chế tạo	520	17.8%
Dịch vụ/Thương mại	1707	58.4%
Khai khoáng	44	1.5%
Nông nghiệp/Lâm nghiệp/Thủy sản	168	5.7%
Xây dựng	340	11.6%
Không trả lời	145	5.0%
Tổng cộng	2924	100.0%

Hồ sơ người trả lời bảng hỏi

Chức vụ người trả lời	Số DN trả lời	Tỷ lệ %
-----------------------	---------------	---------

Chuyên viên	1457	49.83%
Quản lý cấp cao (Giám đốc/Phó giám đốc...)	701	23.97%
Quản lý cấp trung (Trưởng phòng..)	460	15.73%
Tư vấn	291	9.95%
Không trả lời	15	0.51%
Tổng cộng	2924	100.0%

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC NHÓM TTHC ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG CHO CHỈ SỐ APCI 2020

TT	Tên nhóm TTHC	Số lượng TTHC trong nhóm
1.	Đất đai	3
2.	Điều kiện kinh doanh	7
3.	Đầu tư	5
4.	Giao dịch thương mại qua biên giới	2
5.	Khởi sự doanh nghiệp	5
6.	Kiểm tra chuyên ngành	2
7.	Môi trường	3
8.	Thuế	3
9.	Xây dựng	4
	Tổng cộng	34

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC TTHC ĐƯỢC KHẢO SÁT Ở APCI 2020

DDA.1 Đăng ký và Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu

DDA.2 Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

DDA.3 Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức

DDK.1 Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

DDK.3 Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

DDK.4 Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

DDK.6 Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

DDK.8 Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc

DDK.7 Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

DDK.9 Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc

DTU.1 Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

DTU.4 Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

DTU.5 Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

DTU.7 Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)

DTU.8 Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

GTB.3 Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu

GTB.4 Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu

KNG.1 Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

KNG.2 Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

KNG.7 Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần

KNG.9 Khai thuế nộp thuế môn bài lần đầu

KNG.11 Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử cấp tỉnh

KTN.5 Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ TTTT

KTN.8 Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

MTR.1 Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

MTR.2 Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

MTR.3 Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án

TAX.1 Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp

TAX.2 Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

TAX.3 Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

XDG.1 Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn khác

XDG.2 Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước (đối với dự án sử dụng vốn khác)

XDG.3 Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng

XDG.4 Cấp giấy phép xây dựng

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH CÁC TỈNH THUỘC VÙNG KTTĐ

Tỉnh	Vùng KT	Nguồn
Bà Rịa Vũng Tàu	KTTĐ-phía Nam	Quyết định số 3318/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035
Bình Dương		
Đồng Nai		
Bình Phước		
Tây Ninh		
Long An		
Tiền Giang		
Hồ Chí Minh		
Hải Phòng	KTTĐ-Bắc bộ	Quyết định 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020
Hà Nội		
Quảng Ninh		
Hải Dương		
Hưng Yên		
Bắc Ninh		
Vĩnh Phúc		
Đà Nẵng	KTTĐ-miền Trung	Quyết định 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020
Thừa Thiên Huế		
Quảng Nam		
Quảng Ngãi		
Bình Định		
Cần Thơ	KTTĐ-ĐBSCL	Quyết định 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020
An Giang		
Kiên Giang		
Cà Mau		